26 PHỎNG VẤN VỀ GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠN TOÀN QUỐC

nghệ thuật

KẺ TIỀN PHONG CỦA PHONG TRÀ

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

TIỂU THUYẾT MỚ

S. BECKET

nghệ thuật

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

CUNG TRAM TƯƠNG
THANH TAM TUYEN
CHU TƯ NGOC LINH
LE XUYEN
NGUYEN SA
TRAN LE NGUYEN
HOANG HAI THUY
HOANG ANH TUAN
TO KIEU NGAN
LY HOANG PHONG
TRAN DA TƯ
TRAN ĐƯC UYEN
NGUYEN THUY LONG
NHA CA
HOANG TRUC LY

trả lời cuộc phỏng vấn của Nghệ Thuật về giải văn chương toàn quốc năm nay

1

VẤN ĐỀ — NHẬN ĐỊNH

NGUYÊN SA
Nhìn rõ mặt thơ
VŨ KHẮC KHOAN
nói về sinh hoạt kịch nghệ hiện tại
SƠ DẠ HƯƠNG
Samuel Beckett kẻ tiên phong trong phong trào tiểu thuyết mới
MAI THẢO
Giới thiệu thơ tiền chiến

2

THƠ — TRUYỆN

SAMUEL BECKETT
HOÀNG NGỌC BIÊN
Kẻ bị trục xuất
TÔ KIỀU NGÂN
Tiếng hát của Duyên
APOLI INAIRE
VŨ HOÀNG CHƯƠNG
ĐÔNG HỒ
VƯƠNG TÂN
TẦN VY
5 bài thơ

3

TRUYỆN DÀI

MAI THẢO
Viên đạn đồng chữ nổi
MẶC ĐỖ
ALAIN FOURNIER
Anh Meaulnes
SƠN NAM
Vạch một chân trời
DOÃN QUỐC SỸ
Cúi đầu

4

MỤC THƯỜNG XUYÊN

Những người viết mới
MAI NGÀN SAO
Trường hợp của Hy
VIÊN MINH
Những bước chân buồn
ĐOÀN NHỮ HIỆP
PHẠM NHÃ UYÊN
Thơ
XÍCH CHƯƠNG
Thời sự nghệ thuật

tranh bìa kỳ này : họa phẩm của V. GOGH

Tòa soạn, Trị sự
233, Phạm Ngũ Lão Saigon
Điện thoại : 25.861

TRỊ SỰ, QUẢN LÝ
TỪ NGỌC TOẢN

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT
MAI THẢO

GIÁM ĐỐC THƯƠNG MẠI
TRẦN VĂN PHỤNG

TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN
THANH NAM

THƯ KÝ TÒA SOẠN
VIÊN LINH

năm thứ hai, số
26
tuần lễ từ 9-4 tới 15-4-1966
— GIÁ 8đ. —

Trình bày : ĐẶNG GIAO ● GPXB số 4260/BTTTLC/BC. 29-7-65 KD. số 789 ngày 8-4-66 ● In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN 233, Phạm ngũ Lão

mai thảo

GIỚI THIỆU THƠ TIỀN CHIẾN

NGAY từ những số Nghệ Thuật đầu tiên, bạn đọc, nhất là các bạn đọc yêu thơ, đã thấy chúng tôi đặt thành thường xuyên việc lựa chọn để trình bầy và giới thiệu lại những bài thơ hay nhất của giòng thơ tiền chiến. Trên một diễn đàn tự đặt mình đứng về phía những cái mới, việc giới thiệu lại những hạt ngọc, những tinh hoa của một giòng thơ quá khứ, thật có vẻ như một đối nghịch nhưng thực ra hoàn toàn với tinh thần chung và phương hướng chủ yếu của tờ Nghệ Thuật.

Nhiều bạn đọc đã viết thư về cho chúng tôi, phê bình sự có mặt của những bài thơ tiền chiến trên diễn đàn tiền phong này như một thái độ tiếc nhớ quá khứ đầy thỏa hiệp. Các bạn nói : thơ bay giờ đã vượt khỏi thơ tiền chiến không biết bao nhiêu đường dặt ý thức về kỹ thuật biểu hiện rồi. hiện tại tinh thần và nghệ thuật này không còn thấy, còn nhận được gì của thơ tiền chiến nữa, và đăng thơ tiền chiến chỉ là dựng lại những thây ma, không làm sống lại được câu một giòng thơ thực sự đã cạn giòng, đã qua đi, và đã chết.

Tiếp tục giới thiệu những bài thơ điển hình và tiêu biểu, của những nhà thơ đã làm nên linh hồn và thực chất của giòng thơ tiền chiến, chúng tôi thấy là cần thiết phải minh định một thái độ. Thái độ đó là : bằng một cái nhìn mới, bằng một chú quan mới, chiếu sáng trở lại những thời kỳ văn học nghệ thuật đã qua, bởi vì thơ tiền chiến cũng nằm trong một thời kỳ văn học đã qua của chúng ta. Thời kỳ đó, đến nay, theo chúng tôi, chưa nhận được những chiếu sáng chính sác và đầy đủ của chúng ta trong phân tích, tìm hiểu và đánh giá tiền chiến. Trở lại với thơ tiền chiến, do đó, đúng hay sai, tùy thuộc ở thái độ trở lại như thế nào Nghệ Thuật trở lại với thơ tiền chiến lẳng đánh giá lại, quy định lại thực chất của thơ tiền chiến. Bằng phục hồi lại địa vị và chỗ đứng trong văn học sử Việt Nam, cho những nhà thơ tiền chiến, mà ở thời kỳ tiền chiến, bị lãng quên hay chưa được đánh giá sát đúng trên tài năng và xuyên qua ý thức, xuyên qua tác phẩm, Trở lại như vậy không phải là một hồ tưởng tình cảm, một hoài cổ. Trở lại như vậy là một cần thiết văn học, dựa trên một tiêu chuẩn một quan điểm văn học. Giòng thơ tiền chiến đã chảy qua đất đai văn học nghệ thuật Việt Nam. Nhưng trên đất đai văn học Việt Nam như toàn thể của một địa hình, chưa hoàn tất đâu, cái việc quy định chính sác thế nào là ngọn nguồn, diễn biến, những nơi mở ra và những vùng khép lại của thơ tiền chiến. Mờ nhạt lắm, mơ hồ,

(Xem tiếp trang 34)

THỜI SỰ NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG TRÌNH CHIẾU PHIM, DIỄN THUYẾT VÀ TRIỂN LÃM TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA PHÁP THÁNG 4-1966

Ngoài những cuộc triển lãm và diễn thuyết, Trung Tâm Văn Hóa Pháp tiếp tục tổ chức như thường lệ các buổi chiếu phim vào cửa tự do tại trụ sở ở số 31 đường Đồn Đất vào các ngày Thứ Ba, Năm, Bảy và Chủ Nhật trong tháng 4-66

Trong tháng 4-1966, Trung Tâm Văn Hóa Pnáp sẽ đặc biệt tổ chức phòng triển lãm về nhạc sĩ Gabriel Faure (1845 — 1924), giáo sư viện Cao Đẳng Âm Nhạc Pháp và tác giả hàng trăm nhạc phẩm lừng danh. Trung Tâm còn đồng thời tổ chức một cuộc trưng bầy các tranh ảnh thời sự Pháp, trong đó thời trang sẽ chiếm một phần lớn.

Phim Pháp nhan đề «Remontons les Champs Elysées» của Sacha Guitry và phim thời sự về Tân Tây Lan sẽ được chiếu vào hồi 20 giờ các ngày 2, 5, 7 và 9-4-1966 và hồi 18 giờ 30 ngày 6-4-1966.

Ban Tuyển chọn giải văn chương Goncourt

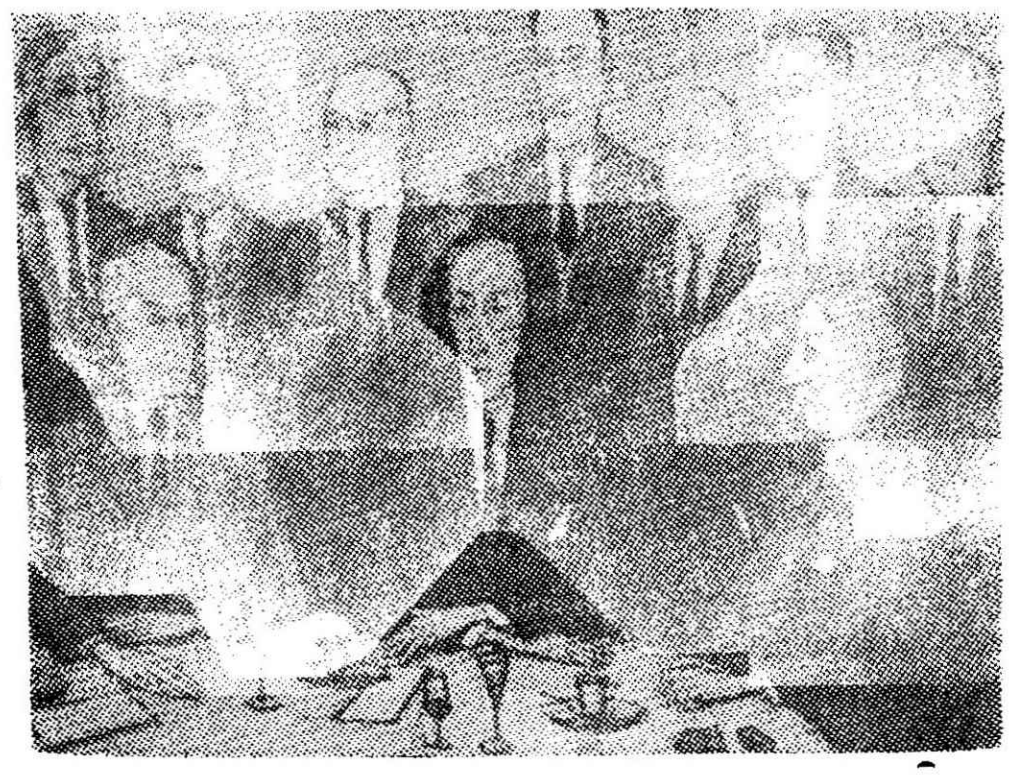

dưới mắt họa sĩ Bernard Buffet

Nhân số này Nghệ Thuật mở cuộc phỏng vấn rộng lớn về giải văn chương toàn quốc, chúng tộ nói sơ qua ở đây về ban Tuyển chọn giải văn chương Goncourt. Đây là giải kể vào hàng uy tín nhất trong số 1267 giải thưởng văn chương ở Pháp. (Con số 1 67 căn cứ theo báo Le Figaro Littéraire, số ngày 24.3-66, trích lại của Jean Dutourd). Người ta cho rằng lý do tồn tại của một giải thưởng giá trị là giải đo luôn luôn mang được các nhà văn trẻ, tên tuổi chưa sáng rõ, chưa xác định ra ánh sáng hoặc mang đến một giúp đỡ vật chất quan trọng cho người được giải thưởng. Ở Pháp, 5 giải được theo dõi nhất la Goncourt, Renaudot, Fémina, Médicis và Interallié.

Tấm hình trên đây Ban Tuyển chọn giải văn chương Goncourt, do họa sĩ Benard Buffet minh họa từ trái sang phải, hàng đầu là Giono, Dorgelès, Carco. Những người đứng : Gérard Bauer, Alexandre Arnoux, André Billy, Philippe Hériat, Pierre Mac Orlan, Raymond Queneau và Armand Salacrou.

ROD STEIGER VÀ JULIE ANDREWS LÀ NAM VÀ NỮ TAI TỬ XUẤT SẮC NHẤT NĂM 1965

Tài tử Rod Steiger và Julie Andrews, hôm chủ nhật đã được 200 phê bình gia điện ảnh, thuộc tờ báo thương mại « Film Daily » tuyển chọn là nam và nữ tài tử xuất sắc nhất trong năm 1965

Steiger được tuyển chọn vì thủ vai Sol Nazerman trong cuốn « The Pawnbroker » còn nữ tài tử Andrews được tuyển chọn vì thủ vai cô giúp việc trong gia đình Trapp của cuốn phim « The Sound of music ».

Cuốn « The Sound of music» cũng được coi là cuốn phim ca nhạc trội nhất trong năm cũng như về nghệ thuật thu hình trong cuốn này, ngoài ra đạo diễn Wise của cuốn phim này cũng được tuyển chọn là đạo diễn tài ba nhất trong năm.

Michael Dunn và Vivien Leigh được tuyển chọn là nam tài tử phụ xuất sắc nhất và nữ tài tử vang danh nhất khi đóng trong cuốn phim « Ship of fools ».

Cuốn « Darling » từng đoạt giải « phim xuất sắc nhất » của hiệp hội phê bình gia điện ảnh Nữu Ước, cũng được tờ « Film Daily » tuyển chọn là vở kịch bất hủ nhất trong năm 1965.

Elizabeth Hartman, đóng vai cô gái mù trong cuốn phim « A patch of blue » được coi là mầm non có triển vọng nhất trong năm. Giải tài tử tí hon xuất sắc nhất được trao cho Patty Duke với vai Billie trong cuon « Billie ».

BÙI GIÁNG DỊCH SÁCH

Nhà thơ Bùi Giáng mấy tháng sau này dịch rất nhiều cho nhà xuất bản An Tiêm của ông Thanh Tuệ. Sau Khung Cửa Hẹp, dịch La porte étroite của André Gide — Ký vân mồng, đến Ngộ nhận dịch Le Malentendu của Albert Camus, Giáng sắp cho phát hành tác phẩm dịch thứ ba: Cõi người ta dịch Terre des hommes của St. Exupéry. Cuốn sau này sẽ phát hành trong tuần tới.

TÀI TỬ RONALD REAGAN SẼ TRANH CHỨC THỐNG ĐỐC TIỂU BANG CALIFORNIA CHO ĐẢNG CỘNG HÒA

SAN JOSE, (AP) Nam tài tử Ronald Reagan hôm chủ nhật đã được đại hội đảng Cộng Hòa California ủng hộ để ông này đại diện cho đảng hầu ra tranh chức thống đốc

Ông đã được đại đa số của 591 đại biểu vỗ tay tán thưởng.

Chỉ một số nhỏ đại biểu ủng hộ ứng cử viên khác là doanh gia William Penn Patrick

HUIS CLOS CỦA SARTRE VÀ LA LEÇONS CỦA IONESCO LÊN SÂN KHẤU SAIGON

Vào hồi 20 giờ các ngày 12 và 13 - 4 - 66, kịch đoàn của Câu lạc bộ Thể thao Saigon (Cercle Sportif Saigonnais) sẽ trình diễn vở Huis Clos của Jean Paul Sartre và La Leçon của Georges Ionesco.

Phim Ý nhan đề « Kẻ ăn cắp xe đạp » của Vittorio de Sica và phim thời sự về Tân Tây Lan sẽ được chiếu hồi 20 giờ các ngày 15, 16 và 19 - 4 - 66.

Hồi 9 giờ sáng ngày 17-4-66, Trung tâm Văn hóa Pháp sẽ tổ chức một xuất chiếu phim dành riêng cho trẻ em.

Phim Ý nhan đề Scinscia của Vittorio de Sica và phim tài liệu thời sự về nước Pháp sẽ được chiếu vào hồi 20 giờ các ngày 21, 23, 26, 28 và 30 - 4 - 1966.

BÁO SỐNG RA 8 TRANG

Ngày 6-4 báo Sống bị một nhóm biểu tình đốt phá, nhưng nhà văn Chu Tử yêu đời hơn bao giờ : Ông vẫn cho Sống ra 8 trang như đã dự tính. Trong tháng này, dự tính ấy sẽ được thực hiện.

VỀ MỘT VẤN ĐỀ SINH HOẠT VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT

Vấn đề sinh hoạt thoại kịch

Bài của VŨ KHẮC KHOAN

TÔI chưa nói đến sinh hoạt ca kịch — dầu sao vẫn có khán giả, nghĩa là vẫn có sinh hoạt. Tôi chưa nói đến sinh hoạt Hát Bộ và Hát Chèo mà những vấn đề liên hệ đặt ra phức tạp, sự giải quyết đòi hỏi khá nhiều yếu tố hiện nay chưa quy tụ đủ. Ở đây tôi chỉ nói đến sinh hoạt của một ngành nghệ thuật trình diễn, ngành thoại kịch.

Bởi vấn đề đặt ra ở đây rất giản dị và dễ giải quyết, đến nỗi tất cả những người để ý đến ngành sân khấu này hơn một lần đều sửng sốt không hiểu sao cho đến hôm nay, vấn đề vẫn còn nguyên vẹn là một vấn đề.

Nhận xét đầu tiên là sự vắng mặt của ngành thoại kịch. Nhận xét thứ nhì là không một ai không cho sự vắng mặt này là một khuyết điểm cần bổ cứu. Nhận xét thứ ba — vô cùng mâu thuẫn với hai nhận xét trên, vô cùng lạ lùng — là không một ai, kể cả chính quyền, không một ai đặt sự vắng mặt nói trên thành một vấn đề để giải quyết.

●

Chúng ta không thiếu những người chuyên môn có nhiều kinh nghiệm phục vụ ngành nghệ thuật này. Vi huyền Đắc, Hoàng Trọng Miên, Đinh Xuân Hòa, Thiếu Lang, Trần Lê Nguyễn, Lê Văn, Tiền Phong, Lê Quỳnh... Chúng ta có kịch bản, hoặc sáng tác, hoặc phóng tác. Chúng ta có một số diễn viên tốt nghiệp ngành thoại kịch Trường quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, những diễn viên chỉ cần đủ sống tối thiểu miễn là được xử dụng khả năng diễn xuất của họ, cái khả năng mà họ cũng như Nhà nước đã tốn biết bao thời gian, tài lực và nhân lực để tạo thành. Chúng ta có cả một lớp khán giả trẻ tuổi — những sinh viên, những học sinh những thanh niên. Cái thế hệ đã bắt đầu chán ngấy màn ảnh ngoại quốc, âm nhạc ngoại quốc và đã sẵn sàng chuẩn bị tâm trạng để trở về với nghệ thuật dân tộc.

Nghĩa là chúng ta đã quy tụ gần đủ những yếu tố quyết định giải quyết vấn đề. Tôi nói gần đủ vì còn một yếu tố nữa, đó là sự nâng đỡ của Nhà Nước.

Sự nâng đỡ này — mà tôi cho là một bổn phận của Nhà Nước, có thể là sự cảm thông trong việc kiểm duyệt kịch bản, trừ tiền thuế du hí, cho vay vốn lúc đầu để trả dần bằng những buổi trình diễn cho quân đội, cho Sinh viên, cho Học sinh các trường, cho thanh niên lao động các cơ xưởng... — cho đến hôm nay, vào giờ phút tôi viết những dòng tiểu luận này, sự nâng đỡ nói trên vẫn chưa thực hiện.

Cũng may, sự nâng đỡ đó nếu có thể giúp cho vấn đề mau lẹ giải quyết, thì cũng không là yếu tố căn bản giải quyết vấn đề.

●

Tôi nghĩ rằng chúng ta chỉ còn thiếu một yếu tố tinh thần. Đó là sự quyết định coi vấn đề là vấn đề của chúng ta. Để giải quyết vấn đề.

1 — Anh có đọc những cuốn sách được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc những năm qua không? Hiện giờ ý kiến anh về tác phẩm, tác giả và ban tuyển chọn giải thưởng năm đó như thế nào?

2 — Anh biết những gì về những người có chân trong ban tuyển chọn năm nay? Anh nghĩ gì về thành phần của ban tuyển chọn

các nhà văn giải văn chư

Một Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc luôn luôn là cần thiết cho sinh hoạt văn học nghệ thuật của một nước, nhất là một nước chưa có một hiệp hội văn học uy tín của tư nhân cũng như chưa có một cơ quan lo về văn học — văn học không thôi — không phải là cơ quan Văn Hóa và Du Lịch hay Văn Hóa và Học Chính như ta từng có. Nước ta nhỏ, không so sánh được với nước lớn, nhưng nếu tự so sánh với chính mình thì cũng phải thấy sự thiếu sót đã có, sự thiếu sót vẫn còn về tiếng nói của văn học. Một giải thưởng văn chương ít nhất cũng nói được phần nào tiếng nói ấy. Do đó mà Nghệ Thuật mở cuộc phỏng vấn các nhà văn, nhà thơ hiện đang làm việc đều đặn nhất, đang có mặt rõ rệt nhất trong sinh hoạt hiện tại về Giải Văn Chương Toàn Quốc năm nay, để những trang báo này là những phát biểu cần thiết, dù chỉ một cách tổng quát, về những gì mà người cầm bút nghĩ về một tổ chức phục vụ văn học, cũng như về việc làm của Ban Tổ Chức, thể hiện qua Ban Tuyển Chọn 10 người. — Như bạn đọc đã biết, Ban Tổ Chức Giải Văn Chương năm nay — thuộc bộ Văn Hóa Giáo Dục — đã mời mười người có tên dưới đây vào ban tuyển chọn:

THƠ: Đông Hồ, Vũ Hoàng Chương

TRUYỆN: Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến, Phùng Tất Đắc

KỊCH: Vi Huyền Đắc

BIÊN KHẢO: Lê Ngọc Trụ, Phạm Việt Tuyền, Nguyễn Duy Cần,.

Cho tới nay, dường như có lối 200 tác phẩm — xuất bản từ 1-11-1963 tới 1-11-1965 — được coi như hợp lệ để tham dự cuộc tuyển lựa. Có thể trong tháng 5 tới, Ban Tuyển Chọn sẽ tuyên bố kết quả và những tác giả trúng giải sẽ chia số tiền đặt giải, khoảng 500.000 đồng.

●

Cuộc phỏng vấn của Nghệ Thuật đã được đông đủ các nhà văn, nhà thơ hiện sống ở Saigon tham dự. Cho tới chiều thứ tư 6-4, chúng tôi đã nhận được ý kiến trên 10 tác giả quen biết: Chu Tử (tác giả Yêu) Cung Trầm Tưởng (tác giả Tình Ca) Thanh Tâm Tuyền (Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy) NgọcLinh (Mái Tóc Ngày Trước) Trần Tuấn Kiệt (Triều Miên Ngâm Khúc) Lý Hoàng Phong (Sau Cơn Mưa) Trần Dạ Từ (Tỏ Tình Trong Đêm) Nguyễn Thụy Long (Vác Ngà Voi) Tô Kiều Ngân (Trường Ca Người Lính Việt Nam) Trần Đức Uyên (Thơ Đen Ký Tú Kêu) Nhã Ca (Nhã Ca Mới) Duyên Anh (Điệu Ru Nước Mắt) Dương Nghiễm Mậu (Đôi Mắt Trên Trời) Đinh Hùng (Đường Vào Tình Sử) Lê Xuyên (Chú Tư Cầu) Nguyên Sa (Thơ Nguyên Sa) Hoàng Hải Thủy (Gái Trọ) v.v., (Những tác phẩm ghi sau tên mỗi tác giả là do Tòa Soạn Nghệ Thuật ghi chú). Ngoài ra còn một số tác giả dù có nhiều bài đăng báo nhưng chưa xuất bản tác phẩm nào như Tô Thùy Yên, Hoàng Anh Tuấn, Trần Lê Nguyễn.

Dưới đây là 5 câu hỏi do Tòa Soạn đặt ra và ý kiến các tác giả tham dự cuộc phỏng vấn của Nghệ Thuật.

---

3 — Anh có quan tâm đến kết quả năm nay, dù chỉ để xem có đúng như anh dự đoán không? Anh dự đoán ra sao về các bộ môn khác, và riêng về bộ môn của anh?

4 — Trong số những người trong ban tuyển chọn, có ai anh không hề đọc không?

5 — Theo ý anh, mỗi bộ môn nên chọn một tác giả để trao một giải thưởng duy nhất, hay nên chia làm các giải nhất, nhì, ba.

THANH TÂM TUYỀN

Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền rất bận với nhiệm vụ quân đội, bởi vậy, vào một buổi sáng tình cờ anh ghé tòa soạn, tôi đã nhân dịp hỏi ngay những ý kiến của anh về Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm nay, và thêm vào đó, những điều anh đã biết về giải thưởng này những năm trước. Tôi không còn nhớ là năm nào, cùng với hai nhà thơ Đông Hồ và Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền là một nhân viên trong Ban Tuyển Chọn về bộ môn thơ. Năm đó, thi phẩm Đường Vào Tình Sử của Đinh Hùng được trao giải nhất, cuốn Tổ Ấm của Anh Tuyến được giải nhì và Bốn Mươi Bài Thơ của Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ được trao giải ba, Thanh Tâm Tuyền cho tôi biết như sau, khi tôi hỏi về các tiêu chuẩn để làm việc của ban tuyển chọn:

— Chẳng có tiêu chuẩn gì hết. Ví dụ như ngay số giải thưởng cũng không hề được định trước. Nhẽ ra chỉ có cuốn Đường Vào Tình Sử của Đinh Hùng chiếm giải duy nhất thôi, nhưng không rõ ông nào kêu là như thế thì nhiều quá. (Dường như số tiền đặt giải riêng cho bộ môn thơ là 80.000đ). Rồi họ đề nghị thêm cuốn Tổ Ấm của Anh Tuyến. Thấy thế, tôi bảo nếu có giải nhì thì nên cho luôn giải ba, là Mai trung Tĩnh. Nhưng Mai trung Tĩnh lại in chung với Vương đức Lệ nên ông Vũ hoàng Chương ông ấy đề nghị cho luôn cả Vương đức Lệ.

Về bộ môn văn, Thanh tâm Tuyền cũng cho biết nhẽ ra cuốn Chị Em Hải của Nguyễn đình Toàn đoạt giải, nhưng cuốn này lại xuất bản ngoài thời gian qui định cho giải thưởng. Hỏi về ý kiến của anh đối với Giải Văn Chương năm nay, anh chỉ trả lời câu hỏi chót: Tôi cho là nên bỏ giải nhì, giải ba, chỉ nên có giải nhất thôi, hoặc là nên theo ý kiến của cụ Vi Huyền Đắc là nếu muốn trao giải cho nhiều người thì nên đặt ra vài giải như giải Nguyễn Du, giải Tản Đà chẳng hạn.

CHU TỬ

Buổi sáng khi tôi đưa bài phỏng vấn nhà văn Chu Tử tại tòa soạn báo Sống ở đường Gia Long, anh đang nói điện thoại với một nhà lái giấy. Sau đó, anh cho biết chỉ có thể nói sơ sơ mà không đủ thì giờ trả lời hết 5 câu hỏi đã đề ra. Tôi bảo anh muốn nói gì cũng được.

— Việc đầu tiên — Chu Tử nói — là báo Sống sẽ tuyên bố thành lập một giải thưởng văn chương trị giá 150 ngàn.

— Bao giờ tuyên bố? Anh sẽ tuyên bố ở mục Ao Thả Vịt à?

— Tôi tuyên bố đàng hoàng mà. Tôi sẽ tuyên bố trong tháng này.

— Về vấn đề giải thưởng văn chương năm nay, anh có những ý kiến gì?

— Thật ra tôi không để ý lắm đến cái giải này, tuy rất để ý đến sinh hoạt văn học nghệ thuật. Giải thưởng của báo Sống sưa là ác hơn Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc.

— Anh biết gì về những người có chân trong Ban Tuyển Chọn năm nay?

nhà thơ nói về ơng toàn quốc

phỏng vấn của viên linh

Duyên Anh ngồi gần, nói to : 7 ông là hội viên của P. E. N Club
— Giải thưởng của báo Sống sẽ do chính các nhà văn nhà thơ bàu lấy Ban Tuyển Chọn. Chắc chắn là không có sự gì xập xệ hết.
— Anh dự đoán gì về giải thưởng năm nay ?
Chu Tử không nói gì, nhưng một ký giả ngồi đó nói :
— Chắc là Lê Minh Ngọc với Tuệ Mai đoạt giải.

CUNG TRẦM TƯỞNG

Anh Cung trầm Tưởng mới dọn nhà, mỗi lúc một tiến gần về phía phi trường, nơi anh làm việc, và tôi không thể xuống nhà anh như đã hẹn. Tôi nhớ chủ nhật trước, chúng tôi đã gặp nhau tại Quán Cái Chùa và nói chuyện về vụ này. Tưởng nói :
— Một giải thưởng là gì ? Nó kết thúc và thiêu hết những người làm văn làm thơ. Ở Pháp, vào Académie là coi như tịch.
— Anh có để ý đến giải Văn Chương những năm trước không ?
— Những ai được giải nhì ?
— Thà anh trả lời là không biết gì hết,
— À, tôi muốn nói đến giá trị và mục đích của một giải thưởng. Tôi không nhớ gì cả, đó là vì giải ấy không có giá trị, xét về mặt Ban tuyển chọn cũng như về các tác phẩm trúng giải. Au moins Ban Tuyển chọn cũng phải là những anh biết thế nào là văn chương nghệ thuật,
— Anh biết những gì về Ban Tuyển Chọn năm nay,
— Những ai nhỉ ?
Tôi kể mười cái tên. Và hỏi có ai anh không đọc không ?
— Nhiều lắm. Tác phẩm của họ đã chôn họ rồi. Nhưng nếu phải chôn họ lần thứ hai thì chôn đi ! Chôn đi !

TRẦN LÊ NGUYÊN

Kịch tác gia Trần lê Nguyễn đã từng đoạt một giải thưởng về Kịch. Gặp anh ngoài phố, miệng ngậm điếu xì gà King Edward, tôi hỏi :
— Định phỏng vấn anh...
— Về cái gì ?
— Về Giải Thưởng Văn..,
— Cái đó xin lỗi, không biết gì hết.
— Về giải năm trước vậy, năm anh được 30,000 ngàn
— Xin lỗi, không biết gì hết,

NGỌC LINH

(1) Trong những tác phẩm được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc, tôi chỉ đọc có hai quyển :
- Đọc của Bình Nguyên Lộc
- Thềm Hoang của Nhật Tiến

Bình nguyên Lộc là bậc đàn anh của tôi, lúc nào tôi cũng nể trọng Đọc Đò Dọc, tôi hiểu anh nhiều hơn, nhưng không làm cho tôi thích thú bằng những truyện ngắn như : Mưa thu nhớ tắm, Ba con cáo, Trẹ phải tàn, vân.. vân..,

Riêng Nhật Tiến, tôi còn nhớ rõ cảm tưởng sau khi đọc Thềm-Hoang. Tôi xúc động thật tình. Tôi phục thái độ can đảm của anh khi trình bày xã hội người nghèo thành phố, giữa lúc mà bọn tay sai của chánh quyền thời ấy ngấm ngầm ra lịnh cho người cầm viết «tô hồng, chuốt lục» cho cái xã hội Saigon,

— Bây giờ thì tôi không còn nhớ rõ thành phần Ban tuyển chọn những năm đó.

(2) Hầu hết những người có chân trong Ban tuyển chọn năm nay, tôi chỉ biết qua tác phẩm. Các anh Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ là hai người tôi quen biết nhiều nhưng lại ít đọc. Cụ Vi Huyền Đắc và Nhật Tiến tuy chỉ gặp một vài lần, nhưng lại đọc rất nhiều tác phẩm của họ. Hai ông Đông Hồ và Vũ Hoàng Chương tôi cũng có đọc thơ nhưng không thích bằng những thi sĩ khác. Cụ Phùng tất Đắc thì tôi thích nhứt bản dịch Điếu Cổ Chiến Trường. Còn ông Nguyễn duy Cần thì tôi đang đọc bản dịch Trang Tử Nam Hoa Kinh. Tôi đọc dễ dàng hơn bản dịch của Nhượng Tống.

(3) Tôi xin miễn trả lời câu hỏi nầy.

(4) Có ! Tôi chưa hề đọc hai ông Lê ngọc Trụ và Phạm Việt Tuyền.

(5) Theo ý tôi nên chọn một tác giả để trao một giải thưởng duy nhứt. Phân ra ba bạng nhất, nhì, ba, tôi sợ rằng ban tuyển chọn sẽ gặp lắm nỗi khó khăn.

HOÀNG ANH TUẤN

Tôi rất hối tiếc đã dại dột đọc một vài cuốn sách được giải thưởng những năm qua vì sau khi đọc những cuốn sách đó tôi cảm thấy kém yêu một số người cầm bút và chán ngán cho cái gọi là « giải thưởng văn chương toàn quốc » « Giá trị » của những « tác phẩm » được giải thưởng đã nói lên « giá trị » của thành phần cũng như lối chấm (?) của ban giám khảo Về các tác giả, ngoại trừ một Vũ hoàng Chương, Vũ khắc Khoan không cần phải được giải thưởng mới nổi tiếng và một Nguyễn mạnh Côn phải đội tên con trai anh ấy để dự thi, tôi không muốn nói gì thêm.

(2) Về thơ cũng như về văn, thiếu đại diện của những khuynh hướng mới và tiến bộ. Về biên khảo không có ý kiến về kịch một mình cụ Vi huyền Đắc e hơi thiếu người.

(3) Tôi không quan tâm.

(4) Tôi đã đọc hết.

(5) Tôi đã không đồng ý trên nguyên tắc căn bản về giải thưởng văn chương toàn quốc nên không muốn góp ý kiến.

LÝ HOÀNG PHONG

(1) Tôi không còn nhớ rõ lắm về những vấn đề này.

(2) Ban tuyển chọn năm nay gồm những nhà văn có tiếng tăm Về thành phần, có thể tin cậy được trên một phương diện nào đó.

(3) Tôi cũng có 1 vài dự đoán nhưng không muốn nói ra.

(4) Ít nhiều tôi đều có đọc những nhà văn này.

(5) Có lẽ nên trao 1 giải thưởng duy nhất cho mỗi bộ môn.

TÔ KIỀU NGÂN

(1) Có đọc một vài cuốn như : Đường vào tình sử của Đinh Hùng Tìm về sinh lộ của Kỳ văn Nguyên. Cuốn trước : được lắm ! Cuốn sau, Sở dĩ tôi còn nhớ tới có lẽ nhờ pha tấu súng cụp lạc của hai nhân vật trong truyện giống hệt như các cuộc đọ kiếm của các tay phong kiến bên Tây.

(2) Thành phần ban tuyển chọn hơi yếu. Cụ Vị Huyền Đắc đơn độc quá. Hai ông Đông Hồ và Vũ Hoàng Chương có vẻ như ít gần gũi với những người làm thơ bây giờ.

(3) Không quan tâm lắm.

(4) Không hề đọc. Một vài người.

(5) Không nên chia ra các giải nhất nhì, ba vì đây không phải là một cuộc thi có đề tài, có những tiêu chuẩn định sẵn.

Chỉ nên chọn một tác giả và trao một giải thưởng duy nhất.

Điều quan trọng : Giải thưởng đó phải khơ khớ, chừng vài trăm ngàn hầu giúp nhà văn bớt đói để còn viết cuốn khác.

HOÀNG HẢI THỦY

(1) Tôi chỉ đọc cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử của Nguyễn

Mạnh Côn Không phải đọc vì giải thưởng mà là vì tình riêng.
Với tác giả. Ý kiến của tôi là : Sao cũng được.
(2) Không biết gì hết. Chẳng nghĩ gì hết.
(3) Không quan tâm, cũng không biết gì hết để mà dự đoán.
(4) Gần hết.
(5) Làm thế nào cũng được.

TRẦN TUẤN KIỆT

(1) Những năm đó tôi không để ý đến vì không có tác phẩm giá trị xuất bản. Tôi chỉ để ý đến thơ mà thôi. Dường như có cuốn Đường vào Tình Sử của Đinh Hùng có giá trị.

(2) Một vài người trong ban tuyển chọn các tác phẩm về truyện tôi đồng ý. Các bộ môn khác, nhất là về thơ thiếu vắng người trẻ. Thi ca ở Việt Nam hôm nay là của lớp dưới ba mươi, e các cụ chọn giải không có được cảm quan mới về nghệ thuật. Cứ chờ xem. Cách tổ chức tôi không để ý.

(3) Những người trong ban tổ chức có thiện chí làm việc họ sẽ thành công đại khái.. là đã có nhiều sáng tác phẩm giá trị xuất bản từ những năm gần đây. Chỉ cần họ biết tuyển chọn vô tư. Về kịch thiếu hẳn kịch phẩm. Phần biên khảo không có. Văn thơ đầy đủ để ban tổ chức chọn được.

(4) Phần nhiều tôi không đọc tác phẩm của họ. Tôi thích thơ, đọc thơ. Nhưng người tôi đọc hiện nay lại không phải là những người trong ban tuyển chọn. Vũ hoàng Chương, Đông Hồ tôi tin họ có nhiều kinh nghiệm về tuyển chọn, sau những năm thất bại của các giải V.C.T.Q ngày trước.

(5) Tôi không có ý kiến gì về việc chia tiền đặt giải ra thế nào. Nhưng tôi cảm thấy số tiền đó quá ít oi đối với một công việc có vẻ đồ sộ rất quan trọng về mặt quốc tế. Nếu thật sự người ta muốn phát huy văn học nghệ thuật xứ sở đúng đắn và đúng với tầm giá trị của nó.

TRẦN DẠ TỪ

(1) Có đọc một cuốn, cuốn Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử của anh Nguyễn mạnh Côn. Và hai phần ba tập truyện dài gì đó của anh Doãn Quốc Sỹ. Ý kiến ra, về anh Côn thì có. Anh là thầy tôi trên nhiều phương diện. Chính anh dạy tôi biết rằng tôi không biết nhiều thứ. Chả hạn : những vị khác, tôi không biết, không có ý kiến.

(2) Trong số danh sách mà tòa soạn cho biết, tôi có quen biết sơ với các anh Võ Phiến, Doãn quốc Sỹ, Nhật Tiến. Tôi rất quí trọng những người này.

(3) Tôi không có thì giờ dự đoán

(4) Có. Tôi không hề đọc ba vị ở tiểu ban biên khảo và ông Phùng tất Đắc, có lẽ tôi sẽ đọc họ, khi có thì giờ.

(5) Nếu làm được cẩn thận, mỗi bộ môn tất nhiên chỉ nên trao một người. Nhưng với giải thưởng này, có lẽ nên chia đều cho nhiều anh em, để họ có tiền xài đỡ.

TRẦN ĐỨC UYÊN

(1) Có, tôi đã đọc hết. Hiện giờ chả có ý kiến gì ráo, vì tôi quên hết trơn rồi, cả tên tác phẩm, tác giả và ban tuyển chọn. À, tôi còn nhớ được một cuốn, cuốn «Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử» của ông Nguyễn Mạnh Côn. May quá. Nhưng thôi, đừng bắt tôi đưa ý kiến về cuốn này, vì tôi với ông Côn là chỗ thân tình mà khen hay thì sợ thiên hạ cho rằng chúng đề cao nhau, phiền lắm.

(2) Về những người có chân trong tuyển ban chọn năm nay à ?... Tôi chả biết gì về họ hết, ngoài mấy người tôi quen như Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ, Nhật Tiến. Hình như những người này rất tốt. Tôi nghĩ rằng thành phần của ban tuyển chọn năm nay như thế là «suya» lắm rồi. Chấm thơ mà có Đông Hồ, Vũ Hoàng Chương thì nhất. Các anh yên chí, nhị vị tiền bối này của chúng ta không đến nỗi «cổ lỗ sĩ» lắm đâu.

(3) Không quan tâm. Hay đúng hơn có quan tâm chút xíu thôi. Ai được giải cũng tốt, vì nó chẳng ảnh hưởng gì đến chiến tranh và giá sinh hoạt cả. Dự đoán ?? Ai điên gì mà lại bỏ thì giờ ngồi dự đoán cho mệt, dù chỉ dự đoán về chính bộ môn của mình. Ủa, mà tôi có bộ môn nào đâu, vì bộ môn nào tôi cũng viết nhưng tất cả đều dở hạch, từ truyện ngắn, thơ, kịch, cải lương, tiểu thuyết v. v...

(4) Nhiều lắm : Lê Ngọc Trụ, Phùng Tất Đắc, Phạm Việt Tuyền, Nguyễn Duy Cần, Đông Hồ, Vi Huyền Đắc. Đó là các bậc võ lâm cao thủ» tôi không dám đọc mà chỉ dám đứng xa xa để ngắm thôi. Các anh nghĩ kỹ mà coi, ngắm khoái hơn đọc chứ.

(5) Nếu mỗi bộ môn tập trung vào một giải duy nhất thì giải thưởng sẽ có giá trị hơn, người được giải sẽ lĩnh nhiều tiền hơn, khi trao giải sẽ đỡ phiền phức hơn. Tuy nhiên, theo tinh thần «hương đảng» thì nên «ăn đều kêu sòng», một là cứ để như cũ, hai là mỗi bộ môn phát thật nhiều giải đồng hạng.

NGUYỄN THỤY LONG

(1) Phải thú thật rằng tôi không nhớ rõ. Vì khi đọc, tôi không căn cứ là sách có được giải thưởng hay không. Tôi đọc bất cứ cuốn sách nào miễn là cuốn sách đó hay. Nếu cuốn nào được giải thưởng (có ghi rõ ngoài bìa) không ra quái gì, tôi liệng luôn, có thể chửi thề nữa.

(2) Văn, những anh Võ Phiến, Doãn quốc Sỹ, Nhật Tiến là những người tôi mến. Tôi nhấn mạnh ở chữ mến.

Ba bộ môn biên khảo thơ và kịch theo tôi nghĩ các ông đó là những cây cổ thụ nhiều rễ con rễ cái. Nhưng chưa hẳn là những thái sơn bắc đẩu. Tôi rất ít được tiếp xúc với họ nên không biết gì ngoài những tác phẩm của họ mà tôi đã có dịp đọc, nhất là cá nhân họ tôi lại càng không biết gì hơn.

(3) Tôi rất nhiều công việc phải lo, cho nên với kết quả giải thưởng văn chương năm nay không phải là mối quan tâm chính. Tôi không theo dõi những ai gửi dự thi nên không có dự đoán, kể cả bộ môn của tôi.

(4) Trong thành phần ban tuyển chọn có hai người tôi không hề đọc : ông Phùng tất Đắc (có lẽ vì tôi sinh sau đẻ muộn) ông Lê Ngọc Trụ (vì tôi không đọc tự điển, tôi chỉ tra tự điển, tôi nhớ rõ những tự điển tôi đã tra trong sổ đó tôi không tra tự điển của ông Trụ)

(5) Càng nhiều giải thưởng càng hay chớ sao ? Vì như vậy sau khi tuyên bố kết quả «người ta» mới có dịp so sánh xem ban tuyển chọn có «xứng danh» hay không ? Theo tôi nghĩ thành phần tuyển chọn công bằng nhất vẫn là độc giả. Nghe nói số tiền dành cho giải thưởng văn chương năm nay «xôm» lắm mà.

NHÃ CA

(1) Không đọc và không có ý kiến.

(2) Không có ý kiến.

(3) Tôi có để ý. Không dự đoán gì cả, kể cả bộ môn của tôi càng không nên dự đoán.

(4) Có một ít như là văn Nhật Tiến. Võ Phiến.

(5) Nếu nhiều tiền thì cũng nên chia. Ít quá thì đừng nên có giải nào.

HOÀNG TRÚC LY

Thành phần ban tuyển chọn giải thưởng văn chương toàn quốc dường như thiếu sót Nhưng từ khi có giải thưởng này, chưa bao giờ thành phần ban tuyển chọn lại đầy đủ cả Càng khó suy nghĩ khi giải thưởng chưa công bố, khi kết quả việc làm của ban tuyển chọn chưa biết ra sao ? Thôi thì cứ hy vọng.. Hy vọng dù mông mênh và mong manh, vẫn không có nghĩa là tuyệt vọng. Hỡi Ulysse, cây dừa ở Delos có còn cao vút hay chăng ?

Riêng về bộ môn thơ, tôi muốn không có ý kiến gì hết. Như vậy đã là một ý kiến rồi.

■ xem tiếp trang 32

NGUYÊN SA NHÌN RÕ MẶT THƠ'

CÁI chất liệu ấy nó như thế nào ? Cứng hơn thép hay yếu hơn chì mềm ? Nó là hợp kim có một sức kháng vô địch hay chỉ là gỗ có thể đẽo gọt dễ dàng ? Đúng thế, ta hỏi lại cho chắc : bản chất của thơ là gì ?

Bây giờ tôi cho nó là một thứ ngôn ngữ tự trị, một thứ ngôn ngữ tiểu bang. Diễn tả kỹ lưỡng hơn thì nó như thế này: thơ là một hệ thống ký hiệu ước định, căn cứ trên ngôn ngữ nói và viết, vốn là một loại ký hiệu ước định, nhưng ngoài những ước định chung của ngôn ngữ tổng quát, có những ước định riêng biệt biến đổi tùy theo mỗi tác giả và hơn nữa biến đổi tùy theo mỗi bài của cùng một tác giả.

Cái gì mà lủng củng thế này ? Có anh sẽ khoái trá : nó sài cái tiếng Nam dương hay ra cái điều triết lý đây ? Hoài nghi thứ nhất là một sự đùa rỡn, còn hoài nghi thứ nhì không đúng đâu. Gánh nặng triết lý vác nó trên vai lâu quá rồi quả thực nó cũng thấm vào xương vào tủy ít nhiều. Tôi chẳng thể gạt bỏ được nữa khi viết một bài văn gọi là biên khảo, cái lối xiết chặt vấn đề, cái lối buộc kỹ những mạch lạc luận lý, sự khao khát tìm kiếm yếu tính hoặc sự mô tả đến nơi mối hữu thể. Triết lý cũng như thói quen, đã thấm vào rồi tồn tại bền vững lắm. Lâu chẳng dùng tới, tất hao mòn, kém tinh nhuệ nhưng mất hẳn thì khó lắm Đúng như thế, quả thực như thế. Nhưng dụng ý làm triết lý thì anh em ơi, không có nơi tôi đâu. Tôi ghét cái trò này lắm. Trích diễn và viện dẫn, danh từ, thành ngữ và câu khúc mắc để ra cái điều uyên thâm, tôi không ưa chơi mấy cái củ này đâu, yên chí. Đôi khi dùng tới, âu cũng là cực chẳng đã.

Và tôi nói, trong sự đau khổ niềm danh từ lủng củng, rằng : Thơ là một hệ thống ký hiệu ước định, căn cứ trên ngôn ngữ nói và viết, vốn là một loại ký hiệu ước định, nhưng ngoài những ước định chung của ngôn ngữ tổng quát, có những ước định riêng biệt biến đổi tùy theo mỗi tác giả và hơn nữa biến đổi tùy theo mỗi bài của cùng một tác giả.

Ký hiệu, còn ai lạ gì nữa, là một sự kiện khả giác, đang nhận biết được trong hiện tại, cho ta biết được một sự kiện khác không tri giác thấy. Thế này nhé : khói đang bốc cao ở chân trời kia kìa là sự kiện ta nhìn thấy khả giác. Nhờ đó, ta biết là có lửa mà ta không tri giác thấy. Vậy khói là ký hiệu của lửa đấy. Ký hiệu rút lại là cái dấu chỉ còn cái nhờ ký hiệu mà ta biết được, như lửa ở trường hợp này, là cái bị chỉ. (chose signifée).

Các anh cũng đều biết từ lâu là có hai loại : Ký hiệu tự nhiên (signe naturel) và ký hiệu ước định (signe conventionnel,) Khói ký hiệu của lửa, ký hiệu tự nhiên đấy. Trong loại ký hiệu tự nhiên này mối tương quan giữa vật bị chỉ và dấu chỉ là mối tương quan tự nhiên không do ta định. Khói tự nó báo hiệu lửa chớ không phải do con người xếp đặt, quyết định như thế. Còn ký hiệu ước định thì mối tương quan giữa dấu chỉ và vật bị chỉ do sự quy định của con người, do sự giao ước của con người mà có. Đèn đỏ thắp sáng ở góc đường nói lên sự cấm đi, tương quan giữa dấu chỉ và vật bị chỉ này là một tương quan ước định.

Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, căn cứ vào những ý nghĩa mà ta vừa nói rõ, chính là những ký hiệu ước định. Ngôn ngữ nói mà ta nhận biết được bằng thính giác và ngôn ngữ viết nhận biết được bằng thị giác là những ký hiệu nói lên những cái như trạng thái tâm hồn, tư tưởng, tình cảm... Khi tôi nói lên bằng tiếng và bây giờ viết lên trên giấy này một câu như MaiThảo và ThanhNam đang sửa soạn lấy vợ thì các anh, qua những nét nhìn thấy này và nghe thấy kia, thâu tóm được, tiếp nhận được cái ý tưởng của tôi liên hệ đến sự việc có hai người, một tên là Mai Thảo, một tên là Thanh Nam, đang làm những chuẩn bị cần thiết của hôn nhân như in thiếp báo hỷ, ấn định ngày, tổ chức ăn và đón, khám sức khỏe ...v...v... Khi tôi nói với bạn tôi một câu như Anh cho tôi mượn chiếc xe gắn máy hay tôi sẽ tặng anh một cuốn thơ thì những câu được nói lên này rõ rệt là những ký hiệu ước định nói lên những vật bị chỉ là những ý tưởng như tôi muốn bạn tôi hiểu rằng tôi sẽ được nó cho phép xử dụng trong một thời gian cái phương tiện để di chuyển có động cơ gọi là xe gắn máy đó hay tôi biểu lộ cho bạn tôi biết ý muốn cho nó một tác phẩm thi ca. Xe gắn máy, cuốn thơ, lấy riêng hai danh từ này ra ta càng thấy rõ tính chất ước định. Chỉ những người Việt Nam, trong thời đại này, ở đây, bằng một thỏa hiệp bất thành văn, mới hiểu rằng xe gắn máy được dùng để chỉ định vật có hai bánh này có gắn một động cơ. Người ở nơi khác, quốc kia khác cũng để nói lên vật bị chỉ đó sẽ dùng những âm khác, chữ khác, tiếng khác ký hiệu khác. Người pháp không chỉ vào cuốn sách trước mặt kia mà nói cuốn thơ. Ký hiệu phát âm của họ ở đây sẽ là poésie hay oeuvre poétique Người Việt ở thời khác có thể sẽ không dùng ký hiệu xe gắn máy để chỉ định cái vật giống xe máy mà có động cơ kia. Có thể họ sẽ dùng xe đạp có động cơ. Các anh còn lạ gì vừng và muỗi mè, máy bay trực thăng và máy bay lên thẳng roi và mận, con két và con vẹt .. Tính chất ước định của ngôn ngữ rõ lắm : nếu chúng ta đều thỏa hiệp với nhau gọi xe gắn máy là giai nhân, phở hay chỉnh lý thì khi nói đến giai nhân, người nói và người nghe đều không nghĩ đến những đàn bà như Tây thi hay Cléopâtre, khi nói đến phở không ai nghĩ đến món ăn dinh dưỡng gồm có bánh, thịt và nước, khi nói đến chỉnh lý không ai nghĩ đến tướng này, tướng nọ mà tất cả đều nghĩ đến cái vật dùng để di chuyển có hai bánh lớn và có động cơ, Chúng ta sẽ nói với nhau : Anh cho tôi mượn cái giai nhân một chút, cái phở của anh còn tốt ghê, chỉnh lý của tôi vừa bị kẻ trộm thổi mất.

Thơ có liên hệ với ngôn ngữ thông dụng ấy, xây trên cái hệ thống ký hiệu ước định đó nhưng không phải chỉ là hệ thống ký hiệu đó, Còn có những ký hiệu riêng. Nó là

■ xem tiếp trang 29

SAMUEL BECKETT

kẻ tiên phong

sơ dạ hương

GIỚI THIỆU

SINH năm 1906 tại Dublin, như James Joyce, là bạn và đồng thời cũng là người chịu ảnh hưởng nhiều nơi nhà văn tối tăm, khó hiểu đó. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên *Murphy* được viết bằng tiếng mẹ đẻ; những tác phẩm sau hầu hết bằng Pháp văn.

S. Beckett không tham dự bất cứ một cuộc tranh luận về văn chương cũng như về chính trị, hết sức tránh tất cả mọi hình thức quảng cáo. Về đời tư của ông, người ta chỉ biết được một điều là ông cư ngụ đâu đó gần thành phố Paris.

Những tác phẩm đã xuất bản :

Truyện, truyện ngắn : L'expulsé. Murphy, Molloy, Malone meurt, L'innommable, Nouvelles et textes pour rien, comment c'est,

— *Kịch, kịch vô tuyến* : En attendant Godot, Actes sans paroles, Tous ceux qui tombent, la dernière bande, On les beaux jours, Comédie et actes divers.

Khoảng năm 1951, gần như chưa một ai biết đến S. Beckett, một gã Ái nhĩ lan sống cô độc, xa lánh mọi người, cư ngụ tại Pháp từ năm 1938. Một người nào tò mò để ý thấy xuất hiện trên tạp chí Fontaine một truyện ngắn nhan đề L'expulsé, truyện kể của một gã tự xưng là tôi, bị trục xuất khỏi chỗ ở, đi lang thang trong thành phố trên một chiếc xe ngựa, gã đánh xe đầu tiên là bạn đồng hành, rồi cuối cùng là kẻ đã cho hắn một chỗ ngủ trong nhà chứa xe.

Sáng sớm hôm sau, gã đã bỏ trốn, tiếp tục đi lang thang... Truyện tận cùng bằng những dòng chữ buồn nản : «... *L'aube poisnait à peine. Je ne savais pas où j'étais. Je pris la direction du levant, pour être eclairé au plus tôt... Je ne sais pas pourquoi j'ai raconté cette histoire. J'aurais pu tout aussi bien en raconter une autre. Peut-etre qu une autre fois...*»

Cũng trong năm đó, 1947, nhà xuất bản Bordas ấn hành cuốn tiểu thuyết *Murphy*, do chính tác giả dịch từ Anh văn qua Pháp văn. Murphy, cũng vậy, là một thứ truyện kể, *recit*, một gã tên là *Murphy* tự buộc mình vào một chiếc ghế xích đu, nằm mơ tưởng những chuyện vô lý. Truyện tối tăm, rắc rối, kỳ cục và chẳng được ai chú ý đến.

Sau đó, sáu nhà xuất bản đã từ chối cuốn *Molloy*, tác phẩm được kể là thứ nhì sau *Murphy*, tuy đã sáng sủa hơn tác phẩm đầu đời chút nhưng vẫn mang vẻ kỳ quặc, khác thường. Đối với Jérôme Lindon, chủ nhà in *Les editions de Minuit* lúc đó thì S. Beckett là một khám phá đồng thời cũng là một thử thách, một thách đó : Ba ngày sau khi cuốn *Molloy* ra lò, Jean Blanzat và Maurice Nadeau đã tiếp đón nó bằng những lời khen nồng hậu, trên hai tờ — *Figaro Littéraire* và *Combat*. Người ta khám phá trong túi Beckett còn nhiều tác phẩm khác : *Malone meurt*, và *L'innommable*, tiếp tục xuất hiện vào năm 1951, 1953, và một vở kịch *En attendant Godot*, xuất bản năm 1952.

Thành công đến với Beckett nhờ Godot. Cho đến nay nhiều người cũng chỉ biết Beckett qua một danh từ đã trở nên một *mốt*, một biểu tượng : *Godot*. Nhưng đối với những người thường chú tâm đến vấn đề văn chương, chữ nghĩa thì cuốn *Molloy* chính là một hồi chuông báo tử cho một nền văn nghệ được dán nhãn hiệu *tranh đấu, dấn thân*, và có thể một hồi chuông báo tử cho tất cả những cái gì thường được gọi là văn chương, chữ nghĩa.

Kể từ năm 1951 người ta đã cảm thấy có một rục rịch thay đổi trong lãnh vực văn nghệ. Bộ trường giang tiểu thuyết của Sartre, «*Les chemins de la liberté*», cuốn thứ ba : «*La mort dans l'âme*», xuất bản năm 1947, và sau đó, và không bao giờ sau đó người ta được nhìn thấy cuốn thứ tư. Đó là kết cục của thứ văn chương được Sartre cổ võ bằng những tính từ như *engagé, totalitaire*, thứ văn chương bằng hình thức cũng như bằng nội dung, luôn luôn muốn đồng hóa nó với con người, luôn luôn muốn ôm lấy tất cả những hoạt động, những thủ cập của con người, kể cả chính trị, xã hội, kinh tế. Chung cuộc bi thảm của thứ văn-chương này càng rõ rệt vào khoảng 1950-1952. Cuốn tiểu thuyết cuối cùng của loại văn chương đấu tranh này được kể là cuốn *Les mandarins*, của Simone de Beauvoir, người bạn gái, và cũng là người bạn đường của Sartre. Trong cuốn tiểu thuyết rậm rạp, chẳng chịt những chữ đó, những trang lý thú, đặc sắc nhất lại là những trang kể lể về một mối tình !

Bài khảo luận đầu tiên của Alain Robbe Grillet, người mà bây giờ được kể là lý thuyết gia số một của nhóm tiểu thuyết mới, đã viết về kịch phẩm *En attendant Godot* của Beckett. Chính vì đã đọc Beckett mà R.Grillet đã có can đảm mang bản thảo cuốn *Les Gommes* đến nhà xuất bản *Lesé ditions de minuit*, (bây giờ R. Grillet đã trở thành cố vấn văn chương cho nhà xuất bản này). Cuộc phiêu lưu của *tiểu thuyết mới* — *Le nouveau roman*, hay *phản tiểu thuyết* — *L'anti-roman*, chữ của Sarire trong bài đề tựa cuốn *Portrait d'un inconnu* của Nathalie Sarraute) bắt đầu từ đó, Michel Butor với cuốn *Passage de Milan*, xuất bản năm 1954; Nathalie Sarraute với *Les tropismes*, được in lại năm 1957, Claude Simon với *Le Vent*, 1957; Robert Pinget với *Graal Flibuste*, 1957, Marguerite Duras với *Moderato cantabile*, 1958, Claude Ollier với *La mise en scène*, 1958, Jean Thibaudeau với, *une cérémonie royale*, 1960, và Jean Ricardou với L'observatoire de Cannes, 1961.

Kể cả Sartre với cuốn La Nauseé và Camus, L'étranger, sợi dây dẫn, Le fil conducteur của tiểu thuyết mới, nếu không kể từ Flaubert, đã truyền từ Joyce, Kafka, Faulkner, qua Sartre, Queneau, Camus .. Cái giai đoạn của văn chương tranh đấu chỉ được coi như là một entracte trong một dòng văn chương chậm nhưng thật đều, trong lịch trình tiến triển đó, văn chương đã cố gắng tự gạn lọc, xua đuổi tất cả những cái gì không phải của nó, không phải là nó.

Tất cả đã góp phần vào công cuộc phát triển một nền tiểu thuyết mới mẻ, tất cả đều khác nhau, lẽ dĩ nhiên là vậy, tính chất trữ tình trong tiểu thuyết của Marguerite Duras khác hẳn những gì đã tạo nên *một trật tự trong cơn băng hoại, 1 ordre dans un débâcle* (chữ của Ricardou), trong cuốn *La Route des landres* của Claude Simon, La Modification sự đổi thay, của M. Butor, chắc hẳn phải khác hướng động tính, les tropismes của N,Sarraute, hoặc khách quan, hoặc chủ quan, hoặc người này viết theo một chiều rộng, với những câu văn dài thòng, trở đi trở lại, người khác viết thật chặt chẽ bằng những bước đi thật tỉ mỉ, nhưng tuy tán mà tụ, tuy phức tạp nhưng có một liên hệ mật thiết kết chặt tất cả : một mục đích chung về một vai trò chung cho tất cả bọn. Cũng như Sartre— (chúng ta luôn luôn phải nhắc đến Sartre nếu muốn hiểu lịch trình tiến hóa của nền văn chương hiện đại). Họ đều tin tưởng chắc chắn là văn chương không phải là để giải thích, cắt nghĩa, người ta không viết một cuốn tiểu thuyết vì ý muốn chứng minh *on n'écrit pas un roman par raison démonstrative*. Thượng đế đã chết, và chết theo cùng với Thượng đế *gã văn sĩ cái gì cũng biết, l'ecrivain omniscient*. Nhưng chống lại Sartre, họ quan niệm văn chương không thể tìm lại được sự nâng đỡ mà nó đã mất, trong một lợi ích xã hội nào đó. Sartre vẫn cho rằng chủ nghĩa có thể thay đổi điều nó chỉ định, Sartre đã không tuyệt vọng và cũng chẳng bao giờ tuyệt vọng trong việc làm lấp biển vá trời : hòa giải văn chương và chính trị, tiểu thuyết và xã hội. Khoảng năm 1950, những nhà văn thật khiêm nhường và cũng thật khó tính. (Khiêm nhường: diễn tả những điều họ trông thấy, cảm thấy hình như đối với họ là một tham vọng đủ — *khó tính* : văn chương — mất hết những chứng thực ở ngoài nó, thoát ra khỏi mối âu lo phải biểu thị, chứng minh hoặc giảng dạy, giáo dục) bây giờ đòi hỏi một sự tự chủ hoàn toàn. Vấn đề trở nên *người ta không viết để nói lên một điều gì nữa, viết để chẳng nói gì cả*, hoặc nói một cách tương tự, *nhà văn chẳng có gì để nói, và cũng lúc đó hắn phải nói cái chẳng có gì đó, l'écrivain n'a rien à dire, en même temps il doit dire ce rien*. Mối bận tâm lớn nhất của những nhà văn, khoảng 1950, xoay quanh một cái không — *le problème du rien*.

Ngôn ngữ trở nên từ chối, phủ định, và hủy hoại — (le langage est négation et destruction), những độc giả đầu tiên của Molloy đều nhận rõ ràng điều đó : thái độ phủ định nằm lộ liễu trong từng chữ, từng câu trong cuốn tiểu thuyết. Chữ thứ nhì phản bội chữ thứ nhất, câu thứ ba phản bội câu thứ nhì : «Alors, j'entrai dans la maison et j'écrivis Il est minuit. La pluie fouette les vitres. Il n'était pas minuit. Il ne pleuvait pas» Đọc Molloy, hay Malone meurt hay L'innommable tức là đọc cùng một cuốn, và cũng là chẳng đọc một cuốn nào. Ngôn ngữ hay là đấng sáng tạo vương giả đồng thời cũng là kẻ phá hoại. Câm nín hay lảm nhảm nói, lảm nhảm nhắc đi nhắc lại, nói không và có cùng một lúc, đó là số phận thảm thương của những nhân vật của Samuel Beckett. Molloy hay là một thiên hùng ca có tính cách hư vô, một ký sự về sự phân hóa, một công trình nhằm giảm thế giá của con người, con người bị phá sản, từ một nhân bản bình thường tiến tới phi nhân bằng cách làm giảm dần những gì thuộc vào con người, (odyssée nihileste, Chronique de la decomposition entreprise de la déconsideration de l'homme histoire de la destruction de l'homme... d'une humanité normale a l'inhumanité par les dégradations de l'humain...) đó là những ý kiến của các nhà phê bình về hiện tượng Beckett.

Nhưng La Nausée hoặc L'étranger cũng vậy, nếu hiểu theo tính cách của những cuốn tiểu thuyết đó, đều là những tác phẩm ngầm chứa hư vô. Điều khác là, khi Sartre và Camus tố cáo tính chất phi lý của thế giới, của đời sống, cả hai đều có ý định đặt để vào đấy một ý nghĩa. Hư vô tính chỉ là một chặng, một đoạn, một cách thế đặt vào trong ngoặc những ý nghĩa có tính cách truyền thống mà lịch sử đã làm những ý nghĩ đó bị thay đổi, biến thái. Sartre dẫn đến một cuộc cách mạng, Camus đưa đến một sự nổi loạn, riêng Becket

chẳng dẫn đến đâu cả. Lần thứ nhất, chữ nghĩa không đưa đẩy đến một cái gì ở ngoài nó, chữ nghĩa bây giờ quay tròn quanh ngôn từ, Langage, lần đầu tiên, trong Molloy, văn chương đã cố gắng xác định văn chương, văn chương cố gắng tạo một ý nghĩa riêng biệt cho nó. Thật vậy, ta có thể gọi đó là một cuộc phiêu lưu của chữ nghĩa — une aventure de mots — Flaubert đã chẳng ao ước như vậy hay sao khi mơ tưởng viết được một cuốn tiểu thuyết về cái không đó, một cuốn tiểu thuyết không cần đến một ràng buộc nào tự phía ngoài, 1 livre sur rien 1 livre sans attacne extérieure, tự nó đứng vững nhờ nội lực do văn thể mà có, giống như trái đất đứng trơ vơ ở trong không khí, không cần đến một điểm tựa, một bấu víu nào cả. Tham vọng nguy hiểm đó có thể đưa đến một loại văn chương hình thức, formalisme, hoặc thủ cựu vô nghĩa, conformisme dè la non sisuification, đó cũng chính là điều Robert Kanters đã chê bai cuốn Molloy trong L'age nouveau, số tháng Juin 1951, và gọi Molloy là một cuốn tiểu thuyết làm sẵn un chef d'oeuvre préfabriqué. Nhưng nếu đọc kỹ, người đọc sẽ nhận thấy ẩn náu sau những dòng chữ tưởng như vô nghĩa đó, ẩn sau những attaches extérieures, mà Flaubert đã nói, một ý nghĩa sâu xa, bao gồm tất cả, một ý nghĩa siêu hình chìm, une métaphysique latente, của đời sống. Không phải thứ siêu hình nằm trong những hệ thống triết lý muốn nói một lần là xong ý nghĩa sau cùng của đời sống, lịch sử. Tính cách siêu hình ẩn náu trong tất cả những hình thái sinh hoạt hàng ngày, cái ám ảnh lớn nhất, sâu xa nhất và cũng mơ hồ nhất đã dẫn dụ, điều khiển tất cả những việc làm của mọi người, và người ta đã cố gắng giải thích hoặc đặt tên cho nỗi ám ảnh đó: vô thức muốn tham gia vào ý thức, hư vô muốn xâm nhập vào hữu thể cái tâm lý về chiều sâu. Những cuốn tiểu thuyết hay nhất trong những năm gần đây, (hãy khoan nghĩ đến những nhà văn trong nhóm «nửa đêm», nhưng thí dụ như Jean Cayrol, Louis René des Fôrêts chẳng hạn) chính là những cuốn tiểu thuyết chứa đựng một sự ám ảnh, trong đó tác giả trình bày những thèmes nhiều hơn là nhân vật hoặc những sự kiện: những chiếc gương mầu nhiệm hiển hiện một thế giới méo mó bởi sự lắp đi lắp lại của chính thế giới đó: mê lộ, bão lốc, quên-nhớ, lang thang vất vưởng kéo-lùi, biến dạng (le labyrinthe, le tourbillon, la mémoire-oubli, l'errance, l'attirance-refus, la métamorphe); Beckett đẩy văn chương đi sâu

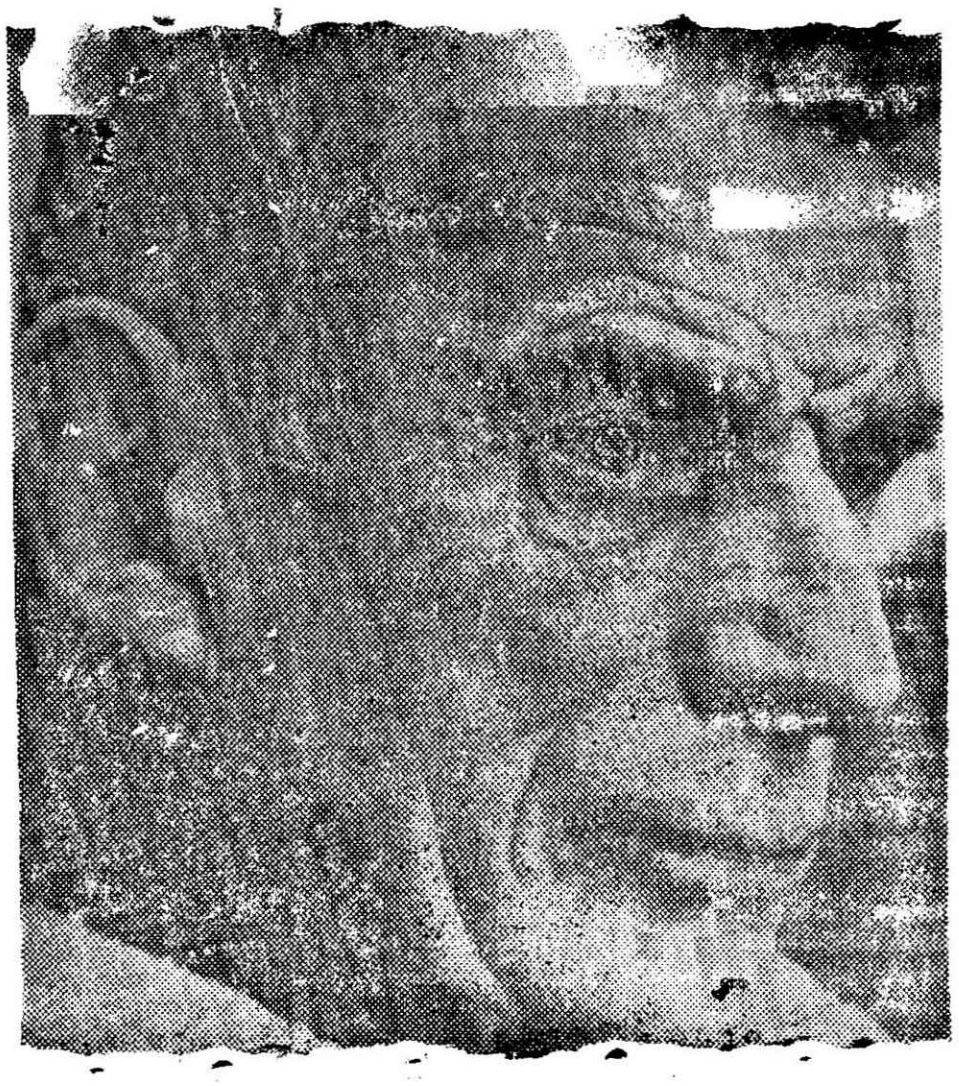

thêm vào mê lộ, đi đến sự tự hủy, tự đào hố chôn sống chính nó.

Như Murphy, Molloy cũng kể cho chúng ta nghe một chuyện. Câu chuyện lộn xộn, quanh co, thiếu hụt, như vừa mới phai kể, lang thang trôi giạt không biết dẫn tới đâu. Giữa 2 phần của cuốn truyện (phần tự thuật của Molloy và của Moran) có nhiều dấu hiệu đưa độc giả đến kết luận hai nhân vật Molloy, Moran chỉ là một. Những dấu hiệu đó đều mang hai ý nghĩa, sự đồng hóa hai nhân vật có thể hiểu theo hai chiều: Đầu tiên Moran xuất hiện như một gã «tỉ mỉ, câu nệ và lì lợm» «ý nghĩ không thoát ra khỏi sự tính toán nên ghê tởm sự không chính xác», không ngần ngại khi tả Molloy, kẻ hắn đang tìm kiếm, như một gã «chậm chạp, trì độn, dị dạng» Người ta có cảm tưởng Molloy chính là một bóng ma ám ảnh Moran: «Qu'un homme comme moi... se laisse hanter et posseder par des chimères, cela aurait du me paraitre étrange». Tiếp tục theo dõi câu chuyện độc giả nhận thấy Moran càng tiến sâu rồi mất hút trong cuộc tìm kiếm vô vọng, lúc đó những nét tương tự của hai nhân vật càng lộ ra, đến nỗi độc giả thấy câu chuyện bị đảo ngược, 2 nhân vật đổi chỗ cho nhau, Moran trở thành Molloy và ngược lại. Mèo biến thành chuột, kẻ đi tìm trở thành nạn nhân của sự tìm kiếm. Moran tìm thấy Molloy hay không, chuyện đó không thành vấn đề: « Kẻ kể lể ở phần cuối truyện đồng hóa với kẻ đã bắt đầu câu chuyện ». Từ một đoạn mở rõ ràng, tiếp đến một đoạn cuối nghi ngờ, một cái gì hình như đã xảy ra.. Bị bắt buộc phải làm tờ tường trình, gã kể chuyện một mà hai, le double narateur, Moran — Molloy lầm lẫn, lạc đường, hụt hơi, thú nhận dần dần sự bất lực không thể hoàn thành nhiệm vụ, nhưng cũng có thể chính gã đã tự xoay xở để dẫn đến sự bất lực đó.

Thứ nữa, kẻ kể chuyện đã không muốn thuyết phục người nghe phải tin tưởng những điều hắn nói. Câu chuyện được kể. L'anecdote — không quan trọng bằng những chữ, những lời đã dùng để kể câu chuyện Ngay đầu truyện độc giả đã bị sửng sốt vì giọng văn: «Je suis dans la chambre de ma mère. C'est moi qui y vit maintenant. Je ne sais pas comment j'y suis arrivé. Dans une ambulance peut-être, un véhicule quelconque certainement» Những câu ngắn, không một chút hoa chút lá điểm trang, mất hết mọi liên lạc; thứ ngôn từ trực tiếp, có thể nói là sơ đẳng, tiếng nói đập thẳng vào tai người nghe, độc giả không những đọc mà còn được nghe cùng một lúc. Một độc thoại càng ngày càng trở nên nhợt nhạt mất dạng, tách rời khỏi câu chuyện đã chứa đựng nó, trở nên đối nghịch rồi cuối cùng chính câu chuyện được kể bị vỡ vụn rồi lan vào sự trống không trong suốt của ngôn từ — la pure vacuité du langage — Bởi vậy như trên đã nói đọc Molloy, đọc Malone meurt, hay đọc L'innommable, tức là luôn luôn chỉ đọc có một cuốn truyện, và cũng có nghĩa là không đọc một cuốn nào. Thứ tiếng nói tạo nên câu chuyện đã bắt đầu nói trước đó sẽ tiếp tục nói sau này, và chẳng có một lý do nào để bắt nó ngừng nói. Nói đi nói lại hay ngừng nói, Setaire ou se répéter, hai sự kiện đó chỉ là một.

Gaétan Picon viết về giọng văn của Beckett: «... la phrase n'émerge pas de l'intensité d'une expérience vécue: Elle nait de ce mouvement par lequel l'écrivain compose son livre avec des phrases c'est à dire avec «rien». Et en même temps qu'il nous soumet à l'horreur de ce qu'il appelle vie. Le livre nous donne le sentiment qu'il est un livre un enchainement irréel de mots, la marche de la parole susitant à chaque pas son propre vide». « Câu văn được nảy sinh từ cường độ, sức mạnh của một kinh nghiệm sống: nó đến từ tác động mà nhà văn dùng để cấu tạo xây dựng tác phẩm bằng những câu văn, tức là bằng 1 cái « không ». Cùng một lúc nhà văn làm ta bãi hùng về cái mà ông ta gọi là sự sống Cuốn sách cho ta cảm tưởng nó là một cuốn sách. Một chuỗi bất thực những từ ngữ, bước tiến của lời nói tạo ra theo từng bước một, sự trống rỗng riêng biệt cho nó».

Nhưng văn chương là gì nếu không, trước tiên, là một ngôn từ bất thực, bởi vì nó trốn tránh tất cả những chứng nghiệm khả hữu. Nhà văn không muốn chứng tỏ, chỉ mong được hiểu, được tin bằng chính những lời nói. Tuy nhiên nhà văn đã mượn những chứng liệu (preuves) từ cái vẻ thực (la vraisemblance), và tác động giản lược nhà văn dùng để rút khỏi đời sống, để viết (để nói trong quãng không, để tạo những câu, những chữ chẳng có tác dụng trực tiếp vào đời sống, vào một người nào, không dự tính một hiệu quả tức khắc, không phải là những vật dụng mà chỉ là những hình ảnh đơn thuần) nhưng chính tác động giản lược dùng để rút lui khỏi đời sống lại bị gia giảm, bù trừ bởi một tác động tham dự khác, nối liền kinh nghiệm tưởng tượng của sự viết và kinh nghiệm khả hữu của đời sống. Với Beckett, chính tác động tham dự bị chối bỏ vì lợi ích của tác động giản lược. «Tout langage est un écart du langage», tất cả ngôn từ là một tránh né, một quãng cách của ngôn từ, nhân vật Moran trong truyện đã nói như vậy. Và chúng ta đều biết rằng những văn gia, les stylisticiens đã định nghĩa văn thể, le style, như một quãng cách, một phân ly. Không có văn chương nếu không có sự khẳng định về một khoảng cách, một chia lìa, và thứ văn chương thuần túy, nếu có thể có, chính là thứ văn chương nhận quãng cách đó làm chủ thể, luôn luôn lảng tránh, la littérature qui ne cesserait de s'écarter, đó chính là văn chương theo quan niệm của Beckett vậy.

Cho nên câu chuyện được kể chẳng có một chút quan trọng nào cả. Tiểu thuyết của Beckett không mong xin được hiểu

Người ta có thể ngừng ở đó và nhận định rằng chính Lời Nói, bằng chính sức mạnh của chính nó đã bắt buộc mọi người phải nhìn nhận và nghệ thuật kiểu Beckett chính là tạo một cái gì đó bằng 1 vật nhỏ mọn chẳng đáng gì, « faire quelque chose avec rien » bằng một hư không.

● xem tiếp trang 30

trong phong trào

tiểu thuyết mới

ANH thương mến.

Em nói với anh đây nhưng không biết anh có nghe em không? Anh có nghe được em không? Em vừa trở lại cái đồn xưa, nơi anh đóng quân ngày trước. Chiếc máy bay trực thăng đang lượn vòng bên trên cái tiền đồn nằm trơ vơ giữa lòng thung lũng xanh rì. Anh xạ-thủ đại liên ngồi ở mé cửa phi cơ đã rời tay súng và đưa mắt báo cho bọn em là sẵn sàng để đổ bộ. Từ trên phi cơ nhìn xuống những anh lính tiền đồn, áo quần trận màu xanh, chui từ các công sự lên đang thi nhau ùa ra bãi đáp. Bóng họ di động lẹ làng, tươi như toát ra sự mừng rỡ sau những giờ chờ đợi bọn em đến với họ. Những pháo đài, giây thép gai, những giao thông hào cắt góc chữ chi, những ổ súng chỉa mũi lên trời, những công sự tươi màu đất đỏ và hình ảnh những anh lính chiến đang chuyển động rộn ràng dưới kia, toàn bộ đang nói lên một cái gì rộn rang, tươi trẻ kích động các bạn em. Họ tíu tít nháy xuống đất, người ôm đàn kẻ mang loa phóng thanh, kẻ vuốt lại mái tóc, cái đám lữ nhạc đó hình như đang nóng lòng được đàn, được hát, được mang tiếng du ca từ hậu phương đến sưởi ấm lòng những người lính biên phòng.

Họ xuống cả rồi nhưng chỉ mình em nằm lại trên phi cơ. Những anh phi công cũng đã theo đoàn văn nghệ vào trong đồn. Trên bãi đáp, hai chiếc máy bay lên thẳng đang nằm nghỉ xả hơi giữa bãi đáp mênh mông. Và em.

Dù không nói chắc anh cũng biết rằng em anh đãkhóc,khóc như điên, khóc đau cả gan ruột, khóc một mình. Đã tới đây sao em không cùng chúng bạn vào đồn, sao em ngồi lại đây để rồi gục đầu vào đôi tay? Và tại sao em lại tới đây? Vẫn cái đồn đó, vẫn những hàng rào giây thép gai, những ổ súng tuy vừa mới xây đắp lại nhưng em thấy tất cả vẫn là những hình ảnh cũ đã in rõ đậm nét trong hồn em, hình ảnh của sáu tháng trước đây.

Anh còn nhớ không ? Sáu tháng trước, cũng một chiếc máy bay trực thăng đã thả em xuống đây và người thứ nhất mà em gặp là anh, người sĩ quan pháo binh trẻ tuổi, da màu đồng đỏ, mắt sáng ngời như hai ánh lửa.

— Chào cô em gái hậu phương !

Anh đã tươi cười chào em và các bạn em. Qua những ngày sinh hoạt với các anh em chiến sĩ tiền đồn này, em cũng như các bạn đã say sưa ca hát cho các anh nghe. Em còn nhớ như in hình ảnh anh hiên ngang trong bộ chiến phục, đứng tựa vào vách công sự, để nhìn và nghe em hát. Gió tiền đồn thổi tung mái tóc anh bay lòa xòa trên vừng trán rộng sớm hằn nét phong sương. Thú thực, chưa bao giờ em thích ca hát như buổi đó. Và chưa bao giờ em lại thấy mình hát hay như buổi đó. Tiếng hát say sưa, cao vút, uyển chuyển cất lên từ một tiền đồn hẻo lánh, tiếng hát gửi tới những người con trai xa nhà, đang sống giữa bốn bề lửa đạn đầy bất trắc, không biết sống chết lúc nào, tiếng hát đó quả đã được phát đi từ một lòng thương yêu triu mến không bến bờ. Những gương mặt cháy nám vì nắng rừng, hốc hác vì sốt rét và nước độc, những con người quanh năm nằm dưới hầm sâu, đêm ngày tinh thần căng thẳng vì cảnh giác cao độ, những con người đã để lại, quá xa tầm tay, những kẻ thân yêu, những mẹ già, vợ trẻ, con thơ, những bàn tay êm dịu, cốc sữa nóng của buổi sớm mai hồng, lời vỗ về đầu giường trong những đêm thanh, rổi thửa ruộng cày, con trâu hiền, bát cơm mới ngon lành, bếp lửa ấm của những đêm đoàn tụ. Xa cả rồi tất cả đã xa quá tầm tay. Họ bỏ lại hết để ra đi và giờ đây, họ lấy tình chiến hữu làm niềm an ủi. Họ chiến đấu bên nhau, sẵn sàng quên cái riêng tư để bảo vệ hạnh phúc chung, họ chấp nhận sự lỗ lã, thua thiệt cho riêng mình để mưu cầu một sự nghiệp cao đẹp lâu dài.

Những người đó đang ngồi bệt trên sân đồn, ngả nghiêng bên các ụ súng để nghe em hát. Nước mắt em, đã chạy quanh, mắt em cay nóng, trong khi cổ họng lại thanh thoát trơn tru và tiếng hát tuôn trào, ngọt như nước suối. Hai bài, ba bài, năm bài... em hát mà không biết mệt. Em hát với tất cả sảng khoái lạ kỳ vì tiếng hát của em, như có sức thần diệu, làm sáng lên những khuôn mặt bấy lâu

nay tái xanh vì gió núi, lá rừng tưởng như lặng lờ không còn mảy may xúc cảm.

Những âm sắc bén nhọn, linh động, rõ ràng; những âm trình thường ngày em phải cố gắng mới cử lên được thì hôm ấy, không hiểu do một phép lạ nào, em đã vượt qua, thanh thoát, nhẹ nhàng. Tiếng hát đã chắp cánh bay lên, bay lên.

Em còn nhớ khi em hát dứt bài, tiếng vỗ tay nổi lên rào rào. Anh đã mở cho em một chai nước ngọt và khen em :

— Em gái của anh hát hay quá.

Thú thực tim em đập mạnh, em sung sướng nhưng cố giữ bình tĩnh, lườm anh :

— Em gái «của anh» hồi nào đâu ?

Anh gượng cười rồi nhìn đi nơi khác. Mắt anh vương một thoáng buồn. Em hối hận đã nói câu đó và muốn nắm ngay lấy bàn tay sạm nắng của anh, ấp vào lòng, hôn lên đó và nói với anh rằng :

— Nếu anh muốn, em có thể là « của anh » mãi mãi.

Anh nhìn ra xa. Mây trời phiếu diễu. Rừng núi chạy dài trước mặt chúng ta, lạnh lùng và bí mật. Anh nói :

— Tiếng hát của em làm anh nhớ đến làng quê và mẹ già anh. Từ nỗi nhớ đó, anh càng thấy yêu quê hương đất nước chúng mình. Bọn mình thật bất hạnh, tổ quốc chia xẻ, đất nước đau thương rách nát vì đạn bom, khói lửa.

Em lặng im để chia cùng anh nỗi buồn mông mênh đó.

Em còn nhớ, trong hai ngày ngắn ngủi ở lại tiền đồn, anh đã đưa em đi thăm nơi ăn, chỗ ngủ của anh em binh sĩ. Những mảnh ván kê trên mặt đất trong hầm kín dùng làm giường, những tấm hình ca sĩ dán trên vách, những chiếc vỏ đạn dùng làm bình cắm hoa, mỗi góc nhỏ là một thế giới của người lính ở tuyến đầu. Những bữa cơm chiều, gạo hẩm ăn với cá mắm nhưng sao các anh ăn vẫn ngon như người ta ăn tiệc. Tưởng em ngạc nhiên, anh đã nói :

— Ăn như thế này kể còn sướng chán. Bọn bạn anh, những người lính biệt động chiến đấu trong rừng có nhiều lúc đã ăn cỏ thay cơm. Đói quá nên gặp chồi xanh, lá non là a-lê, vặt lấy bỏ vào mồm nhai cho đỡ xót ruột. Đi hành quân, họ toàn ăn gạo rang thay cơm. Lúc nào muốn tạo một ảo tưởng là mình đang ăn cơm thì họ cho gạo rang vào lon sắt, tưới nước vào đó, để một lúc gạo nở ra như...cơm. Em thấy bọn anh có đáng thương không ?

Em không trả lời anh, chỉ rưng rưng nước mắt.

Không khí thân mật, tràn đầy tin yêu ở tiền đồn như níu kéo em lại, em không muốn rời xa để trở về hậu cứ nhưng cái gì phải đến, đã đến. Đoàn Văn nghệ lại từ giã đơn vị của anh để lên đường đi nơi khác. Buổi chia tay,

sao mà buồn muốn khóc. Anh đưa em ra tận phi cơ, xách hộ cho em bao hành lý. Em nhìn anh lần cuối. Em muốn lưu giữ một chút hình ảnh của anh. Ấp úng một hồi lâu, em mới nói được một câu :

— Anh có gì cho em không ?

Em thấy anh lúng túng một giây rồi rút trong túi ra một chiếc bật lửa, trao cho em :

— Anh chẳng có gì cả, chỉ có cái bật ngửa này, xin tặng em làm kỷ niệm.

Chiếc bật lửa có khắc ba chữ tên anh, bên dưới có vẽ hai khẩu súng tréo nhau và một ánh lửa Đúng là bật lửa của một anh chiến sĩ. Chiếc bật lửa đó, sau này, mỗi lần gặp các người quen hút thuốc mà không có diêm đốt, em đã lấy ra cho họ mượn. Lúc trả lại, họ cám ơn mà không quên ngạc nhiên nhìn em như có ý hỏi : « Cô không hút thuốc sao lại sắm bật lửa làm gì ? Em mân mê chiếc bật lửa trong tay với một niềm sung sướng thầm kín. Em thường tiếp dầu xăng vào và săn sóc ngọn bấc để mỗi khi chỉ bật nhẹ là ngọn lửa bùng lên liền. Em muốn nuôi cho ngọn lửa đó cháy mãi Nhìn ngọn lửa. em nhớ đến anh và mối tình đôi ta. Lần chia tay ở tiền đồn, anh xin địa chỉ của em và nói rằng : khi tình trạng cho phép sẽ về phố thị thăm em. Em cũng tưởng rằng đó chỉ là một lời hứa làm quà. vu vơ, nói cho có theo phép xã giao nhưng không ngờ, một hôm em đang giặt áo ở dưới bến sông trước nhà, vừa ngẩng lên thì thấy anh đang đứng trên bờ khuỳnh tay, sừng sững nhìn em. Anh còn mặc nguyên bộ chiến phục bạc màu, túi hành trang để ở dưới chân. Em run lên vì cảm động, sau 2 phút đứng lặng không biết nói gì, em mới lấy lại được bình tĩnh và tíu tít mời anh vào nhà.

Anh đã hành động đúng theo kiểu cách nhà binh : mau lẹ, dứt khoát. Từ việc tỏ tình đến việc tổ chức lễ hỏi, hứa hôn, tất cả đều diễn ra rất chóng vánh. Sau lần anh về phép đó, em đã chính thức trở thành vị hôn thê của anh. Vừa sung sướng vừa đau khổ. Sung sướng vì được làm vợ anh, đau khổ vì những tháng ngày dài thương nhớ. Lễ cưới chúng ta định vào tháng bảy. Em đã chuẩn bị đủ các thứ : áo cưới, đôi gối thêu hoa và hai con chim én cùng những thứ linh tinh cần thiết cho một tiểu gia đình. Đời đối với em, lúc đó, toàn màu hồng. Em nao nức đợi chờ ngày anh trở về. Em thường nằm mơ thấy cái phút hai đứa mình song đôi nhau lạy trước bàn thờ, ánh hồng tạp lung linh, tiếng pháo cưới nổ ran trong xóm. Rồi những ngày chung sống bên nhau. em sẽ dùng chính cái bật lửa của anh cho em làm kỷ niệm để châm thuốc cho anh hút. Em sẽ theo anh đến sống tại trại gia binh hoặc nếu không tiện thì những ngày anh trở về với bổn phận chiến đấu ở tiền đồn, em sẽ tiếp tục đi theo đoàn văn nghệ đem tiếng ca sưởi ấm lòng những người bạn đồng đội của anh. Lúc xong công tác, em sẽ trở về sống với mẹ già để hai ba hôm một lần đón nhận lá thư dài của anh gửi về từ một phương trời lửa khói.

Thế rồi...

Đêm hôm qua, một lực lượng địch đông gần một Trung đoàn đã bắt đầu tấn công đồn B.L. Quân ta đã anh dũng kháng cự mặc dầu địch, với chiến thuật biển người đã tràn vào trong đồn. Đồn trưởng ra lệnh quyết tử chiến đấu. Không quân yểm trợ kịp thời oanh kích chính xác gây cho địch nhiều thiệt hại. Kết quả: địch bỏ lại chiến trường 325 xác chết, ta tịch thu hơn 200 vũ khí đủ loại. Bên ta có 15 chiến sĩ đền nợ nước trong đó có một sĩ quan pháo binh.

Mẩu tin ngắn ngủi đó truyền đi qua máy thu thanh đã làm em choáng váng. Một sĩ quan pháo binh ! Người đó chỉ có thể là anh, chồng chưa cưới của em. B.L đúng là cái đồn nơi anh đang trấn giữ. Có thật vậy không anh ?

TRUYỆN NGẮN TÔ KIỀU NGÂN

TIẾNG HÁT CỦA DUYÊN

Anh đã chết rồi sao ? Em có nằm mơ không ? Sau một đêm không ngủ, khóc sưng vù đôi mắt em chạy bay đi dò hỏi khắp nơi. Công điện từ tiền đồn đánh về xác nhận. Không còn nghi ngờ gì nữa. Đúng là anh của em rồi. Anh ơi, thôi thế là hết. Vĩnh viễn anh không trở về cùng em nữa Em oán trời, giận đời và chửi rủa chiến tranh... Cái chết của anh thật vô cùng phi lý, phi lý và thê thảm như khói lửa, sắt máu, đạn bom đang gieo tai họa xuống mảnh đất này. Bây giờ thì anh đã yên giấc dưới cỏ xanh, thân thể của anh chắc đã mục nát hết rồi nhưng em vẫn nói với anh vì em chắc rằng anh nghe được em, anh hiểu thấu lòng em. Rằng em không thể nào quên được anh và mối tình lớn lao. thiết tha, sâu đậm của chúng mình. Em đã khóc thương anh đến khô cạn nước mắt. Anh tha tội cho em là đã quá yếu đuối. Không yếu đuối, mệt mỏi, võ vàng sao được trước nỗi đau khổ lớn lao mà dân tộc chúng ta đang gánh chịu ròng rã 20 năm trời nay, những mất mát,hờn đau, bất trắc ngang trái, dở dang cứ diễn ra từng giờ, từng phút. Những đứa con thơ thiếu bố, những người vợ trẻ quấn khăn sô, những mái nhà hoang tàn thiếu đến cả một tia khói ấm, những đồng ruộng bỏ hoang, vết đạn cày nát khoảng sân trường học, chúng nó cứ tiến tới và cứ gieo tội ác. Chúng đã giết anh, cướp mất của em một người thân yêu. Nhưng anh ơi, em đã hết yếu đuối rồi. Không riêng gì một mình em mất anh. Trên mảnh đất đau thương này, hằng ngày, biết bao nhiêu người đã và đang chịu đựng những sự mất mát trăm phần lớn lao hơn nữa. Người còn sống không thể ngồi ôm lấy sự đau khổ, một mình, bất động. Phải làm một cái gì cho người đã chết, những người đã chết. Em sẽ trả thù cho anh. Em là đàn bà, con gái, yếu đuối, em không có gì nhưng em còn giọng hát. Em sẽ mang giọng hát của em đi khắp các tuyến đầu lửa đạn. Em sẽ hát ca với tất cả say sưa, mê mải vừa sưởi ấm lòng người chiến sĩ vừa động viên tinh thần chiến đấu hăng say của họ để họ thêm phấn khởi tiến lên giết địch. Em nghĩ đó cũng là một cách trả thù cho anh và hẳn anh cũng đồng ý với em. Phải không anh ?

(*viết theo lời kể của D*)

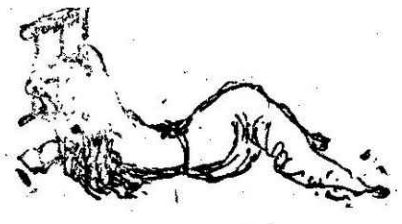

THEM nhà không cao. Tôi đã đếm các bực đến cả ngan lần, lúc đi lên cũng như lúc đi xuống, nhưng bây giờ trong trí không còn nhớ được con số nữa. Tôi chưa bao giờ biết được là có phải nói một khi bàn chân đề trên lề, nói hai khi bàn chân sau đề trên bực thứ nhất, và cứ tiếp tục mãi như vậy, hay trên lề không phải kể. Lên đến những bực trên cao, tôi lại vấp phải cùng một nỗi khó nghĩ như vậy. Khi bước ngược chiều, tôi muốn nói khi bước từ trên xuống dưới, lại cũng y như vậy, nói thế không có gì là quá đáng. Tôi không biết bắt đầu ở đâu, mà cũng chẳng biết chấm dứt ở đâu, sự vật ra sao ta cứ bảo vậy thôi. Vậy nên đếm đến ba số hoàn toàn khác nhau mà tôi chẳng hề biết được số nào là đúng. Và khi bảo rằng tôi không còn nhớ được con số trong trí nữa, tôi muốn nói là trong trí tôi không còn nhớ được một con số nào trong ba con số cả. Thật tình là khi tìm lại được trong trí nhớ một số thôi trong ba số, mà chắc chắn là nó nằm trong trí rồi, tôi cũng chỉ tìm ra được có mỗi số đó thôi, mà không thể suy ra hai số kia được. Và dù tôi có nhớ ra được hai số, tôi cũng sẽ không biết được con số thứ ba. Không, tôi phải tìm nhớ lại cả ba số, để biết được chúng, cả ba số. Ký ức thật là một nhọc. Vậy thì ta không được nghĩ tới một số sự vật, những chuyện mà ta vẫn ghi trong lòng, hay đúng hơn ta phải nghĩ đến chúng, vì nếu không nghĩ đến chúng vô tình ta lại dễ có thể gặp lại chúng dần dần trong trí nhớ. Nghĩa là ta phải nghĩ đến chúng trong một lúc, một lúc nào thuận tiện, ngày nào cũng vậy và nhiều lần trong mỗi ngày, cho đến khi nào bùn lầy phủ lấp chúng, bằng một lớp mỏng ở ngoài không gì qua thấu được. Đó là một mệnh lệnh.

Dù sao thì con số các bực thềm cũng chẳng làm gì trong chuyện nay cả. Việc phải ghi nhớ, chính là việc cái thềm nhà không cao, và việc đó thì tôi đã nhớ rồi. Ngay với trẻ em nó cũng không cao, đối với những thềm nhà khac mà nó đã biết, vì mãi nhìn thấy chúng mỗi ngay, vì đã từng đi lên đi xuong ở đó, đã từng chơi đùa ở trên các bực thềm, chơi trò xương ban chân cừu và những trò khac mà ngay cả tên trò chơi nó cũng đã quên mất rồi. Vậy thì bực thềm đâu có nghĩa gì đối với một người trưởng thành, một người còn hơn trưởng thanh nữa ?

Vậy nên té xuống cũng không nặng lắm. Trong khi té tôi nghe cánh cửa đập, là điều an ủi cho tôi, ngay giữa lúc tôi bị té. Vì như vậy có nghĩa là người ta không đuổi theo tôi ra tận ngoài đường, với một chiếc gậy, đề đập cho tôi mấy gậy, trước mắt những người qua lại. Vì nếu họ có ý định như vậy thì họ đã không đóng cửa lại, mà lại để cửa mở ra, để những người tụ lại ở phòng trước có thể thưởng thức sự trừng phạt và rút ở đó ra một bài học. Như vậy là lần nầy họ chỉ ném tôi ra ngoài, không làm gì hơn. Trước khi giữ thăng bằng được trong cái rãnh này, tôi đã có thì giờ để lý luận được như vậy.

Trong trường hợp này không có gì bắt buộc tôi phải đứng dậy liền cả. Tôi chống cùi chỏ trên lề, kỷ niệm thật lạ lùng, đặt lỗ tai tôi nằm gọn trong lòng bàn tay và tôi bắt đầu suy nghĩ về hoàn cảnh của tôi, dù nó cũng đã quen thuộc rồi. Tuy nhiên tiếng động của cánh cửa đang đập lại lần nữa, nhỏ hơn nhưng chắc chắn rõ ràng hơn, kéo tôi ra khỏi giấc mơ trong đó cả một khung cảnh đẹp đẽ đã được sắp xếp rồi, cả một khung cảnh với hoa búp và hoa hồng hoang dã, rất là mộng mị, và tiếng động đó làm tôi ngẩng đầu lên, hai bàn tay đề nằm xoè trên lề và hai nhượng chân cang thẳng ra. Nhưng đó chỉ là chiếc nón của tôi, đang bay lượn trên không về phía tôi, vừa bay vừa quay tròn. Tôi chụp được nó và đoi lên đầu. Theo chúa của họ thì như vậy là họ rất đứng đắn. Họ có thể giữ lại chiếc nón này, nhưng vì nó không phải của họ, mà là của tôi, vậy nên họ trả lại cho tôi. Nhưng niềm hân hoan kia đã tan mất.

Làm sao tả chiếc nón kia ? Và tại sao ? Khi đầu tôi lớn dần lên đến cái kích thước của nó mà tôi không nghĩ sẽ là kích thước nhất định nhưng là tối đa, cha tôi bảo tôi Đến đây, con ạ, ta sẽ mua nón con cho con, tựa như chiếc nón đó đã có sẵn trước từ đời nào rồi, ở một nơi đã định. Ông đi thẳng đến chiếc nón. Tôi thì tôi chẳng có quyền phát biểu ý kiến gì cả, người bán nón cũng vậy. Tôi vẫn thường tự hỏi không hiểu cha tôi có định làm nhục tôi hay không, không hiểu ông có ganh với tôi vì tôi còn trẻ và đẹp, tóm lại, vì tôi tươi trẻ, trong khi ông ta đã già rồi và ngươi thì phì nộn và tím ngắt. Bắt đầu từ ngày đó, ra đường tôi không còn được phép đề đầu trần nữa, không còn được đề những sợi tóc đẹp màu hạt dẻ của tôi bay theo gió nữa. Đôi khi đang đi trên một con đường khuất xa, tôi bỏ nón ra và cầm ở tay, nhưng vẫn run run. Tôi phải chải nón mỗi sáng và mỗi tối. Những thanh niên đồng lứa tuổi tôi, những kẻ thỉnh thoảng dù sao tôi cũng bắt buộc phải giao thiệp chế nhạo tôi. Nhưng tôi tự nhủ. Cái nón đâu có gì đáng kể, chẳng qua chúng chỉ móc vào những câu nói đùa mà thôi, cũng như đối với một thằng lố bịch rõ rệt nhất, vì chúng tôi tế nhị thôi. Tôi vẫn luôn luôn ngạc nhiên về sự thiếu tế nhị của những người đồng lứa tuổi tôi, tôi với một tâm hồn quặn thắt tối ngày chỉ vì cứ mãi tìm hiểu mình. Nhưng có thể đó là sự tử tế, thuộc loại tử tế mà người ta đem chế diễu một người gù về chiếc mũi to của hắn. Khi cha tôi mất tôi có thể giải thoát mình được khỏi chiếc nón, không gì còn cản trở được nữa, thì tôi đã không làm gì hết. Nhưng làm sao tả chiếc nón ? Đề một lần khác vậy, một lần khác vậy.

Tôi lại đứng dậy và bắt đầu bước đi. Tôi chẳng biết được lúc đó tôi có thể có bao nhiêu tuổi. Việc vừa xảy ra cho tôi cũng chẳng có gì đề phải đánh dấu ngày tháng trong cuộc sống của tôi. Đó chẳng phải là cái nôi cũng chẳng phải là ngôi mộ của bất cứ cái gì. Đúng hơn nó giống như nhiều cái nôi khác, nhiều ngôi mộ khác đến nỗi tôi bị lạc trong đó. Nhưng tôi không nghĩ đã nói quá khi bảo rằng lúc đó tôi đang ở tuổi tráng niên, tuổi mà tôi nghĩ người ta gọi là có đầy đủ các năng khiếu. Đúng vậy, có đủ năng khiếu thì tôi có đủ

kẻ bị trục xuất

đấy. Tôi đi qua đường và quay lại nhìn ngôi nhà vừa tống khứ tôi ra, tôi xưa nay khi bước đi lại không hề quay đầu lại bao giờ cả. Ngôi nhà đẹp không biết bao ! Trên các cửa sổ có những cây phong lữ. Suốt mấy năm nay tôi vẫn nghiêng mình trên những cây phong lữ đó. Chúng thật là tinh quái, mấy cây phong lữ kia, nhưng rốt cuộc tôi cũng thu xếp theo ý tôi được. Cửa lớn của ngôi nhà này, tuốt trên cao cái thềm nhà, tôi vẫn thường hay say sưa chiêm ngưỡng nó. Làm sao tả nó ? Nó rất là đồ sộ, sơn màu xanh lá cây, và vào mùa hè người ta bọc cho nó một thứ vải bọc có sọc xanh lá cây và trắng với một cái lỗ có nhô ra một cái búa kinh khủng bằng sắt luyện và một khe hở tương đương với khe hở của thùng thư với một tấm đồng có lò xo dùng đề che bụi. sâu bọ và chim bạc má. Như vậy đó. Bên cạnh cửa

có hai cột trụ cùng một màu, trụ bên phải có gắn chuông bấm. Các bức màn cửa thì thật là đẹp. Ngay làn khói toả lên từ một ống khói, ống khói ở nhà bếp, cũng dường như duỗi mình dài ra và tan biến đi với một vẻ buồn hơn khói những ngôi nhà lân cận, và xanh hơn nữa. Tôi nhìn cánh cửa sổ tôi ở từng lầu ba, và là tầng chót đang mở toang ra. Người ta đang lau chùi náo nhiệt ở bên trong Trong vài giờ nữa người ta sẽ đóng cửa sổ lại, sẽ kéo màn xuống và người ta sẽ cho xịt formol. Tôi biết họ mà. Tôi sẵn sàng chết trong ngôi nhà này. Như trong một cơn ảo tưởng, tôi thấy cánh cửa lớn mở và hai chân tôi bước ra

Tôi nhìn không chút ngại ngùng, vì tôi biết họ không rình tôi sau những bức màn cửa, như họ vẫn có thể rình nếu họ muốn. Nhưng tôi biết họ mà. Họ đã trở vào hết trong lỗ tổ ong của họ và mỗi người đang làm công việc của mình.

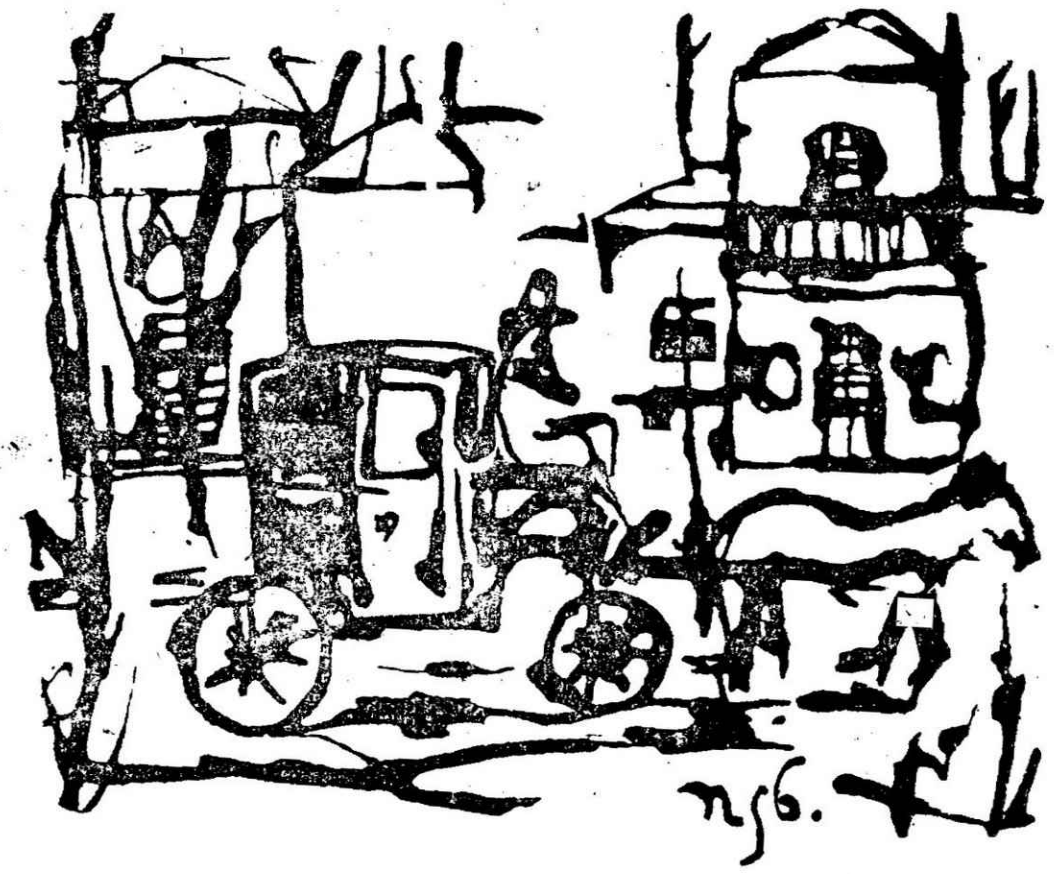

SAMUEL BECKETT

HOÀNG NGỌC BIÊN

nguyên tác

bản dịch

Thế mà tôi có làm gì họ đâu.

Tôi không biết rõ thành phố, nơi sinh của tôi và nơi tôi đã bước những bước đầu tiên trong đời, và rồi nơi tôi đã bước những bước khác đã không xoá mờ hết dấu đi của tôi. Tôi ít ra đường quá ! Thỉnh thoảng tôi đến chỗ cửa sổ, tôi vén màn lên và tôi nhìn ra ngoài. Nhưng liền sau đó tôi lại trở về phía cuối phòng, nơi có để chiếc giường. Tôi cảm thấy lúng túng, ở sâu trong bầu không khí đó, và lạc lõng bên lề những viễn ảnh vô số và mơ hồ. Nhưng hồi đó, tôi vẫn còn biết hành động, khi tuyệt đối cần thiết. Nhưng trước hếttôi đưa mắt lên nhìn trời, ở đó sự cứu rỗi phi thường đến với ta, ở đó người ta không đánh dấu các đường đi, người ta đi dạo thênh thang tự do, như giữa một sa mạc, ở đó dù nhìn về phía nào chăng nữa cũng không có gì ngăn cản ta thấy trừ giới hạn của tầm mắt. Cũng vì vậy nên khi nào mọi việc đều hỏng, tôi hay ngước mắt lên, thật ra thì điều này cũng tẻ nhạt thật nhưng tôi chẳng làm gì được, tôi hay ngước mắt lên nhìn cái bầu trời đang ngơi nghỉ kia, dù nó có mây dù nó có tối sầm, dù nó bị che mờ bởi cái hỗn độn và mù tôi của thành phố, của đồng quê, của mặt đất. Hồi còn trẻ tôi nghĩ là sống ở giữa đồng quê vẫn tốt, tôi đến miền đồng hoang Lunebourg. Tôi đến miền đồng hoang đó đầu óc đầy dẫy cả đồng quê. Cũng có những miền đồng hoang khác gần hơn nhiều, nhưng có một giọng nói với tôi Chính Lunebourg là miền đồng hoang cần thiết cho ông, tôi vẫn thường không gọi xưng mình bằng anh em nhiều lắm. Phần tử lune chắc hẳn cũng có ý nghĩa gì đó. Vậy mà, miền đồng hoang Lunebourg chẳng có gì thích thú cả, thật chẳng có gì thích thú cả. Tôi từ đó trở về lòng đầy khát vọng và đồng thời cũng cảm thấy nhẹ nhõm. Vâng, tôi không biết vì sao, chứ tôi không bao giờ thất vọng,và lúc ban đầu tôi đã thường hay bị thất vọng chưa bao giờ tôi bị thất vọng, mà không cảm thấy đồng thời, hay một lúc sau đó, một sự nhẹ nhõm hiển nhiên.

Tôi bèn bước đi. Dáng đi thật lạ lùng. Đôi chân cứng nhắc, tựa như là thiên nhiên đã từ chối không cho tôi hai đầu gối, hai bàn chân cách khoảng nhau một cách lạ lùng hai bên trục bước. Thân mình, trái lại, thì như do một lối cấu tạo bù trừ, nó mềm dẻo như một cái bao chứa đầy ngổn ngang những thứ vải xấu và nó đu đưa cuống cuồng theo những cái giật mạnh bất ngờ từng hồi ở mông. Tôi vẫn thường cố chữa những tật nói trên, cố duỗi thẳng ngực ra, bẻ gập đầu gối lại và kéo những bàn chân [illegible] tôi có ít nhất là năm hay sáu bàn chân, nhưng lúc nào rốt cuộc cũng vẫn vậy, tôi muốn nói là bị mất thăng bằng, rồi sau đó bị ngã xuống. Ta phải bước đi mà không nghĩ đến điều ta đang làm, như ta thở dai, và tôi khi tôi bước đi mà không suy nghĩ đến điều tôi đang làm thì tôi bước đi như tôi vừa mới nói ở trên, và khi tôi bắt đầu thận trọng giữ gìn thì tôi bước được vài bước khá chững chạc và rồi tôi lại ngã. Vậy nên tôi quyết định buông trôi. Theo ý tôi, cái dáng điệu đó, ít nhất cũng có một phần, là do một khuynh hướng mà tôi không bao giờ hoàn toàn thoát ra được, khuynh hướng mà những năm dễ cảm xúc của tôi, những năm đã hướng dẫn việc chế định tính tình, dĩ nhiên đã hết lòng đóng góp, tôi muốn nói đến thời kỳ kéo dài xa tít mù, giữa những bước sầy chân, đứng sau một chiếc ghế, và lớp đệ tứ, lớp cuối cùng ban cổ điển của tôi. Vậy thì chính khi đái vãi hay ỉa đùn ra trong quần, là việc vẫn thường xảy ra với tôi đều đều khoảng bắt đầu buổi sáng, vào mười giờ hay mười rưỡi,tôi đã có cái thói quen đáng buồn là nhất quyết muốn tiếp tục và kết thúc ngày đó, như không có gì xảy ra cả Chỉ ý nghĩ thay áo quần, hay thổ lộ cho mẹ biết, mà mẹ thì lại vẫn chỉ muốn giúp tôi, tôi cũng đã không chịu nổi rồi, tôi không biết tại sao, và cho đến khi đi ngủ tôi vẫn kéo lê mình đi với cái kết quả sự phóng uế của tôi, ở giữa hai bắp vế nhỏ thó, hoặc dát vào hai mông, nóng bỏng, dòn rúm, hôi hám. Do đó mới có những động tác thận trọng kia, cứng nhắc và dang rộng hai chân và có sự đu đưa tuyệt vọng của cái ngực, chắc hẳn là để lừa phỉnh người khác, để làm cho người ta tin rằng tôi không có gì lo lắng, tôi vô cùng vui vẻ và linh hoạt, và cũng để làm cho hợp lý hơn những lời giải thích của tôi về sự cứng đơ vốn có của tôi mà tôi đã gán cho bệnh phong thấp gia truyền. Sự hăng hái trẻ trung của tôi, trong phạm vi mà tôi có được, vì thế đã tiêu hao đi, tôi trở nên chua cay, đa nghi, hơi sớm một tí, chỉ ham mê lủi trốn và nằm dài. Thật những cách giải quyết vụng kém của tuổi trẻ chẳng giải thích được gì cả. Vậy nên ta chẳng có gì phải ngại ngùng. Chúng ta hãy cứ suy luận đừng có sợ hãi, sương mù sẽ vẫn không tan đâu

Trời hôm ấy đẹp. Tôi tiến đi giữa đường phố, cố hết sức để đi sát lề đường. Cái lề đường lớn nhất không bao giờ lớn đủ đối với tôi, khi mà tôi hoạt động, và tôi sợ kinh khủng phải làm khó chịu những người lạ. Một viên cảnh binh chận tôi lại và bảo

■ xem tiếp trang 26

trường

ĐÊM đen mịt mùng. Ngửa bàn tay chẳng thấy. Như một loài rắn, tôi cố trườn người thật sát mặt đất để tránh lớp kẽm gai cào xước trên mình. Trườn qua từng lớp thật khó nhọc. Phía trước chẳng thấy gì. Nghe thật khẽ tiếng thở thằng Lạp cũng biết nó đang cố ép mình thật sát mặt đất như tôi. Nó nhỏ con hơn nên trườn thật nhanh và dễ. Chỗ nào dây kẽm gai giăng thấp, nó dừng lại lôi trong túi một chiếc kềm bé tý xíu chẳng biết nó cắp được ở đâu, tháo và nâng giây lên, tôi vừa chui qua, nó rào lại y như cũ.

Chúng tôi cả thảy năm đứa, Lý, Tấn ; Du đứng ngoài to chuyện dỗ tôi và Lạp vào trong. Công việc tuy đơn sơ nhưng chẳng kém phần mạo hiểm thích-thú, tìm một góc ít có lính Mỹ gác; chui vào kiếm đồ ăn. Nhiều vô khối. Người Mỹ họ thật sang, đồ ăn để cả ra ngoài trời, không màng đến. Những thùng hộp đồ nguội, thuốc lá, coca caphe thật nhiều, chẳng biết phải lựa cái gì, vơ trúng cái gì, chúng tôi cho tiêu cái đó. Mọi thứ, chúng tôi chuyền lên phố, bán lên chợ mối ngay một cơ gia. Ngay có công việc ngay, xách đồ nghề đứng tại các bến quân xa, các bar, lính Mỹ đến là chúng tôi nhào vô đánh giày. Không cho cũng mặc, chúng tôi cứ lăn xả vào làm cho giày họ dơ, rồi ngồi xuống đánh ngay. Lẽ dĩ nhiên là có tiền. Đem lăng văng ở các bar đợi dân gai, ON number one, where do you go, John ? see you again, thank you very much. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ. Thằng Lạp có tiếng thông thạo nhất đám, trong túi nó lúc nào cũng có quyển tự vị bé xíu, mua trên phố bon mươi lăm đồng. Mộng của nó sau này sẽ đi thong ngôn, mỗi giờ bốn mươi đồng chưa kể giờ phụ trội nó thường tan tao với bọn tôi thế

Những hôm lính Mỹ cấm trại, chúng tôi kéo nhau xuống bãi rác gần camp Holoway, nơi để kiếm ra đồ nhất. Các ông cứ tưởng ra một bãi đất khô cằn, đó là nơi đổ rác của Mỹ. Nơi rác các ông tưởng nhiều đồ dơ, nhưng đủ thứ, vỏ chai lade, lon đồ hộp còn mới y nguyên, những két thuốc cũ, quần áo cũ, mọi thứ bán đều có tiền. Thời đại kim tiền mà. Thằng Lý nói : thời buổi này cái gì có tiền là nhào vô, tao là con gái thì tao làm đĩ cho Mỹ gấp. Tao thấy bọn nó làm ra tiền quá. Chúng tôi đều đồng ý như nó.

Những khuôn mặt xa lạ, cháy đỏ và đen đủi, những khuôn mặt đó đến xứ sở tôi như một biến chuyển quan trọng trong đời sống mọi nhà đôla vung lên khỏa lấp thân thể ; chỉ toàn là đô la, và đôla đi đâu cũng nghe nói đến đôla, những hiệu giặt ủi, những lớp Anh Văn mọc lên như nấm. Quê hương tôi đi đâu cũng chạm mặt những giọng cười sặc mùi vị whisky, nghe toàn giọng Mỹ, giọng Anh líu lo, tôi tưởng mình đang đổi kiếp, đang sống trong thành phố khác bên trời Âu, không phải quê hương đau khổ xứ dân gầy, chạy gạo từng bữa khốn khổ từng kiếp, lê lết từng nhà, tôi tưởng xứ mình không còn là đồng khô cỏ cháy nữa.

Bãi rác đó, nơi sinh sống của bọn tôi, cái gì Mỹ vất đi là chúng tôi nhặt bán đều có tiền — dân mình cái gì xài cũng «dơ» cả. Thằng Tấn nói thế mà phải. Thú thật, có ngày chúng tôi có đứa bán đồ được đến hai ba ngàn, ngày nào ít lắm cũng hai ba trăm. Nhưng phải lanh phải lăn xả vào tranh dành. Xe Mỹ vừa đến, chưa kịp đổ xuống, chúng tôi đã nhảy phóc lên ngụp lặn trong đống đồ dơ đó, mùi khai nồng tỏa khắp mặt mũi, cũng mặc, hôi hám đã có xà phòng dove và giếng nước sau nhà. Lo gì. Có tiền là được Lý luận trẻ con chúng tôi là thế. Người lớn cũng nhào vô trò chơi hấp dẫn nầy. Nhưng làm sao lanh bằng chúng tôi. Cái gì cũng nhặt từ vỏ chai coca, bia hộp, đến radio cũ, hư, chúng tôi nhặt về chùi rửa bán lên tiệm sửa radio được chín trăm bạc. Người Mỹ thật giàu, cái gì hơi cũ là đổ, là vất. Thế là nuôi sống chúng tôi ngày này qua ngày khác.

Nhưng thích thú và kỳ diệu nhất là mỗi bận ăn cắp ngay trước mặt họ mà họ không biết. Tôi còn nhớ, buổi chiều chủ nhật tuần trước, bọn tôi lảng vảng xách hộp đồ nghề đến gần chỗ họ tắm nắng, mời đánh giày, bán báo, xin thuốc bánh kẹo, đô la. Thấy có đống đồ hộp, lẫn áo quần, radio để trong tăng. Thằng Tấn đứa có nhiều mưu mô nhất, vội họp chúng tôi lại bàn kế hoạch và thực hành liền. Lý đang đấu hót với một anh Mỹ Đen to gấp bốn lần nó, tôi vội vàng chạy thục mạng tông mạnh vào bụng nó một phát. Nó ngã xuống chửi bới vang trời, tôi chồm lên bấu vào mặt vào mồm nó, nó trả đũa khá mạnh, chúng tôi ôm nhau đấm đá la hét, mấy người lính Mỹ nhào đến can, cũng mặc, tôi đấm nó, đến hộc máu mồm, tôi bị sưng một bên mắt. Mấy người

viên minh

NHỮNG BƯỚC CHÂN BUỒN

RỜI bỏ tỉnh lẻ đón hậu nằm e-ấp cuối dãy Trường-Sơn này, bỏ lại đằng sau tất cả : khoảng trời hắt hiu lạnh mùa đông, bóng cây dâm mát ôm trọn hình hài, những tách trà chôn vùi kỷ-niệm, những sớm quê hương hằn dấu vết trẻ thơ, những chiều Chủ Nhật buồn tình yêu đi mất, những đêm cúi đầu cô độc đi trong luân lưu tâm-tưởng. Một niềm nhớ không tên, một thoáng sầu nghẽn lối ùa về nhè nhẹ như lành lạnh buổi sáng tạ từ, nhẹ như hành trang trên vai. Niềm ẩn-uất muốn mọc cánh bay lên.

Tiếng hót rả-rích của vài con chim về sáng đã bắt đầu, bắt đầu cho niềm nhung nhớ theo chân suốt cuộc hành trình vô định.

Chính lúc này, còn sờ thấy còn cảm được chúng một nhớ thương da diết đã vươn lên cùng tột, một ngậm ngùi dẫm ướt men sương. Hành trang của một chuyến đi là bấy nhiêu, là những đổ vỡ hiện hình theo từng bánh xe lăn...

NẮNG chiều sắp tắt bên kia ngọn đồi thông buồn thảm. Ở đầu lưỡi một chút cay một chút đắng, chợt thấy rưng rưng trong lòng, muốn khóc. Mây ở chân trời tím sẫm lại, nhớ nhung tràn ngập, lan lên thành tách cà phê, đổ nhẹ xuống mặt bàn, chui qua dãy bàn ghế đang nhuốm màu xám của mây, màu đen của đêm và đặc quánh như từng giọt cà phê, mơn man những vòng khói thuốc, đọng lại trên mi, trên mắt, trên thân thể này bằng một thanh âm siêu thoát, một thứ ngôn ngữ vô ngôn ngữ. Bên ngoài, thành phố chợt thu hẹp lại, cao nghều nghệu, lạ hoắc. Những bờ tóc nghiêng nghiêng chiếc nón lá nhũn nhặn e ấp, căn phố đối diện im lìm trầm tư, mặt đường ươn ướt men chiều. Tất cả như ngưng đọng lại, một thứ tĩnh-mịch muốn bật khóc...

ĐI trong lòng thành phố Đalat ban đêm dưới cơn mưa lất phất tháng mười là một thích thú cùng tột đối với tôi. Bây giờ, tâm tư trống rỗng như những con đường loáng ướt chợt rộng ra, những hàng cây cao vời vợi, những cột đèn cúi đầu mặc niệm. Tôi suy nghĩ miên man không dứt mà cũng không chủ-đích một vấn đề thời sự vài kỷ niệm tình yêu một vài dự định tương lai hoặc bất cứ ý-tưởng nào chợt đến với tâm-tư tôi lúc ấy. Thật là sung sướng khi buông lung cho nguồn tâm tưởng rông chạy miên man vào mọi ngõ ngách.

Lạnh, nép dưới một gốc cây châm điếu thuốc và tiếp tục đi vào vùng sáng vàng vọt của mấy ngọn đèn đường lọc qua màn sương dày đặc trải xuống mặt đường một thứ huyền diệu êm nhẹ. Tôi thấy phải nhón gót cho đế giầy khỏi khua vang cái tĩnh mịch đáng yêu ấy.

RỜI phi cơ, sửa soạn đi vào mùa đông Nha trang với những cơn mưa buổi chiều nặng hột. Gió ở đây lồng lộng, thoang thoảng hơi mặn của muối, cả buồng phổi mở rộng tiếp nhận. Con đường dẫn vào thành phố, cao với hai hàng dương vút gió, rộng với biển kéo dài tận mù mịt chân trời. Trên đầu, vài đám mây nhè nhẹ trôi đi, chếnh choáng với cơn say của biển.

NHA trang giờ nầy lạnh chẳng kém gì Bảo Lộc, lất phất mưa bên triền cửa sổ nhìn xuống Xóm Bóng ban đêm thật là buồn. Đằng xa, vài con thuyền leo lét ngọn đèn mờ tô lên

■ xem tiếp trang 34

hợp của Hy

MAI NGÀN SAO

lính Mỹ cản mãi không được, đuổi chúng tôi đi chỗ khác. Đợi chỉ có thế, tôi vừa chạy vừa chửi, thằng Lý đuổi theo chúng tôi mãi, khi nhìn lại thấy khuất bóng những bóng dáng người Mỹ cao lớn, chúng tôi dừng lại thở hồng hộc. Thằng Lý càu nhàu:

— Ông nội mày, đánh sơ sơ thôi, làm gì mà dữ thế. Tao hộc máu mồm rồi nè.

— Mày xem mắt tao ra sao đây.

Từ một bụi rậm gần đó chui ra, bọn thằng Lạp, Tấn, Du, tay ôm một đống áo quần lớn, có cả radio, đồng hồ seiko:

— Thôi khỏi lo đi mấy «lám», có chất tỳ này bóp vào là lành liền OK?

Buổi tối, chúng tôi đồng tình nghỉ, không thèm đi làm. Chúng tôi bán đồ được cả thảy mười ngàn chín, chia đều mỗi đứa được hai ngàn còn chín trăm, tổ chức một buổi tiệc linh đình tại nhà thằng Lạp. Buổi tiệc có thịt, rượu để pha với xá xị ngon hơn cả whisky Du, một bợm nhậu trong đám, thường khen thế. Chúng tôi được một bữa lúy túy, chỉ thiếu gái, tôi biết đứa nào cũng nghĩ thế sau khi rượu thịt đã vào, — nhưng bọn không đứa nào can đảm «li» một bữa xem sao. Thằng Lạp đề nghị: hôm nào chúng mình rủ Sáu Bưởi «làm một mách» xem sao — tao chưa «khai», chắc trong bọn mình chỉ có thằng Hy là hạo rồi. Đồng ý tôn mày làm thầy trong «dụ» này. Đồng ý không Hy? Nghe nhắc đến Sáu Bưởi tôi liên tưởng đến con nhỏ bên nhà, rất lẳng, mới mười lăm tuổi đầu đã biết làm tiền,

Tôi cũng đau lòng khi thấy bọn thằng Du, Tấn dẫn đầu về hai, ba, lính Mỹ đến vào nhà Sáu Bưởi, tôi đau xót, tôi nguyền rủa, tôi nhục nhã cho thân thể bé tý xíu đó phải chịu đựng...

— Đa tạ, đa tạ chư đệ, hôm nào tao sẽ «làm thịt» Sáu Bưởi ngay trước mặt anh em. Biểu diễn chơi, rồi cho anh em thực tập. Cả bọn hoan hô tài quá xá.

Thưa các ông, tuổi trẻ chúng tôi là thế, mới mười bốn mười lăm tuổi đầu đã biết tất cả, không ai dạy chúng tôi, chúng tôi học ở trường đời, chúng tôi lớn lên như một loài cỏ hoang trong rừng chung quanh chỉ toàn rắn rít và thú dữ. Biết thân phận mồ côi là khổ khi vừa đủ lớn khôn. Chúng tôi lạc loài từ thôn xã lên mưu sống, cha mẹ chúng tôi đứa còn đứa mất; đi làm ăn xa. Mẹ thằng Du bị VC bắn chết lúc chạy lánh nạn từ Thạch Trụ về. Ba thằng Tấn đi lính Biệt động bị mất tích trong trận Đức Cơ năm ngoái. Mẹ tôi mất năm tôi mười hai tuổi, bà chẳng để lại gì ngoài một số tiền dành dụm vừa đủ chôn cất. Ba tôi bặt tin từ ngày chiến cuộc A Lưới bùng nổ dữ dội, chỉ có thằng Lạp là còn đủ cha mẹ, cha mẹ nó làm bồi phòng trong camp holloway, bọn tôi đều trú tại nhà nó. Làm ra tiền một phần chúng tôi cất, một phần chúng tôi tiêu cho sướng tay, những canh bài ba lá, những «cơ» bida thua đến cả hai ba cây thuốc Salem, Winston, tiền tiêu là thế và chúng tôi cũng làm ra tiền một cách dễ dàng. Đêm đêm sau khi các bar đã đóng cửa, chúng tôi kéo về những chỗ Mỹ đóng, tìm kho chất đồ ăn chung vào.

Nếu các ông có hỏi chúng tôi tại sao không đi lính, xin thưa muốn lắm, nhưng chưa đủ tuổi, còn mãi đến 3 năm nữa mới đến tuổi chúng tôi. Riêng tôi rất khoái đi lính, nhất là đi nhảy dù hay Biệt động quân. Khi nhìn những chiến xa không lồ tiến vào phố xá, những tiếng đại bác từ xa vọng về từng bầy phản lực rền trời, đốm sáng hỏa châu rơi rụng trong đêm. Những bóng dáng đó như ám ảnh tôi ngày đêm, ma quái. Tôi yêu nước? Chưa chắc, tôi chỉ muốn tung hoành ngang dọc, muốn mình hoang dã như bầy cọp rừng sống trên núi lâu ngày trở về [illegible] đồng bằng, chắc là tôi sẽ phá lắm, hơn những vụ phá phách trong thành phố chúng ta bây giờ. Cứ nghĩ đến thế là tay chân tôi như muốn đấm nát một cái gì, lồng ngực như muốn vỡ tung.

Thưa các ông. Mải dông dài, tôi xin kể tiếp về trường hợp đêm đó. Khi thằng Lạp qua hết lớp kẽm gai cuối cùng thì tôi cũng vừa chui đến lớp rào chót. Tôi búng tay khẽ để nhờ nó nâng lớp kẽm gai lên. Tôi chui qua khó nhọc. Cũng may là góc này không có mìn chôn sẵn như bên sân bay. Trong phút chốc mệt rã rời chúng tôi đã lọt vào trong an toàn. Tôi biết chắc góc này đã nhiều đồ ăn, vì có những 5 000 quân lính Mỹ mới đổ bộ lên vùng này, họ chưa có nơi ở phải đóng tạm ngoài trời. Chúng tôi biết tin đó từ hai đêm trước. Bây giờ hai chúng tôi đang đứng trước đống đồ ăn cao ngất mà chẳng biết phải lấy những gì. Tôi tuy khá cao, nhưng đứng mới bằng chút xíu đống đồ ăn cao ngất này. Nhớ lại lời thằng Lạp hôm mà cười thầm: — Tao thấy đống đồ ăn của họ với mình chẳng khác gì nước Mỹ với nước Việt Nam.

(xem tiếp trang 32)

ĐOÀN NHỮ HIỆP

ở dương gian

Cỏ cây lá xuống một vùng
Dồn phương hướng đã mây chùng có sao
Mưa trời đổ xuống tiêu dao
Lòng người mưa chảy tiêu hao muôn vàn

Cây con biết phận cái thân
Bây giờ lại thấy cơ hàn thấu da
Rừng đi cây đứng trông ra
Ở bưng xây đất mơ nhà đá vuông

Màu xanh cây lá một xuồng
Mờ trong u ám, tịch buồn cô liêu
Xác người dạ thú bấy nhiêu
Bỏ ven bên suối một liều ơn thương

Đất mầu rừng, đá mồ chôn
Bỏ công thân xác cát cồn chưa yên
Ngỗ về máu chạy bình yên
Đi đường tim chạy ưu phiền từng hơi

khi ở cầu định

Xe về nó chạy chon von
Ở đây Cầu Định chiếc hồn sinh linh
Quan tài nắp đậy lặng thinh
Một đồn lẻ chiếc giữa thinh không này
Người yêu xa ở bấy lâu
Thiên đi tư tưởng buồn rầu lại nguôi
Yêu chưa kết cấu một thời
Cái hồi sống chẳng yêu đời đau thương

PHẠM NHÃ UYÊN

tháng ngày lạ mặt

tàn cây trước nhà không hoa không lá
bầu trời buổi chiều không nắng không mưa
làm sao biết ngày xuân hay buổi hạ
có nghĩa gì những bóng gió đong đưa
thân múa rối trong áo quần diêm dúa
căn phần nào tàn phá đến tang thương
ngày qua bơ vơ đêm hờn nhảy múa
vốc đầy tay ôi tặng phẩm dị thường
đem đếm lại được thật nhiều đều giả
từ chung quanh những tượng đá vô tri
chút thâm ân nhạt nhòa như nước lã
tự tặng thêm một kiếp sống vô nghì
góc chợ xa xa, đường đen đầu ngõ
buổi đi về nghe phố thị dửng dưng
tiếng nói giọng cười loãng tan cùng gió
còn rất nhiều hẳn học nặng quẳn lưng
về trang điểm cho tóc tai mày mặt
ngu ngơ này với thảm trạng tối đen
dại khờ nầy với thật nhiều thắc mắc
tháng ngày nầy tôi chưa 1 lần quen

GUILLAUME APOLLINAIRE

montparnasse

Ôi khách sạn với hai loài cây xanh
Xanh mà không bao giờ
Trổ hoa
Những trái cây tôi đâu Tôi trồng tôi ở đâu
Ôi cửa khách sạn một vị thiên thần đứng trước
Đang phân phát những truyền đơn
Chưa bao giờ người ta bảo vệ đạo đức tận tâm như thế
Hãy cho tôi mướn mỗi mãi một căn phòng trả tiền mỗi tuần một lần
Thiên thần râu ria thật ra anh là
Một thi sĩ trữ tình nước Đức
Anh muốn biết Ba Lê
Anh chỉ biết lề đường của nó
Những đường chỉ mà ta không được dẫm chân lên
Và anh mơ
Được đi Garches tiêu hoang ngày chủ nhật
Trời hơi oi ả và tóc anh thì dài
Ôi thi sĩ nhỏ bé dịu hiền hơi đần độn và màu tóc vàng hoe
Đôi mắt anh giống hệt hai quả cầu lớn
Chúng bay đi trong bầu khí trong
Về vô định

(Trích Il y a)
Đinh thành Lam dịch

VƯƠNG TÂN

h

Mưa trái phá bên kia sông
Mưa trữ tình bên này lộ
Nước tôi thảm buồn như thế đó
Khóc đi em những giọt nước mắt thủy tinh
Người ta diễn thuyết truyện Kiều
Đã quá xưa rồi em ơi
Hôm nay bao thảm kịch đứt ruột
Bao tiếng kêu thất thanh
Khóc nữa đi em
Những giọt lệ giá buốt.
Khóc nữa đi em
Bao nhiêu người đi về cõi chết
Không một lời trối trăn
Những người chưa đầy ba mươi tuổi
Những người còn rất nhiều hẹn hò nhớ thương
Anh em như thù nghịch,
Những viên đạn bắn vào đầu nhau
Thản nhiên như nòng súng lạnh,
Thản nhiên như chúng mình xa nhau
Thản nhiên như ngày nay anh trong mắt em.
Ôi những viên đạn thật vô tình
Vùng kỷ niệm nào nhớ thương
Chúng ta sống để mà quên
Trong giấc ngủ anh vẫn ôm vòng tay lỏng
Một người yêu hư vô cũng cười cũng khóc
Để tỉnh dậy buồn thêm
Ôi bao nhiêu nước chẩy qua cầu
Những người chết đi cho bạn bè sống.

Nhân trong loạt bài phỏng vấn về Giải Thưởng Văn Chương Toàn Quốc, chúng tôi có nói tới Đông Hồ và Vũ Hoàng Chương, hai thi sĩ trong Ban Tuyển chọn năm nay, về bộ môn Thơ, nên Nghệ Thuật trích đăng dưới đây những bài thơ xuân sắc của hai ông, những bài thơ mà tác giả đã làm cách đây ít nhất trên mười năm. Cũng nên nhắc lại, Đông Hồ tên thật Lâm Tấn Phác, tự Trác Chi, sinh ngày 8-3-1906 tại Mỹ Đức, Hà Tiên. Ông đã từng cộng tác từ 1925 với *Nam Phong*, *Đông Pháp Thời Báo*, *Phụ Nữ Tân Văn*, *Tri Tân*; từ 1935 chủ trương tuần báo *Sống*, 1950 lập nhà xuất bản *Bốn Phương*. Các tác phẩm đã xuất bản có *Thơ Đông Hồ* 1932 — *Lời Hoa* (1934) *Linh Phượng* (1934) *Cô Gái Xuân* (1935) và *Trinh Trắng*, tập thơ gần đây nhất, xuất bản khoảng 1963.

Vũ Hoàng Chương sinh ngày 5-5-2916 ở Nam Định, từng làm Phó Thanh tra Sở Hỏa Xa Bắc Kỳ. Các tác phẩm của ông gồm *Thơ Say* (1940) *Mây* (1943) *Vân Muội* (1941) *Rừng Phong* (1954) *Hoa Đăng* (1959) và tác phẩm gần nhất có *Cảm Thông*. Sau đây hai bài thơ của Đông Hồ và hai bài thơ của Vũ Hoàng Chương do chúng tôi trích đăng từ các tác phẩm cũ của các ông.

ĐÔNG HỒ

khóc linh phượng

Chăn gối cùng nhau những ấm êm
Bỗng làm ngọc nát bỗng châu chìm.
Đầm đìa giọt thảm khăn hồng thấm
Lạnh lẽo đêm xuân giấc mộng tìm
Hình dạng mơ màng khi thức ngủ
Tiếng hơi quanh quất nếp y xiêm
Bảy năm vui khổ nghìn năm biệt
Sớm gió, chiều mưa lắm nỗi niềm

1928

mua áo

Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi,
Em đâu còn áo mặc đi chơi.
Bán thơ, nhân dịp anh ra chợ.
Đành gởi anh mua chiếc mới thôi !
— Hàng bông mai biếc màu em thích,
Mẫu với hàng, em đã dặn rồi.
Còn thước tấc, quên ! Em chửa bảo :
Kích tùng bao rộng, vạt bao dài ?
— Ô hay ! nghe hỏi mà yêu nhỉ !
Thước tấc anh còn lựa hỏi ai.
Rộng hẹp, tay anh bồng lấy đó,
Ngắn dài, người mới tựa bên vai !

CÔ GÁI XUÂN

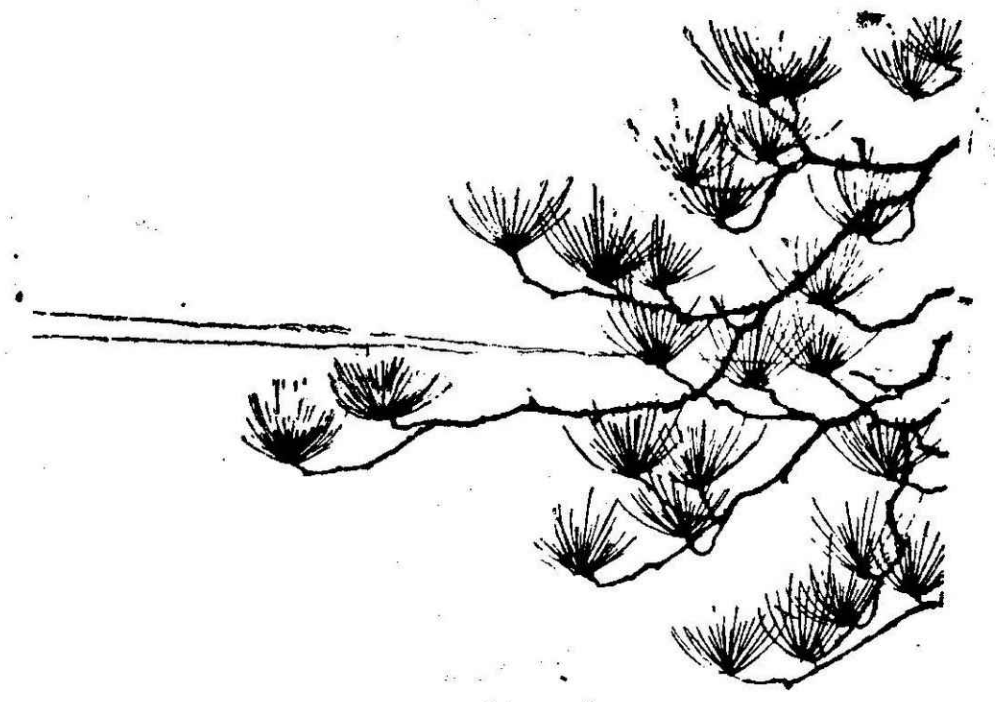

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

chia tay

Đò chiều sông lạ tiễn đưa nhau
Gió nấc từng cơn, sóng vật đầu
Hai ngả lênh đênh trời ngut khói
Người đi ta biết trở về đâu ?

Ta về lơ láo tình thiên hạ
Chiếc bóng người đi tủi dãi dầu
Mặt nước chân bèo nghe nức nở
Duyên tan bèo nước bốn hàng châu

Nắm tay cùng hẹn mai sau
Dòng Ngân bắc lại nhịp cầu mong manh
Chừ đây cát bụi tung hoành
Chông gai mười cõi chênh vênh thế cờ

Một đêm quán nước trăng mờ
Kẻ hương tựa phấn những ngờ chiêm bao
Gió xuân cười gượng bông đào
Lỏng tay vòng ngọc, hoen bào giọt châu

Cuối thôn gà giục sáng từ lâu..,
Hết một đêm gần.., thôi, xa nhau !
Vĩnh biệt đấy chăng ? Ràng tạm biệt,
Mà sao bến nắng nặng mây sầu ?

Nhưng thôi, thôi cũng đừng lưu luyến !
Đời loạn còn chi đẹp nữa đâu.
Dứt áo cho tình ta đẹp nhé !
Non cao ngàn thuở nhớ sông sâu

Tương Giang kẻ cuối người đầu
Vu San mưa rối mây nhầu tóc tơ
Sườn non vắng vẻ càng thơ
Nước sông quần quại mong chờ càng xinh

Rồi mai thiên hạ thái bình
Còn dâu xanh bến, Cao Đình còn xuân
Còn trăng hai mảnh xa gần
Còn soi bờ biển sông Tần vẹn gương

HOA ĐĂNG

phương xa

nhổ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng
Xô về Đông hay giạt tới phương Đoài
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng
Lòng cô đơn cay đắng họa dần vơi

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh
Bể vô tận xá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh

Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ
Một đời người u uất nỗi chơ vơ
Đời kiếu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ

Men đã ấm bọn ta chờ nắng tắt
Treo buồm cao cùng ca tiếng hò khoan
Gió đã nổi nhịp trăng chiều hiu hắt
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan

THƠ SAY

BÙI GIÁNG

từng trận

Tiếp dồn từng trận mây trôi
Xuống lời phương trượng thay lời cảo thơm
Thanh hiên cơn gió lục hồng
Sử xanh từng trận qua đồng đi luôn
Sương tỳ hải dội lên nguồn
Ngàn xưa ôi lệ máu dường mô dìn
Hà sơn cách bức một nghìn
Chiêm bao ngất tạnh nửa nghìn năm nay
Chào xuân ngỗ vắng một ngày
Bước lần theo ngọn lưu đày tiểu khê

TẦN VY

trong cơn mưa

Đám mây xám trở về che mặt biển.
Tắt rồi những ánh nắng vui tươi.
Buổi chiều này tôi quay nhìn lại.

Vùng ấu thơ đã thành cỏ mọc bình yên.
Khuôn mặt ngày xưa cũng xa mờ.
Tôi bây giờ chẳng còn tôi nữa.

Cơn mưa đầu mùa khơi dĩ vãng.
Tiếng vang từ miền rừng núi hoang vu.
thức dậy trong tôi.
Và thắp sáng những ngọn đèn mơ ước.

Trong cơn mưa tôi cúi đầu nhận diện.
Đời sống tôi.
Năm tháng trong nỗi buồn rầu.
Vẫn giả vờ câm nín

Mưa rơi âm thầm như tiếng khóc
Tôi đang đi vào trong lệ xuân

Nghệ Thuật và Bạn Đọc

Thơ

Đã nhận được những bài vở của các bạn :

Vương Huỳnh (nỗi lo sợ — bàn tay sáng) Nguyễn ngọc Bích (những dằn vặt buổi chiều — nỗi buồn thành phố lạ) Võ Quê (cánh cửa mùa xuân — nỗi buồn chim) Hoàng đình Huy Quan (thế gian bên kia) Dạ My Mặc Chân Phương (cúi đầu — đời hoang — những nhịp cầu) Phạm Trần Quang (nỗi buồn — bài thơ cho em) Hoàng Ngọc (nỗi lạc quan — hiện hữu) Trần Sĩ Đỗ Đăng (ước vọng — một kỷ niệm — vớ vẩn) Cao Nhược Lam (tiếng nói — mùa xuân — vào hạ) Tâm Bi Thanh (tiếng ca hải đảo) Doãn Nhân (yêu — tiếng hát vào thu — định nghĩa) Trần phương Ly (huyễn tượng — qua mặt phố) Lê chánh Tín (sau ngày giải ngũ) Thoại ly Nguyên (bóng tối — cuộc đời) Đoàn Thế Thụy Hoàng (nói với bạn bè — ý nghĩ buổi chiều) Than Ôi (chiến tranh — tuổi nhìn) Lâm Minh Yến Ca (tình cờ — dại khờ — bây giờ (Trần Uyên My (lò nhang luân lưu — giang châu — bạch hạc...) Phan huy Mộng (đi xe đò về Vĩnh long — ngày đi qua tôi) Kỳ Lê Văn (bài nói về VN — cứ nhớ) Anh Huỳnh (mai sớm) Triệu Phiên Ngung (tuổi nhỏ và bây giờ — luân lưu) Hoàng Yên Trang (cuộc khiêu vũ) Tâm tố Mai (lời du dài) Đinh Xuân Phương (ngày tháng máu — triều thiên lửa — hãnh diện) Thanh Hải Sơn Thanh (nỗi buồn bộ lạc — miền của đời — xin cho tôi) Phan Kim Huê (đen) Lê Văn Thủy Triều (con suối điêu tàn — rừng về lạc biển — đen — khuôn mặt — (niềm kiêu hãnh...) Hoài Thu Thảo Ca (lời rêu — thân phận) Thân Hồng Nguyên (vấn đề — nói với — phiên ca — Nguyễn đình Cường (sự hô hấp của tinh cầu đen) Trần Uyên Từ (căn nhà — đời sống — mùa hạ) Lam Hồng (cô gái Quảng) Tình Yêu Du Mục (những ngày đi biển — nguyện cầu mùa thu) Nguyễn thị Trầm Kha (những miền lãng quên,..)

Tòa soạn đang đọc. Trong 4 số tới mà bài quí bạn không đăng, xin gửi cho chúng tôi những sáng tác mới.

Văn

Đã nhận được : tiếng hát tượng đá (V. Huỳnh) Đằng Thân (những đổi chọn) Nguyễn (ý nghĩa vụn rời) Thương Thương (nói với người ra đi) Hoàng Yên Trang (mưa trong sương mù) Anh Huỳnh (nói với em) Huỳnh Duy Duyên (cuồng tưởng) Nguyễn Đăng Nhân (một đoạn về người) Tinh Sa (viết thu).

Trong 4 số tới mà bài quí bạn chưa đăng, xin gửi cho Nghệ Thuật những sáng tác mới.

Quản Lý

Ông NGUYỄN TRÁC HANH : (40 Sư Vạn Hạnh Pleiku) Tòa soạn đã đong tập 1 (từ 1 đến 15). Ông gửi cho 200 đồng bằng bưu phiếu hoặc tem, thêm cước phí, chúng tôi sẽ gửi bán đóng tập cho ông — bìa Sim li chữ vàng màu xanh hoặc nâu tùy ý ông chọn.

Nhắn Tin

Cô NGUYỄN THANH :(Gia định) Chú TN và chú VL đều đã nhận được thư cháu. Bận quá chưa trả lời được. Có thì giờ thì đến tòa soạn. Bài đang đọc.

■ xem tiếp trang 34

TRUYỆN DÀI

doãn quốc sỹ

PHẦN I

Đốt Biên giới

24

doãn quốc sỹ

THUẬN trở lại nằm ruỗi cẳng trên giường nệm, vừa nghe tiếng mưa rơi rào rào bên ngoài vừa vươn vai cho các bắp thịt rãn ra, thân hình dài đến hết cỡ, Thuận cảm thấy thấm thía là từng tế bào trong cơ thể Thuận kêu gọi từng tế bào bên cơ thể Huyền và qua tiếng mưa rơi. Thuận như có nhận được tiếng vang hưởng ứng thăm thẳm xa xôi tự cơ thể Huyền. Tiếng mưa rơi vẫn đều đều. Thuận nhắm mắt lại và có cảm tưởng như đó là trận mưa thời khai thiên lập địa có thể kéo dài hàng triệu năm mới dứt

XII

Bên ngoài mây đen hình như ùn tới, là người ta trực cảm thấy thế thôi, chứ bên ngoài thì vẫn tối đen, và càng tối đen vì bên trong đèn bật sáng choang. Căn phòng khách nhường như rộng thênh thang ra sau khi mấy người bà con trong họ tới ăn giỗ đã ra về hết, còn lại Thuận đương trả lời nốt câu hỏi của bà Huyền — mà Thuận muốn là câu hỏi cuối cùng — về đời phi công khu trục của chàng vào thời chiến cuộc gay go gấp bội khi xưa này.

Một tia chớp loé khoảng góc trên khung cửa sổ để ngỏ khiến Thuận trông thấy bóng Huyền sau lần màn cửa gian phòng trong. Chiều nay lúc Thuận tới thì vừa gặp Huyền dưới bếp lên. Huyền gần lửa nên đôi má đỏ hồng, đôi môi, son— Huyền rất ít khi dùng son như Thuận biết — nhìn nghiêng thành một vệt bóng hiền lành nhưng quyến rũ Lúc đó Huyền chỉ mặc có chiếc áo cánh dài tay bằng vải téroron mỏng làm nổi hằn màu đen của chiếc *bustier* bên trong bó sát lấy khoảng ngực và bụng. Và sau mấy câu chào hỏi thường lệ Huyền bỗng kín đáo sửa lại cổ áo, có lẽ vì tại thấy Thuận nhìn mình chằm chằm.

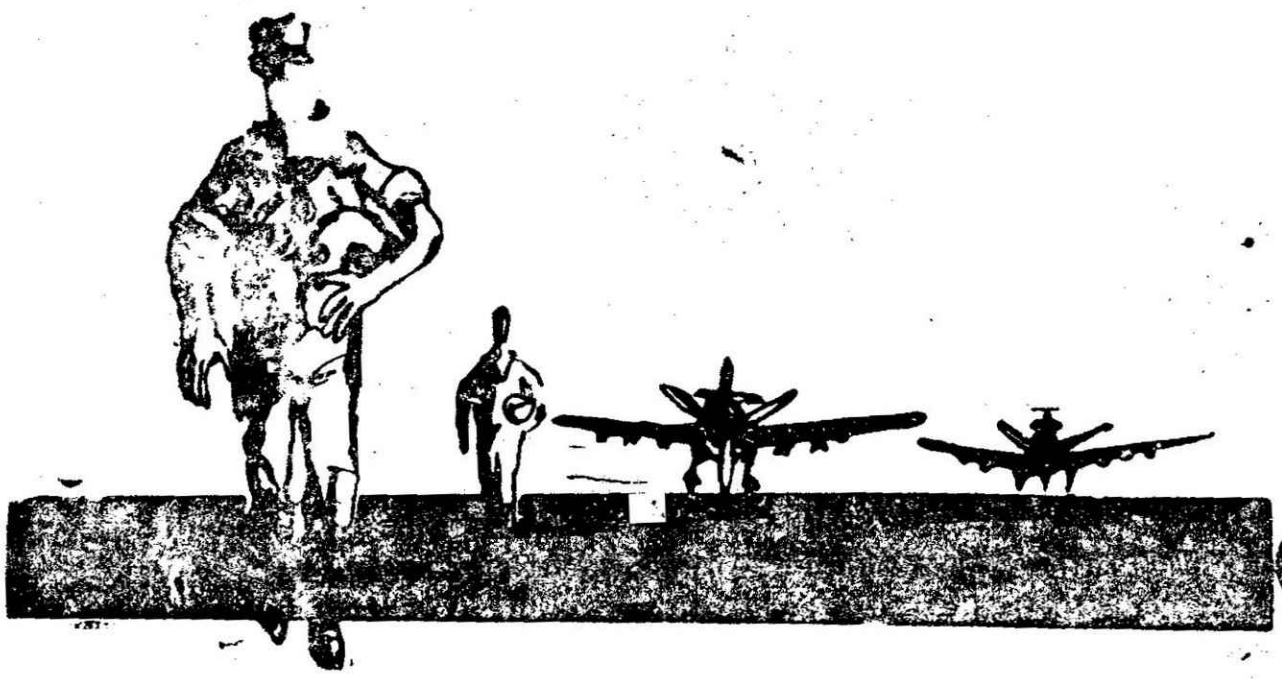

cúi đầu

doãn quốc sỹ

cúi đầu

Câu chuyện giữa Thuận với ba Huyền thật đã hết, bên ngoài những tia chớp càng rồn rập, sau đó vòm trời càng tối đen như mực trông rất dễ sợ. Tiếng sấm ầm ì từ xa vọng lại. Huyền đã tự bên trong ra nói với cha :

— Thưa ba me con lên gác rồi, con cũng về ngủ, mưa đến nơi rồi.

— Ừ thôi con về — ba Huyền nói.

Thuận cũng đứng dậy xin phép rút lui. Ông Huyện bắt tay Thuận. Đi được ba bước Thuận quay vội trở lại lấy chiếc áo mưa nha binh vẫn gấp gọn và để lọt vào khe một chiếc ghế đệm. Khi ra khỏi cửa, phía trước Huyền đã xuống sân ngoài có lại có ý chờ vì biết Thuận cùng đi một quãng đường. Ánh đèn lọc qua màn cửa thoạt ra tới quãng đó thì mờ hẳn, sau đó ba Huyền đong cửa lại thì Huyềnh oàn toàn chìm trong bóng tối Ánh sáng như vừa từ khước bảo trợ mà quẳng đôi trẻ vào khối bóng tối, tuy nhiên khi Thuận tiến tới con nhận thấy khuôn mặt Huyền mờ mờ trong thư ánh sáng thoi thóp lọt qua các khe cửa sổ tự trên gác. Huyền nói :

— Nghe anh Thuận nói chuyện với ba tôi thì nội tâm anh cũng nhiều thắc mắc quá nhỉ ?

Thuận hỏi lại và cảm thấy tâm hồn phơi phới như đương hòa quyện với tâm hồn Huyền :

— Thế trước đây thím Huyền cho là tôi... đơn giản lắm sao ?

Cả hai cùng cười và còn bịn rịn đứng trong khoảng còn ánh đèn mờ mờ đó như một thái độ tự thanh minh, Chỉ thêm một bước nữa là cả hai cùng chìm trong bóng tối của khoảng dốc thoai thoải đưa xuống đường nhựa. Trong bóng tối mờ mờ Thuận nhìn thẳng vào đôi mắt Huyền và chắc cả hai cùng cảm thấy đê mê. Lấy bóng tối làm điểm tựa Huyền vẫn giữ cho đôi mắt mình đối chiếu với đôi mắt Thuận và đáp :

— Tôi không cho là anh đơn giản, nhưng có điều không ngờ anh nhiều thắc mắc đến thế.

Một tia chớp sáng lóe, tiếng sấm vang rền ngay, rất gần. Thuận nói :

— Năm nay tôi ngót ba mươi tuổi rồi, thím Huyền. Năm có cuộc cách mạng tháng tám tôi còn đánh trống ếch và hát bài « *Ai yêu bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng* ». Thầy tôi dạo đó đã già, đã hiểu Hồ Chí Minh là ai, và đã hiểu nếu đất nước này rơi vào tay Hồ Chí Minh thì sẽ ra sao nhưng người cứ để mặc tôi gia nhập đoàn « nhi đồng cứu quốc ». Sự trầm tĩnh của người thật đáng cảm phục. Tôi lớn lên trong kháng chiến và theo sự dìu dắt kỳ diệu của thầy tôi, vẫn tham gia kháng chiến mà sau cùng vẫn hiểu thế nào là bộ mặt thật của Việt Minh, thế nào là bộ mặt thật của Hồ Chí Minh. Vừa tới lúc đó thầy tôi mất, tôi tin rằng người ra đi yên lòng. Cho đến giờ tôi vẫn chưa có vợ, nhưng chỉ ao ước thầm sau này có đủ thâm trầm giáo dục con cái như kiểu thầy tôi đã giao dục tôi. Di cư vào Nam với tiểu gia đình chị Ninh bằng đương thủy, tôi thật sự trưởng thanh từ cái ngày ấy, ngày chứng kiến cảnh hàng ngàn đồng bào lam lũ nhẫn nhục lên tầu di cư. Trước ngay gia nhập quân đội, tôi đã nhiều lần ban đêm ngắm những trái hỏa châu bắn vọt lên lơ lửng chiếu sáng cả vùng được vài phút, hao mòn dần đi, rồi tắt ngấm, cái chết của bao người trong quân đội nào có khác gì. Tôi bỏ học, gia nhập không quân với hình ảnh những trái hỏa châu. Có thể nói đó là lần trưởng thành thứ hai, chín mùi hơn. Khi cho mũi phi cơ chúc xuống để phóng hỏa tiễn hay khạc đạn chẳng lẽ chúng tôi không biết rằng mình đương làm gì chẳng lẽ chúng tôi không biết rằng có sự chết bên dưới mà mình không trông thấy, và có khi chính mình chết với phi cơ bốc cháy nhưng sự chết đó phải để cho một cái gì của đất nước sống chứ ?

Hai người bắt đầu đi vào bóng tối, rất thong thả. Cứ tưởng đi vào bóng tối thì cả hai chẳng còn nhìn rõ được nhau nữa, nào ngờ khi hai đôi mắt tìm nhau vẫn nhận ở nhau ánh rực dịu dàng, thăm thẳm và hun hút. Trong trường hợp này chỉ cần nhận thấy ánh mắt nhau là đủ Thuận nói :

— Nếu thím Huyền không phản đối, tôi xin phép được vào thăm thím Huyền để xem căn nhà có khác xưa lắm không.

— Vâng, qua đó mời anh lên chơi tôi sẽ pha cà phê mời anh uống, hình như lúc nãy ba tôi chỉ mời anh nước trà, quên cà phê.

Một tia chớp khác chói lóe kế tiếp. ngay là tiếng sấm lớn. Đã lác đác có hạt mưa, Huyền hỏi để thay đổi hướng câu chuyện :

— Cảm tưởng anh Thuận lái phi cơ khu trục lần đầu một mình ra sao ?

— Câu đó cũng là câu nhiều người đã hỏi chúng tôi, có một anh bạn đã trả lời . « Cảm tưởng đó y hệt cảm tưởng của anh chàng lần đầu tiên khi hay tin mình là bố ! » Tôi chưa có vợ mà thím Huyền chưa có con nên chúng mình khó mà thông cảm nổi Theo như kinh nghiệm của tôi thì đó là cảm giác say sưa của một người thấy mình làm chủ mình, thấy mình tự do hoàn toàn nhưng đồng thời cũng thấy rằng hai vai chợt nặng chĩu trách nhiệm. Hoặc giả ý anh bạn muốn nói thế chăng.

■ còn nữa

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

24

vạch một chân trời

A LẦU từ từ mở mắt. Bấy giờ trời đã xế chiều. Anh ta sờ nhẹ vào ngực, vào cườm tay với niềm hân hoan :

— Mình còn sống, không mang thương tích nào đáng kể. Chẳng hiểu chúa tàu Long Phi mở trói, hạ sợi giây cho mình xuống sàn tàu từ hồi nào ?

Bọn lâu la tới lui, lăng xăng. A Lầu gắng gượng ngồi dậy. Ba bốn thùng nước tạt dội vào đầu anh ta. Anh ta khoát nạt :

— Tụi bây làm gì vậy ?

Bọn lâu la đáp :

— Chúa tàu thấy anh chưa tỉnh táo nên dạy tụi tôi xối nước lạnh.

— Đồ tàn nhẫn !

Tên lâu la lớn tuổi nhứt bỗng trợn mắt :

— Anh chửi ai ?

A Lầu nói rõ hơn :

— Tao chửi tụi bây. Tao với tụi bây là bạn với nhau, tại sao tụi bây hành hạ quá đáng một người bạn đồng sanh đồng tử ?

— Chúa tàu dạy tụi tôi... Tụi tôi xối nước lạnh hoài hoài.

— Rủi tao mang bệnh cảm mạo thì sao ? Tao đã tỉnh rồi. Tụi bây chơi ác.

— Nếu đã tỉnh táo thì tại sao anh còn nằm dài đó ?

Mặc dầu mình mẩy rêm nhức, anh ta đứng dậy rất nhanh. Đôi mắt hoa lên khiến anh ta chới với chụp vào cây cột buồm. Bên cạnh cây cột buồm, có bóng người mặc áo đen đang quơ tay.

— Làm gì kỳ vậy ? Mấy người muốn gì ?

Giọng nói cô gái Việt Nam. A Lầu mới sực nhớ : trong chuyến bao vây hai căn chòi hồi sáng, bọn hải tặc bắt sống cô gái nầy. Cô ta còn trẻ, khỏe mạnh. Bọn hải tặc vỗ tay, cười đùa. A Lầu vội xin lỗi :

— Cô đừng giận. Tôi không muốn làm nhục cô đâu ? Dưới tàu này, chỉ có tôi với cô là người « An Nam ». Cô tên là gì ?

— Không biết.

Từ phía mũi tàu tên chúa tàu quát to :

— A Lầu !

A Lầu lê lết từng bước, tâm trí rối loạn. Chúa tàu đã tha tội cho anh ta hay là muốn dỗ ngọt để dùng thứ hình phạt khác, ác độc hơn. Bàn chân anh ta vấp vào một người đang nằm dài trên sàn tàu. Anh ta chúi đầu xuống, gắng gượng giữ thăng bằng. Người nào vậy ? Tại sao hai tay người ấy bị trói, mặt mày bầm tím ? A Lầu chỉ biết người ấy còn sống, hơi da thịt còn nóng chớ chưa lạnh ngắt như thây ma.

Chúa tàu Long Phi ngồi uống rượu có mỹ nữ hầu hạ bên cạnh :

— Lại đây A Lầu. Ta tha tội cho mi. Mi biết tại sao ta trói tay, treo mi lên chót cột buồm không ?

A Lầu chống tay thưa :

— Bởi vì tôi để cho tên Mách chạy thoát, Tôi ngu dại, sợ cọp nên mắc mưu nó !

— Chưa đúng !

— Bởi vì tôi không bắt được bọn đàn ông trong chòi !

— Không đúng ! Đáng lý ra ta giết mi từ hồi sáng để làm gương cho bọn thủy thủ. Nhưng ta muốn để mi sống ... Mi làm cho ta mất một kho tàng !

A Lầu vẫn chưa hiểu rõ ý định của chúa tàu. Anh ta suy luận : Chúa tàu là kẻ mê gái, kho tàng có nghĩa là gái đẹp.

— Thưa..Đại vương, chúng tôi đã bắt được cô gái !

— Cô gái đó..có thể là kho tàng Mi phải điều tra khéo léo. Vừa rồi, có người chồng của cô ta tới đây chịu tội thay cho vợ. Ta đánh thằng đó, nó dở sống dở chết trên sàn tàu Cô gái đó đẹp thiệt nhưng ta muốn tìm kho tàng... thứ thiệt. Với vàng bạc châu báu, ta sẽ mua hàng ngàn cô gái như vậy. Rõ ràng là khu rừng nầy có kho tàng của ông « Bao Công » để lại, lúc qua nước « An Nam » chần bần Ta chẳng cần đậu tại đây để mua lông chim kết quạt.

A Lầu mừng quýnh vì anh ta bắt đầu được trọng dụng như trước. Mấy thùng nước lạnh xối lên đầu khi nãy chính là sự nhục mạ đối với anh ta Bọn hải tặc trở mặt quá sớm. Trước đó không lâu, khi A Lầu còn đóng vai trò quan trọng bên cạnh chúa tàu, bọn chúng tìm cách nịnh bợ A Lầu. xem như người quan trọng bực nhì, sau chúa tàu.

Lần nầy, A Lầu sẽ trả thù bọn chúng.

— Sao ? Mi phải đoái công chuộc tội ! Nghe chưa ! Phải điều tra thật nhanh, kẻo tên Mách lên rừng đào xới kho tàng trước ta. Thằng chồng của cô gái có thể là kẻ quan trọng, hiểu biết về kho tàng. Hồi năm ngoái, ta vào sông nầy một lần. Có tên pháp sư hơi lớn tuổi tìm cách liên lạc với ta. Hắn muốn nhờ ta giúp hắn...cướp phá kho tàng trong rừng nầy. Dường như có vài toán người An Nam giả vờ như bọn tiều phu đã vào rừng từ mấy năm trước nhưng chưa ai gặp kho tàng cả !

A Lầu nói :

— Xin vâng lịnh... đại vương !

— Đừng gọi ta bằng đại vương ! Chừng nào mi điều tra xong. Ta muốn lên rừng, theo dấu tên Mách.

— Đại vương muốn chừng nào lên rừng ?

— Mi khờ dại quá. Xưa nay, sách lược của ta là làm việc nhanh chóng. Đây là nơi xứ lạ quê người. Mi quên rằng vua chúa ở xứ này có sẵn binh hùng tướng mạnh. Nếu để trễ nải, họ chận vàm sông thì làm cách nào chúng ta ra ngoài biển ? Chừng nào !

— Dạ, tôi cố gắng điều tra đến sáng mai..

— Nếu không xong, mi tính sao ?

— Tôi xin chịu tội.

— Được rồi.

A Lầu gãi đầu sồn sột :

— Xin đại vương cho tôi thức ăn và rượu. Tôi đói bụng, vợ chồng cô gái kia chắc đang.. chờ được ăn. Tôi dùng rượu thịt mà dụ dỗ họ.

— Cứ ăn uống với họ. Ta cho phép mi dùng mọi cách, bắt buộc họ cung khai nơi có kho tàng. Nhớ đừng giết hoặc làm cho họ mang tật. Đối với cô gái, mi nên dùng lời nhã nhặn Ta sống với quá nhiều đàn bà con gái rồi. Lắm khi, người con gái vô tình tiết lộ những điều mà bọn đàn ông không bao giờ cung khai.

Nói xong, chúa tàu Long Phi quát to, chỉ vào mặt bọn hải tặc như để giới thiệu A Lầu. A Lầu vô cùng

sung sướng khi được chúa tàu vỗ nhẹ vào vai.

Khi chúa tàu xuống dưới khoang hầm khuất dạng, A Lầu cười mai mỉa nói vu vơ với bọn hải tặc:

– Tụi bây đừng tưởng rằng tao sắp bị giết. Mai mốt tao đưa tụi bay lên rừng cho cọp ăn thịt. Tao có trọn quyền buộc tay rồi rút lên chót vót cột buồm bất cứ đứa nào ương ngạnh...

A Lầu đến gần Tư Bá, đỡ dậy :

— Tỉnh chưa ?

Tư Bá đã tỉnh táo từ lâu nhưng chú giả vờ đau ốm để thừa cơ hội mà quan sát tình hình. Chú lắc đầu :

– Ông là ai ? Ông nói tiếng An Nam rành quá vậy ? Tại sao ông bắt vợ tôi đem xuống tàu ?

Vừa nói Tư Bá vừa liếc qua con Nhung. Con Nhung đã hiểu : trong cuộc điều tra sắp tới, nó và Tư Bá phải đóng vai trò vợ chồng. No nhớ đến Hai Tam rồi mến phục Tư Bá hơn bao giờ hết. Tư Bá đã liều mạng xuống tàu trình diện để cứu mạng sống cho nó. Nó đã chứng kiến thái độ Tư Bá khi chú vừa đặt chân lên tàu. Tên chúa tàu đanh Tư Bá đến ngất xỉu để dằn mặt. Tư Bá lảo đảo, ngã gục xuống, không kêu van hoặc than khóc một tiếng.

A Lầu day lại con Nhung :

— Cô này ! Nếu cô tỏ ra hiền lành thì tôi tha tội cho cô. Tôi là người An Nam, tôi có đủ quyền hạn ! Vợ chồng cô cứ theo tôi !

Con Nhung nhìn về Tư Bá như để dọ hỏi ý kiến. Gương mặt Tư Ba vẫn lạnh lùng, đanh thép. Con Nhung hiểu là Tư Bá muốn khuyên nó nên tỏ thái độ cứng rắn.

A Lầu truyền lệnh cho vài tên hải tặc trải chiếu phía sau lái tàu, dọn rượu thịt sẵn sàng :

— Mời anh và chị ăn cơm !

Tư Bá lắc đầu :

– Tại sao mi bắt vợ ta ? Mi vô lễ quá. Mi tự xưng là người An Nam mà không biết giữ lễ phép với người An Nam ? Đừng gọi vợ chồng ta bằng anh và chị. Chán lắm.

– Tôi mời thật tình mà !

Tư Bá nói to :

– Mi vô lễ quá. Vợ ta còn bị trói gần cây cột buồm.

– Xin lỗi, tôi quên.

Sau khi mở trói cho con Nhung, A Lầu đi về phía lái tàu. Phía sau, con Nhung và Tư Bá bước chậm rãi. Thừa lúc vắng mặt A Lầu, Tư Bá nói

– Mình làm như vợ chồng...

Con Nhung hỏi :

— Còn chồng của em đâu rồi ?

Tư Bá đáp :

– Hai Tam lên rừng theo bọn Lục Cụ với tên Mách. Không sao đâu ! Xưa kia Hai Tam là bạn của tên Mách...

— Tên Mách nào ?

— Chuyện dài dòng lắm. Em cứ nói rằng trên rừng có kho tàng nhưngchẳng ai biết rõ nơi chôn dấu, trừ tên Mách. Như vậy đủ rồi. Nhớ xưng hô cho khéo léo, như vợ chồng. Đừng gọi tôi bằng chú mà hư chuyện lớn. Cái thằng nầy xem cũng hiền hậu nhưng quá khiếp nhược. Lát nữa em nhớ phục rượu cho nó say. Sống dưới tàu lâu ngày, nó thèm.. đàn bà.

Đôi má con Nhung ửng hồng, đẹp hơn bao giờ hết. Trong phút giây, Tư Bá nghĩ đến phận mình. Chú cũng ao ước tình yêu. Nếu Hai Tam là người xa lạ thì chú đã thừa cơ hội bắt sống con Nhang, nhảy xuống sông để tẩu thoát, xây tổ uyên ương nơi khác,

Nhưng thể diện của người «đại ca» không cho phép chú làm chuyện đó. Chú phải cư xử theo đường lối quân tử để cho vợ chồng con Nhung kính phục. Ngoài ra trên rừng U Minh biết đâu còn có kho tàng ? Lúc thám hiểm mấy cái trấp, chú hơi thất vọng... Giờ đây, đoàn tàu Ô vào sông Cái Lớn để tìm kho tàng. Tư Bá định bụng là sẽ mượn tay bọn tàu Ô để thám hiểm rừng sâu. Biết đâu tên chúa tàu đang nắm giữ tấm bản đồ kho tang nhưng hắn chưa dám đồ bộ vì thiếu sự chỉ dẫn của người địa phương

A Lầu uống rượu, cúi đầu chờ đợi. Thái độ lạnh nhạt của đôi vợ chồng «tù binh» khiến anh ta suy nghĩ miên man. Anh ta muốn trốn thoát khỏi nanh vuốt của bọn tàu Ô nhưng chưa gặp cơ hội. Hồi sáng, chúa tàu Long Phi đã đối xử quá tệ bạc với anh ta, xem kho tàng quan trọng hơn sanh mạng của người cộng sự.

A Lầu ngước mắt lên. Đôi vợ chồng « tù binh » đi kề nhau, xem êm ấm quá. Khi họ đến gần, A Lầu đứng dậy mời :

– Xin anh chị bớt giận.., Tôi chưa biết anh chị là ai, từ đâu đến, tên gì ? Tôi là người An Nam nhưng phiêu bạt từ lâu, theo bọn tau Ô Tên tôi la Lầu !

Tư Bá gật gù, ngồi xuống chiếu :

– Tôi la... Tư Bá, vợ tôi tên Nhung. Vợ chồng tôi sống ở ven rừng. Chẳng hiểu tại sao bọn tàu Ô đến bao vây vợ chồng tôi, vợ chồng tôi nào có tội tình gì !

A Lầu ngỏ lời xin lỗi và thú thật rằng anh ta chỉ là thừa hành phận sự :

— Nó treo tôi lên cột buồm, anh chị cũng thấy rõ ràng.

Tư Bá cười lạt :

– Đó là khổ nhục kế.

A Lầu lắc đầu :

– Chúa tàn Long Phi là đứa giết người không gớm tay. Năm ngoái, lúc tàu chạy linh đinh ngoài biển, ông ta quăng một thiếu nữ xinh đẹp để làm mồi cho cá mập, huống gì phận tôi..

— Đừng hăm dọa tôi chớ !

Vừa nói, Tư Bá vừa rót rượu uống thêm. Con Nhung ngồi lẳng lặng ăn chén cơm nguội.

Bóng tối đổ xuống lan tràn. Mấy con vạc bắt đầu xuất hiện. Bọn hải tặc nằm dài trên sàn tàu, ca hát ỏm tỏi.

A Lầu nói khẽ :

– Tôi muốn tìm cách cứu tánh mạng cho anh và chị, mong anh chị tin lời tôi.

Tư Bá cười dòn :

– Chúa tàu biểu chú mày làm chuyện gì ? Tại sao bỗng dưng chúa tàu đối xử quá tử tế với vợ chồng tao Mầy phải biết : tao là đứa lưu lạc giang hồ, đã từng bị bắt như vầy nhiều lần rồi.

Liệu bề dụ dỗ không xong, A Lầu nói thật :

– Chúa tàu muốn anh điểm chỉ nơi chôn dấu kho tàng

Tư Bá gật đầu :

– Dễ lắm. Nếu chúa tàu... giao tấm bản đồ ghi rõ kho tàng cho tôi. Tôi dẫn đường cho.

■ còn nữa

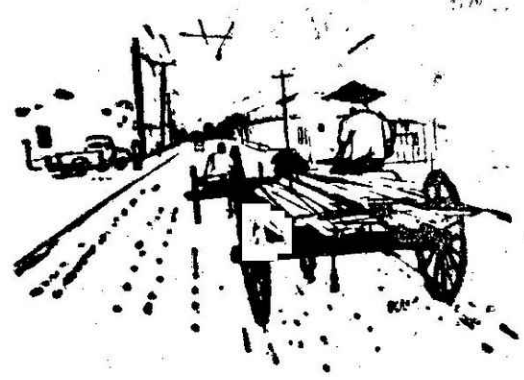

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LỆ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ.. Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác.** Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

anh meaulnes

24

NHỮNG biến cố đó giải thích tại sao vào lúc bốn giờ chiều, khi mọi khách dự lễ cưới đã ra về hết, hai chúng tôi còn lang thang ở ngoài.

Hôn lễ cử hành vào giữa trưa, hết sức lặng lẽ, trong ngôi nhà thờ nhỏ tại Les Sablonnières, ngôi nhà này không bị dỡ, ẩn sau bóng những lùm thông trên ngọn đồi gần đó. Sau bữa trưa ăn vội vàng, bà mẹ anh Meaulnes, ông Seurel và Millie, chú Florentin cùng mọi người đều lên xe ra về. Chỉ còn lại có Jasmin với tôi...

Chúng tôi đi lang thang ở ven rừng phía sau nhà, kế bên một khu đất hoang rất rộng hồi xưa tọa lạc tòa lâu đài đã bị dỡ đi. Tuy không nói ra và cũng chẳng hiểu tại sao, chúng tôi đều rất lo lắng. Chúng tôi cố gắng nhưng vô hiệu để khuây khỏa đầu óc và đánh lạc sự lo lắng bằng cách tìm xem, trong cuộc dạo chơi, những ổ thỏ rừng hay những vệt dài trên cát mà lũ thỏ mới đào.. một cái bẫy mới đặt... hay vết tích của một chú thợ săn... Nhưng luôn luôn chúng tôi quay lại nơi ven khu rừng thưa, nơi trông thấy ngôi nhà êm tịnh cửa đóng...

Bên dưới khung cửa sổ lớn mở ra rừng thông, có một cái bao lơn bằng gỗ bị cỏ dại mọc trùm kín và thỉnh thoảng gió lại thổi rạp những cây cỏ xuống. Trên những tấm kính cửa thấp thoáng phản ánh một ngọn lửa đốt trong lò. Đôi khi có một bóng người đi ngang. Quanh đó, trên những cánh đồng ở gần, trong vườn rau, nơi nông trại độc nhất còn sót lại trong số những nhà phụ thuộc cũ, toàn thể là im lặng và cô liêu : các tá điền đều ra ngoài làng ăn uống mừng ông bà chủ mới.

Thỉnh thoảng gió lại chở tới một thứ sương mù gần như là mưa làm chúng tôi thấy ướt trên mặt hoặc đưa tới tai chúng tôi tiếng đương cầm xa vắng. Ở đằng đó, trong một ngôi nhà đóng kín cửa có ai đang dạo đương cầm. Tôi đứng lại trong chốc lát để lặng nghe. Thoạt nghe đó là một giọng run rẩy văng vẳng từ xa của một người đang ngại ngùng không dám cất tiếng ca ngợi nỗi vui của mình... Đó cũng là tiếng cười của một cô gái nhỏ, nơi phòng riêng, đang thu nhặt bao nhiêu món đồ chơi cũ của mình đem bày trước mặt người bạn trai... Tôi cũng nghĩ tới sự sung sướng e dè của một thiếu phụ chạy đi thay bộ áo mới để đem ra khoe nhưng không biết áo có làm đẹp mắt ai không.. Điệu nhạc mà tôi không biết đó khác nào một khúc nguyện cầu, van nài hạnh phúc đừng quá cay nghiệt, đúng là một lời khẩn nguyện, một sự quỳ mọp trước hạnh phúc...

Tôi nghĩ : « Thế là họ đã đạt hạnh phúc. Nay Meaulnes đã ở bên nàng ».

Được biết như vậy, tin chắc như vậy, đủ khiến cho một chàng trai trẻ tốt bụng như tôi phải lấy làm mãn ý.

nguyên tác của
ALAIN - FOURNIER
mặc đỗ
dịch

Khi đó, đang mải suy nghĩ, mặt bị đẫm ướt bởi luồng gió nơi đồng bằng mà giống như bụi nước ở ngoài biển, tôi cảm thấy như có ai đụng vào vai tôi. Jasmin nói rất nhỏ :

– Nghe kìa !

Tôi ngó gã. Gã ra dấu bảo tôi đừng động, và chính gã cũng cúi đầu, chau mày đứng nghe...

CHƯƠNG THỨ TÁM

– Hú u !

Lần này thì tôi nghe thấy. Đó là một ám hiệu, một tiếng gọi hai giọng cao thấp mà hồi xưa tôi đã nghe... Chà, tôi nhớ ra rồi : đó là tiếng kêu của gã kịch sĩ cao lớn khi gã đứng ở cổng trường gọi người đồng bọn. Đó là tiếng gọi mà Frantz đã bắt chúng tôi phải thề là khi nghe thấy dù ở đâu; dù lúc nào, cũng phải tìm đến. Nhưng bữa nay hắn muốn gì ?

Tôi nói nhỏ :

– Tiếng kêu từ cánh rừng thông phía tay trái. Chắc hẳn do một bác thợ săn nào.

Jasmin lắc đầu :

– Nhất định không phải.

Rồi hạ thấp giọng, gã nói tiếp :

– Cả hai đứa đã tới đây hồi sáng. Lúc mười một giờ tôi bắt gặp Ganache đang rình mò chỗ cánh đồng gần nhà thờ. Trông thấy tôi nó vội bỏ chạy. Có lẽ bọn chúng từ xa tới đây bằng xe đạp, vì nó bị bùn bắn lên đến nửa lưng...

— Thế bọn chúng muốn kiếm cái gì chứ ?

— Sao biết được. Nhưng chắc chắn là bọn mình phải đuổi bọn chúng đi khỏi đây. Không thể để cho chúng bén mảng quanh vùng. Nếu không thì bao nhiêu chuyện điên rồ có thể sẽ tái diễn.

Tôi đồng ý nhưng không nói ra. Tôi đáp :

— Tốt hơn hết là đi kiếm bọn họ, hỏi xem họ muốn gì và can ngăn họ...

Từ từ, lặng lẽ, chúng tôi cúi lén đi ngang khu rừng thưa tới cánh rừng thông, nơi mà, từng chập đều đặn, phát ra tiếng kêu ngân dài tự nó không buồn cho lắm nhưng cả hai chúng tôi có cảm tưởng đó là một điềm rất xấu

Trong khu rừng thông này ngó xuyên qua được, những gốc cây trồng thẳng hàng nên khó lòng bắt gặp một người khác trước khi người đó trông thấy ta. Cho nên chúng tôi không tính làm vậy. Tôi đứng ở một góc rừng. Jasmin tới đứng ở góc đối diện để có thể cũng như tôi từ ngoài kiểm soát được hai cạnh của khoảng đất hình chữ nhật, không để cho một người nào trong bọn bô-hê-miêng ở trong thoát ra được mà không bị gọi lại. Sắp đặt như vậy xong, tôi bèn đóng vai một người mở đường không có ác ý và tôi cất tiếng gọi :

– Frantz ...

«... Frantz à, đừng sợ gì hết. Tôi đây, Seurel ; tôi muốn nói chuyện với anh...

Im lặng một lát ; khi tôi toan cất tiếng gọi nữa thì từ giữa rừng, nơi mà mắt tôi nhìn không thấu, có tiếng ra lệnh :

— Cứ đứng yên chỗ đó, y sẽ tới gặp.

Lần lần, ở giữa những cây thông lớn mà vì ở xa trông như liền khít với nhau, tôi nhận ra bong dáng chàng trẻ tuổi đang đi tới. Trông gã ăn bận lôi thôi, người đầy những bùn lem ; hai ống quần có ghim bó sát lại, trên mái tóc quá dài nằm bẹp một chiếc mũ kết đã tàng có thêu hình cái neo thuyền ; bây giờ tôi trông thấy rõ gương mặt gầy ốm của gã. Dường như gã mới khóc,

Cương quyết tiến lại phía tôi, hắn ngạo nghễ hỏi :

— Anh muốn gì ?

— Còn anh, Frantz, anh làm gì ở đây? Tại sao anh tới pha rối những người đang sung sướng ? Anh cần đoi hỏi gì ? Anh cứ nói.

Bị hỏi thẳng như vậy, gã hơi đỏ mặt, chỉ bập bẹ đáp :

— Tôi khổ quá, tôi khổ quá !

Rồi, gục đầu vào cánh tay, tựa mình bên một gốc cây, gã khóc loc thảm thiết. Chúng tôi bước đi vài bước giữa rừng thông hoan toàn tịch mịch. Không nghe thấy cả tiếng gió mà những ngọn cây thông lơn ngoài ven rừng đã chặn lại. Giữa những thân cây đều đặn, thốt lên rồi lại tắt những tiếng thổn thức nghẹn ngào của chàng trẻ tuổi. Đợi cho cơn xúc động dịu bớt, tôi đặt tay lên vai gã và nói :

— Frantz, anh về với tôi đi. Tôi sẽ đưa anh tới với họ. Họ sẽ tiếp đón anh như một đứa trẻ bị lạc mới tìm lại được và mọi sự sẽ được xóa bỏ hết.

Nhưng gã không chịu nghe. Với một giọng nói bị nước mắt làm lấp đi, khổ sở, ương ngạnh, cáu kỉnh, gã nói tiếp :

— Thế ra Meaulnes không lo lắng gì cho tôi nữa sao ? Tại sao hắn không đáp khi nghe tiếng tôi gọi ? Tại sao hắn không giữ lời hứa ?

Tôi đáp .

— Ô kìa, Frantz, cái thời những huyễn tượng và những trò trẻ con đã qua rồi Anh đừng đem những trò điên rồ tới làm xáo trộn hạnh phúc của những người mà anh yêu thương như chị anh và anh Meaulnes.

— Nhưng anh cũng biết rõ là chỉ riêng hắn ta mới cứu nổi tôi. Chỉ có hắn ta mới có thể tìm được tung tích người mà tôi đang tìm kiếm Đã ba năm nay Ganache với tôi sục sạo khắp nước Pháp mà vô hiệu. Bây giờ tôi chỉ còn hi vọng nơi người bạn của anh. Thế mà hắn không đáp lời tôi nữa ! Hắn đã kiếm được mối tình của hắn. Tại sao bây giờ hắn không nghĩ tới tôi ? Hắn phải lên đường, Yvonne thế nào cũng sẽ để cho hắn đi .. Chị ấy có bao giờ từ chối tôi điều gì đâu.

Gã đưa ra trước mặt tôi một gương mặt lem những bụi đường và những bùn trên đó nước mắt đã vạch những vệt dài bẩn, gương mặt của một thằng nhãi lớn tuổi, mệt lử, thiểu não. Đôi mắt gã có quầng đầy những vết tàn nhang ; cằm gã không cạo ; mái tóc quá dài xõa xuống cái cổ cáu đen. Hai tay trong túi, gã rét run. Không còn là chàng trai bảnh bao ăn bận rách rưới hồi mấy năm trước nữa. Trong tâm gã có lẽ gã con trẻ thơ như bao giờ : hách dịch, ngông nghênh nhưng cũng mau thất vọng. Nhưng cái vẻ con nít đó khiến cho ta thấy khó chịu ở con người sớm già trước tuổi này... Hồi nào ở gã có tràn đầy sự kiêu hãnh của tuổi trẻ cho nên bao nhiêu những ngông cuồng đều có thể chịu được. Bây giờ thì trước hết ta thấy thương hại gã không thành công ở đời ; sau ta lại muốn trách gã cứ cố giữ mãi cái vai trò một nhân vật lãng mạn. Sau cùng, dù không muốn tôi cũng bắt nghĩ rằng anh chàng Frantz với những mối tình cao đẹp nay cũng đã phải đi ăn trộm để mà sống, như gã đồng bọn Ganache... Bao nhiêu kiêu hãnh để rút cuộc đến như thế ư ?

Tôi nói, sau khi đã suy nghĩ ;

— Nếu tôi hứa với anh rằng ít ngày nữa Meaulnes sẽ đi tìm kiếm cho anh, cho riêng anh ?...

Hắn hỏi tôi, răng đánh lập cập :

— Hắn sẽ thành công, phải không? Anh có chắc như vậy không ?

— Tôi cho rằng được. Đối với anh việc gì cũng sẽ xong.

— Nhưng làm sao tôi biết được ? Ai sẽ cho tôi hay tin ?

— Đúng trong vòng một năm nữa, cũng giờ này, anh sẽ trở lại đây : anh sẽ gặp ở đây cô gái mà anh yêu.

Nói như vậy tôi không nghĩ rằng sẽ làm phiền đến cặp vợ chồng mới cưới mà chính tôi sẽ tới hỏi bà mợ Moinel rồi tự tôi lo vụ đi kiếm cô gái đó.

Chàng bô-hê-miệng ngó trong mắt tôi với một ý chí tin tưởng hết sức đáng phục. Mười lăm tuổi, thật vậy gã chỉ mới mười lăm vẫn cái tuổi của chúng tôi thời Sainte Agathe, bữa buổi chiều quét lớp rồi sau đó chúng tôi đã thốt ra lời thề ghê gớm mà trẻ con đó.

Tuất vọng lại xâm chiếm gã khi gã thấy phải nói :

— Vậy, bây giờ chúng tôi đi.

Gã ngó một lượt, chắc chắn trong lòng thất lại, những cánh rừng ở quanh đây mà gã sắp phải từ giã một lần nữa. Gã nói :

— Trong ba ngày nữa bọn tôi sẽ lang thang trên các nẻo đường ở Đức. Chúng tôi để xe lại một nơi xa. Từ ba mươi giờ nay bọn tôi đi không ngừng. Chúng tôi sẽ tính về kịp để lời Meaulnes đi trước đám cưới và cùng đi tìm vị hôn thê của tôi, cũng như hắn đi tìm kiếm ấp Les Sablonnières.

Rồi trước khi đi, vẫn cái thói trẻ con ghê gớm của gã, gã nói :

— Anh gọi thằng cha Delouche của anh lại đi, nếu tôi gặp mặt nó chắc có chuyện.

Lần lần, giữa những gốc thông tôi thấy bóng dáng xám xịt của gã biến đi Tôi gọi Jamin lại rồi cả hai chúng tôi cùng đứng gác. Nhưng liền khi đó, ở đằng kia nơi nhà anh, chúng tôi thấy Augustin đi ra đóng cửa sổ, chúng tôi rất lấy làm quan tâm tới cái vẻ kỳ lạ của anh.

■ còn nữa

Quý Bạn đang thắc mắc về :

— TRANG TRÍ
— TIỆN NGHI
— MÀU SẮC
— TRƯNG BÀY

cho căn phòng và cơ sở của Quý Bạn

Xin mời lại :

NHÀ TRANG TRÍ và ĐỒ GỖ

beaubois

283/b Hai bà Trưng — SAIGON

kẻ bị trục xuất

■ tiếp theo trang 15

Mặt đường dành cho xe cộ, lề đường dành cho bộ hành. Nghe vậy người ta có thể sẽ bảo là một câu trong cựu kinh ước Vậy thì tôi lên lề đường, và gần như xin lỗi, và trên lề, giữa một cuộc xô lấn không làm sao tả được, tôi giữ mình được chừng hai mươi bước, cho đến lúc tôi phải ngã xuống đất, để khỏi đè bẹp một đứa bé. Nó mang một bộ yên cương nhỏ, tôi nhớ như vậy, với những quả chuông bé tí, chắc hẳn nó tưởng mình là một con ngựa con hay một con ngựa Perche, tại sao lại không thể được. Lẽ ra tôi đã vui lòng đè bẹp nó rồi, tôi ghét thậm tệ trẻ con, vả lại như vậy cũng để giúp cho nó, nhưng tôi sợ trả thù. Mọi người đều là họ hàng bà con, chính điều đó đã cấm không cho ta hi vọng được. Trong các đường phố có nhiều người qua lại, ta phải đặt những lối đi dành riêng cho lũ trẻ con khốn nạn đó, cho những chiếc xe của chúng, những vòng lăn, những kẹo mút, những chiếc xe hai bánh, bàn đạp có bánh, ba, má, vú em, những quả bóng, cả cái hạnh phúc, khốn nạn bé nhỏ của chúng ấy mà. Vậy thì tôi ngã xuống, và đã kéo ngã theo một bà già mặc áo kết đầy ren và kim tuyến, chắc hẳn cân cũng vào khoảng hai trăm cân. Những tiếng la thất thanh của bà chẳng mấy chốc đã gây ra được một nhóm người tụ lại. Tôi hy vọng bà ta bị gãy xương đùi, những bà già thì vẫn thường hay dễ bị gãy xương đùi, nhưng mong không nặng lắm, không nặng lắm. Tôi lợi dụng sự hỗn độn để bỏ trốn, miệng thốt ra những lời nguyền rủa khó hiểu, làm như chính tôi là nạn nhân, và tôi là nạn nhân thật đấy, nhưng lại không thể chứng tỏ điều đó. Không bao giờ người ta xử tại trận tụi con nít, những em bé, dù chúng nó có làm gì chăng nữa chúng cũng được minh oan trước rồi. Tôi thì tôi muốn treo cổ chúng chết một cách vui thú, tôi không bảo là tôi sẽ bắt tay vào việc đâu, không, tôi không phải là một thằng hung hăng, nhưng tôi sẽ khuyến khích những người khác và tôi sẽ đãi bọ một chầu khi xong xuôi Nhưng vừa mới bắt đầu lại cuộc chạy vòn phía hậu và xiên xẹo thì tôi bị chận lại ngay bởi một viên cảnh sát thứ nhì, hoàn toàn giống viên cảnh sát thứ nhất, đến nỗi tôi đã tự hỏi phải chăng ông này cũng chính là ông kia. Ông ta lưu ý tôi rằng lề đường dành cho mọi người, làm như dĩ nhiên là tôi không thể được đồng hóa với loại này vậy. Thế, tôi nói mà không hề nghĩ một phút nào đến Héraclite, chắc ông muốn tôi xuống dưới suối mà đi? Ông muốn xuống đâu thì xuống, ông ta bảo, nhưng đừng có đi khắp cùng cả như vậy. Tôi nhắm môi trên của ông ta, môi có ít nhất là ba phân bề dày, và tôi thổi vào. Tôi làm như vậy một cách tự nhiên tôi nghĩ thế, cũng như một người bị những biến cố dồn ép dữ dội thốt ra một tiếng thở dài não nuột. Nhưng ông ta không nhúc nhích. Chắc hẳn ông đã quen với những vụ mổ khám tử thi, hay những vụ khai quật. Nếu ông bất cần đi lại như mọi người, ông ta bảo, thì tốt hơn ông nên ở nhà. Chính đó cũng là ý kiến của tôi. Và việc ông ta thêm cho tôi một ý kiến như vậy chẳng có gì làm phật lòng tôi. Vừa lúc đó có một đoàn xe tang đi qua, như thỉnh thoảng ta vẫn thấy. Những chiếc nón sửa soạn đảo lên đảo xuống đồng thời với những ngón tay nhấp nhánh. Riêng tôi nếu tôi phải làm dấu thánh giá thì tôi sẽ cố làm dấu một cách đúng đắn, phía trên mũi, rốn, vú bên trái, vú bên phải. Nhưng họ, với những cái lướt qua vội vàng và mơ hồ của họ, họ làm dấu bằng một loại thánh giá hình cầu chẳng giữ ý một tí nào cả, lầu gối để dưới cằm và hai bàn tay đưa lung tung. Những người hăm hở nhất đứng bất động và thốt ra những tiếng lầm bầm trong miệng. Còn viên cảnh sát ông ta đứng đông cứng lại, mắt nhắm nghiền, bàn tay để trên nón képi. Trong các cỗ xe ngựa của đoàn xe tang tôi thoáng thấy người ta đang nói chuyện náo nhiệt, chắc hẳn họ đang gợi lại những đoạn đời của ông hay bà gì đã chết đó. Dường như tôi có nghe nói rằng yên ngựa cỗ xe tang không được sửa soạn cùng giống nhau trong hai trường hợp, nhưng tôi chưa bao giờ biết được là khác nhau ở chỗ nào. Những con ngựa đánh rắm và vấy đầy phân như chúng ỉa chảy vậy. Tôi chẳng thấy ai quỳ gối cả.

Nhưng ở đây chuyến đi cuối cùng mau lắm, người ta có bước vội cũng vô ích, chiếc xe ngựa cuối cùng, chiếc dành cho gia nhân, bỏ ta lại, không còn nghỉ ngơi được nữa, người ta sống lại, ta lại phải coi chừng đấy. Đến nỗi tôi lại dừng lại một lần thứ ba, hoàn toàn theo ý tôi, và lên một chiếc xe ngựa. Những xe tôi vừa thấy đi qua, chở đầy những người đang bàn luận sôi nổi, chắc hẳn đã làm tôi khích động mạnh. Chiếc xe là một cái hộp lớn màu đen nhún nhảy trênnhững lò xo, những cửa sổ thì nhỏ, người ta ngồi co quắp trong một góc, nó có mùi hôi mốc. Tôi cảm thấy cái nón tôi sướt nhẹ trên mui xe. Một lúc sau tôi cúi mình về phía trước và đóng các cửa kính lại. Rồi tôi lại về chỗ cũ, quay lưng ra hướng xe đi. Tôi sắp thiu thiu ngủ thì một giọng nói làm tôi giật nẩy mình, giọng của tên đánh xe ngựa. Hắn đã mở cửa rồi, chắc hẳn đã thất vọng vì qua cửa kính không thể nói cho tôi nghe được. Tôi chỉ thấy được bộ râu mép của hắn. Đi đâu? hắn hỏi. Hắn đã xuống khỏi chỗ ngồi của hắn cốt ý để hỏi tôi như vậy. Thế mà tôi lại cứ tưởng là đã đi xa rồi chứ! Tôi suy nghĩ, cố tìm trong trí nhớ tên một con đường, hay một đền đài nào đó. Xe ngựa ông có bán được không? tôi hỏi. Tôi nói thêm Không kể con ngựa ấy Tôi sẽ làm gì với một con ngựa? Nhưng tôi sẽ làm gì với một chiếc xe ngựa chứ? Hay tôi cứ có thể nằm dài trong đó thôi? Ai sẽ mang đồ ăn đến cho tôi? Đến Sở Thú, tôi bảo. Ít khi trong những thành phố chính mà lại không có Sở Thú. Tôi nói thêm Ông đừng đi nhanh quá đấy. Hắn cười. Gợi ra ý nghĩ là hắn có thể đi nhanh đến Sở Thú chắc đã làm hắn thích thú. Trừ phi hắn thấy trước rằng sẽ không có xe Trừ phi đó chỉ là tôi là chính con người tôi mà sự hiện diện trong chiếc xe ngựa chắc đã biến hóa nó, đến độ khi trông thấy tôi, cái đầu nằm trong bóng tối của mui xe và hai đầu gối đỡ sát nơi cửa kính, tên đánh xe có lẽ đã tự hỏi phải chăng đó thật là chiếc xe ngựa của hắn, phải chăng đó thật là một chiếc xe ngựa. Hắn nhìn ngay con ngựa, yên tâm. Nhưng có bao giờ người ta biết được tại sao chính mình cười không? Cái cười của hắn dù sao cũng ngắn, là điều dường như đã làm tôi không bàn cãi được nữa Hắn đóng cửa lại và bước lên chỗ ngồi. Một lúc sau con ngựa chuyển động.

Vâng, hồi đó tôi còn một ít tiền. Số tiền nho nhỏ mà cha tôi đã để lại cho tôi, như một món quà, không điều kiện, hồi ông mất, bây giờ tôi tự hỏi không hiểu người ta có đánh cắp của tôi không. Sau đó tôi không còn tiền nữa. Đời sống tôi không vì vậy mà bớt kéo dài, và nó lại còn kéo dài theo như ý tôi, nghĩa là đến một điểm. Cái bất tiện lớn của tình trạng nói trên mà người ta có thể định nghĩa như sự tuyệt đối không thể mua gì được, là nó bắt ta vận động. Tỉ dụ, khi ta thật không có tiền, ít khi ta có thể bảo người khác thỉnh thoảng mang đồ ăn lại cho ta đến tận nơi ta ẩn náu Vậy thì ta bắt buộc phải đi ra ngoài và vận động, ít nhất là mỗi tuần một ngày. Trong trường hợp đó, ta chẳng có một chút gì khéo léo cả, vì bị

kẻ bị trục xuất

■ tiếp theo trang 15

bắt buộc. Bởi vậy nên tôi đã biết được hơi trễ một tí là người ta đang kiếm tôi, về một việc liên quan đến tôi. Tôi không biết là do đường nào nữa. Tôi không đọc báo và tôi cũng không nhớ đã có nói chuyện với bất cứ ai, trong những năm đó, có lẽ trừ ba hay bốn lần, về vấn đề thức ăn. Rốt cuộc chắc tôi đã phong thanh biết được chuyện đó, bằng cách này hay cách khác, nếu không tôi đã không đến có mặt ở văn phòng Luật Sư Nidder, có nhiều tên mà người ta không thể quên được kể cũng lạ, và ông ta cũng đã không bao giờ tiếp tôi. Ông ta coi kỹ lý lịch tôi. Cũng khá lâu. Tôi chỉ cho ông xem những chữ đầu tên tôi bằng kim loại bên trong chiếc nón tôi, chúng chẳng chứng tỏ được gì hết, song cũng làm mạnh được những gì có thể tin là đúng. Ông ký vào đi, ông bảo. Ông cầm chơi nơi tay một cái thước hình trụ, người ta có thể dùng đập chết một con bò. Ông đếm đi, ông bảo. Một người đàn bà còn trẻ, có lẽ là thứ đem bày bán, đã có tham dự cuộc nói chuyện này, chắc hẳn với tư cách là người chứng, Tôi nhét đống giấy vào túi. Ông lầm đấy, ông ta bảo. Tôi nghĩ lẽ ra ông ta nên bảo tôi đếm trước khi bảo tôi ký, như vậy chắc là đúng hơn. Gặp dịp, ông ta bảo, tôi có thể tìm gặp ông ở đâu ? Khi xuống dưới cầu thang tôi chợt nghĩ đến một điều. Một lúc sau tôi trở lên hỏi ông ta tiền này do đâu mà đến tay tôi, và nói thêm là tôi có quyền biết điều này. Ông ta nói một tên đàn bà mà tôi đã quên mất. Có lẽ bà ta đã từng đặt tôi ngồi lên đùi khi tôi hãy còn bọc tã và có lẽ tôi cũng đã từng mơn trớn bà ta. Tôi nói rõ, là còn bọc tã, vì sau đó thì những chuyện mơn trớn cũng đã chậm trễ quá rồi. Vậy thì nhờ có số tiền đó mà tôi còn lại được một ít. Rất ít. Đem chia cho những năm sắp tới của đời tôi thì số tiền chẳng có gì cả, trừ phi những dự đoán của tội vì bi quan mà đi quá xa. Tôi đập vào tấm ván ngăn bên cạnh chiếc nón tôi, ngay sau lưng tên đánh xe ngựa nếu như tôi đã tính đúng. Một đám bụi từ trong đệm nhồi bông bay ra. Tôi lấy trong túi một hòn đá và tôi cầm nó đập cho đến khi chiếc xe ngựa dừng lại. Tôi để ý thấy chiếc xe không đi chậm từ từ lại, như phần đông các xe cộ ta vẫn thấy, trước khi đứng bất động. Không, chúng tôi dừng lại ngay. Tôi chờ đợi. Chiếc xe ngựa rung rung Trên chỗ ngồi cao của mình, chắc hẳn tên đánh xe ngựa đang lắng tai nghe. Tôi trông thấy con ngựa như là thấy ngay bằng mắt tôi, Con vật không có cái dáng điệu phờ phạc của những lúc nghỉ chân ngắn ngủi nhất, nó vẫn chăm chú, hai tai dựng đứng. Tôi nhìn qua cửa sổ, chúng tôi lại chuyển động. Tôi lại đập vào tấm ván ngăn, cho đến khi chiếc xe ngựa dừng lại lần nữa. Tên đánh xe vừa bước xuống khỏi chỗ ngồi vừa nguyền rủa. Tôi hạ kính xuống để hắn khỏi nghỉ đến việc mở cửa ra. Nhanh hơn nữa, nhanh hơn nữa. Mặt hắn đỏ hơn, bảo rằng tím thì cũng thế. Vì cơn giận, hay vì gió tạt khi xe chạy. Tôi bảo hắn là tôi thuê hắn nguyên ngày. Hắn trả lời rằng hắn phải đưa một đám ma đi vào ba giờ. Ôi những người chết. Tôi bảo hắn là tôi không muốn đến Sở Thú nữa. Thôi ta đừng đến Sở Thú nữa, tôi bảo vậy. Hắn trả lời đi đâu đối với hắn cũng vậy thôi, miễn là đừng xa quá, vì sợ con vật của hắn không đi được. Và hắn nói với tôi về đặc tính của ngôn ngữ những người cổ lỗ xưa, Tôi hỏi hắn có biết tiệm ăn nào không. Tôi nói thêm Ông sẽ ăn với tôi. Tôi cũng thích ngồi ăn với một khách quen của những nơi đó. Có một cái bàn dài nằm giữa hai chiếc băng nhỏ cùng y chiều dài. Qua chiếc bàn hắn kể cho tôi nghe về cuộc đời hắn, về vợ hắn, về con vật, rồi lại về cuộc đời hắn, cuộc đời tàn bạo của hắn, nhất là bởi tinh tình của hắn. Hắn hỏi tôi có biết câu này nghĩa là gì không, lúc nào cũng ở ngoài đường. Tôi biết được là còn có những tên đánh xe ngựa cả khác ngày chỉ ẩn thân trong chiếc xe ngựa ngồi bến, đợi có khách đến lay dậy. Ngày xưa có thể làm như vậy, nhưng bây giờ phải có những phương pháp khác nếu ta muốn còn sống đến ngày cuối cuộc đời. Tôi phác họa cho hắn biết hoàn cảnh của tôi, những gì tôi đã mất và những gì tôi đang tìm kiếm. Cả hai chúng tôi đã rán hết sức để hiểu, để giải thích. Hắn hiểu được là tôi đã mất căn phòng và tôi cần có một căn phòng khác, nhưng phần còn lại thì hắn chẳng hiểu gì cả. Hắn đinh ninh trong trí, và không gì có thể làm hắn bỏ được ý nghĩ đó, là tôi đang kiếm một căn phòng có đủ đồ đạc. Hắn móc trong túi ra một tờ báo chiều hôm trước, hay có lẽ hôm kia nữa, và cho mình có bổn phận phải đọc khắp hết các mục rao vặt mà hắn lấy một cây bút chì nhỏ xíu gạch dưới năm hay sáu mục, cũng cây bút chì mà hắn vẫn run run gạch tên những người sẽ thắng cuộc, Chắc hẳn hắn gạch dưới những mục mà nếu ở địa vị tôi hắn cũng sẽ gạch, hay có lẽ những mục đưa chúng tôi trở lại cùng khu phố này, vì con vật của hắn không đi xa được. Chắc tôi chỉ làm hắn bối rối khi bảo với hắn rằng về đồ đạc trong phòng tôi, tôi chỉ chấp nhận có mỗi cái giường và trước khi tôi thuận đặt chân vào đó, những đồ khác phải được đem ra hết, cho đến cái bàn nhỏ đầu giường cũng vậy. Vào khoảng ba giờ chúng tôi đánh thức con ngựa dậy và lại lên đường. Tên đánh xe đề nghị tôi lên ngồi trên chỗ bên cạnh hắn, nhưng tôi đã nghĩ đến bên trong chiếc xe ngựa từ lâu rồi và tôi lại vào ngồi chỗ cũ. Chúng tôi đi viếng hết chỗ này đến chỗ khác một cách có phương pháp, tôi hi vọng thế, những địa chỉ mà hắn có gạch ở dưới, Một ngày đông ngắn ngủi đã sắp tàn. Thỉnh thoảng tôi thấy dường như chỉ có những ngày đó là những ngày mà tôi biết đến, và nhất là phút giây êm đẹp này. phút giây đến trước lúc tàn đêm. Những địa chỉ mà hắn đã gạch ở dưới hay nói đúng hơn hắn đã đánh dấu chữ thập, như những người bình dân vẫn thường làm, hắn tuần tự đem gạch chéo một đường mỗi khi thấy không vừa ý. Hắn sẽ đưa tờ báo cho tôi sau đó, và bảo tôi giữ nó cho tôi để chắc chắn khỏi tìm lần nữa đến những nơi mà tôi đã phí công tìm đến rồi. Dù những cửa kính đã đóng, dù có những tiếng kẽo kẹt của chiếc xe và tiếng ồn ào của xe cộ qua lại, tôi vẫn nghe hắn hát một mình trên cao nơi chỗ ngồi của hắn. Hắn đã thích đưa tôi đi hơn đi đưa một đám ma, đó là một sự kiện sẽ vĩnh viễn kéo dài. Hắn vẫn hát.

«Nàngở xa miền mà chàng thanh niên oai hùng của nàng đang an nghỉ ».

Lời ca tôi chỉ nhớ có bấy nhiêu đó thôi. Mỗi khi dừng xe hắn bước xuống khỏi chỗ ngồi hắn và giúp tôi bước xuống khỏi chỗ ngồi tôi. Tôi bấm chuông ở chỗ cửa hắn chỉ cho tôi và đôi khi tôi biến mất phía trong nhà. Sau một thời gian quá lâu, nên tôi còn nhớ là khi tôi cảm tưởng mình lại đang đứng giữa một ngôi nhà, tôi thấy nó buồn cười quá. Hắn đợi tôi trên lề đường và giúp tôi bước lên xe lại. Tôi bắt đầu thấy mệt lả vì tên đánh xe này rồi. Hắn lại trèo lên chỗ ngồi và chúng tôi lại đi. Có một lần nào đó một chuyện đã xảy ra như thế này. Hắn ngừng lại. Tôi giật mình tỉnh dậy và sửa soạn cách bước xuống. Nhưng hắn không đến mở cửa và đưa cánh tay cho tôi, nên tôi bắt buộc phải bước xuống một mình. Hắn thắp các cây đèn treo, Tôi thích những ngọn đèn dầu lửa, dù cùng với những ngọn nến đó là những thứ ánh sáng đầu tiên

xem tiếp trang 28

truyện dịch

hoàng ngọc biên

● *tiếp theo trang 27*

mà tôi đã được biết, nếu tôi không kể đến những ngôi sao. Tôi hỏi hắn tôi có thể thắp ngọn đèn thứ hai không, vì ngọn đèn thứ nhứt chính hắn đã thắp rồi. Hắn đưa cho tôi bao diêm của hắn, tôi mở tấm kính nhỏ mặt lồi đặt trên đường bản lề, tôi thắp đèn và tôi đóng lại liền, để cho bấc đèn cháy êm thấm và sáng lạng ấm áp trong căn nhà nhỏ tí của nó, nằm kín gió. Tôi có được niềm vui đó. Dưới ánh sáng những ngọn đèn treo, chúng tôi chẳng trông thấy gì cả, chỉ mơ hồ thấy hai mặt hai bên con ngựa, nhưng đứng từ xa người ta cũng thấy được, hai vệt vàng rời nhau lả lướt di động một cá h chậm chạp. Khi con vật trước xe quẹo, người ta thấy một con mắt, đỏ hay xanh tùy trường hợp, con mắt hình thoi mặt lồi trong sáng và sắc sảo như trong một cánh cửa sổ lớn có lắp kính màu,

Sau khi kiểm xét địa chỉ cuối cùng tên đánh xe đề nghị giới thiệu tôi trong một khách sạn quen của hắn, ở đó tôi sẽ được dễ chịu. Như vậy là vững rồi, tên đánh xe, khách sạn, y như có thật vậy.

Được hắn gửi gấm tôi sẽ không thiếu gì cả. Có đủ mọi tiện nghi, hắn vừa nói vừa nháy mắt. Tôi định vị trí cuộc nói chuyện này trên lề đường trước ngôi nhà mà tôi vừa bỏ đi ra Tôi còn nhớ, dưới ngọn đèn treo, cái sườn hũng sâu và hơi ẩm của con ngựa và bàn tay của tên đánh xe đeo găng len trên chỗ nắm cánh cửa xe. Tôi cao hơn mui chiếc xe ngựa hắn một cái đầu. Tôi đề nghị hắn vào uống một ly. Con ngựa suốt cả ngày nay chưa ăn uống gì cả Tôi lưu ý tên đánh xe điều đó và hắn trả lời ngựa hắn chỉ ăn nghỉ lại sức một khi trở về chuồng thôi, Nếu nó ăn một cái gì, dù là một trái táo hay một miếng đường, trong khi kéo xe, nó sẽ bị đau bụng và ỉa chảy làm nó không thể đi xa hơn và còn có thể giết nó nữa. Vậy nên hắn bắt buộc phải thắt hai hàm con vật bằng một sợi dây đai da, mỗi khi vì lý do này hay vì lý do nọ hắn ở xa không nhìn thấy con vật, để hắn khỏi bị hại bởi lòng tốt của những người qua lại. Sau vài ly tên đánh xe yêu cầu tôi cho hắn và vợ hắn cái hân hạnh được mời tôi đến nghỉ đêm tại nhà hắn. Nhà không xa. Khi suy nghĩ lại, bằng cách tính trở lui mà ai cũng đã biết, tôi cho rằng ngày hôm đó hắn chỉ đi quanh quẩn quanh nhà hắn. Gia đình hắn ở trên một căn nhà để xe ở phía cuối một cái sân. Chỗ rất tốt, đối với tôi như vậy là được rồi đấy. Sau khi đã giới thiệu tôi với vợ hắn, một người đàn bà mông lớn kinh khủng, hắn bỏ chúng tôi lại đó. Một mình với tôi, bà ta không có vẻ tự nhiên, tôi thấy rõ như vậy. Tôi hiểu bà ta, trong những trường hợp đó tôi không lúng túng. Không lý do gì để cảnh này chấm dứt hay kéo dài cả. Vậy thì cần phải chấm dứt. Tôi bảo là tôi đi xuống nhà để xe và ngủ. Tên đánh xe ngựa phản đối Tôi vẫn cố nài. Hắn lưu ý vợ hắn xem một cái nhọt của tôi trên chóp đầu, vì do phép lịch s r tôi đã bỏ nón ra Phải đem mổ đi, bà ta bảo. Tên đánh xe nêu tên một vị bác sĩ mà hắn ta rất kính phục và đã từng chữa cho hắn hết bịnh. Nếu ông ta muốn ngủ trong nhà để xe, bà ta nói, thì ông ta cứ việc ngủ trong nhà để xe. Tên đánh xe lấy cây đèn trên bàn và đi trước dẫn tôi đến cầu thang đi xuống nhà để xe, đúng hơn đó là cái thang, bỏ mặc vợ hắn đứng trong bóng tối. Hắn trải một tấm vải phủ ngựa trong một góc dưới đất, trên đống rạ, và để lại cho tôi một bao diêm, trong trường hợp tôi cần thấy rõ trong đêm tối. Tôi không còn nhớ con ngựa đã làm gì trong suốt thời gian đó. Nằm dài trong bóng tối, tôi nghe tiếng động hắn gây ra khi hắn uống nước, rất là đặc biệt, những con chuột đột ngột chạy vụt ra và phía trên đầu tôi những tiếng nói lạc giọng của tên đánh xe và vợ hắn đang còn phê bình tôi. Tôi cầm bao diêm ở tay, một bao diêm Thụy điển lớn. Nửa đêm tôi thức dậy và quẹt một que. Ngọn lửa ngắn ngủi của que diêm cho phép tôi định chỗ chiếc xe ngựa. Đột nhiên tôi thấy muốn đốt căn nhà để xe, rồi ý muốn lại biến đi liền. Tôi tìm đến chiếc xe ngựa trong bóng tối, tôi mở cửa, những con chuột ở trong chạy ra, tôi bước vào. Khi nằm xuống tôi để ý thấy liền là chiếc xe ngựa không còn thăng bằng nữa, chắc chắn nó phải như vậy khi mà cọng xe dựng xuống đất, Như vậy càng tốt, tôi có thể nằm ngả người, chân để cao hơn đầu bên chiếc băng kia. Nhiều lần trong đêm tôi cảm thấy con ngựa nhìn tôi qua cửa sổ xe, và hai mũi nó thở phì phì. Dây cương tháo hết chắc hẳn nó thấy sự hiện diện của tôi trong xe là lạ lùng lắm. Tôi lạnh, vì tôi quên không cần theo tấm vải phủ, nhưng không lạnh lắm để có thể đến đem lại đây. Từ cửa sổ chiếc xe ngựa, tôi trông thấy cửa sổ căn nhà để xe, mỗi lúc một rõ hơn. Tôi đi ra khỏi xe. Trong nhà xe trời ít tối hơn, tôi thoáng thấy cái máng chứa đồ ăn, máng cỏ, bộ yên cương được treo lên, còn gì nữa. những cái thùng và những cái bàn chải. Tôi đi đến cánh cửa lớn nhưng không thể mở ra được. Con ngựa đưa mắt nhìn theo tôi. Vậy chẳng lẽ những con ngựa, chúng không bao giờ ngủ sao ? Tôi thấy dường như lẽ ra tên đánh xe nên buộc nó lại, trước máng chứa đồ ăn chẳng hạn. Vậy nên tôi bắt buộc phải trèo cửa sổ ra. Không phải dễ đâu. Nhưng có gì mà lại dễ ? Tôi đưa đầu ra trước, bàn tay tôi đã để xòe trên mặt đất ngoài sân mà hai hông tôi hãy còn quằn quại, bị kẹt giữa khung cửa. Tôi còn nhớ những cụm cỏ mà tôi đã đưa hai tay bứt để ra thoát được. Đáng lẽ tôi nên bỏ áo choàng ra và vứt nó qua cửa sổ, nhưng phải nghĩ ra trước mới được. Vừa mới ra khỏi sân thì tôi chợt nghĩ đến một điều gì đó, Cơn mệt. Tôi nhét một tờ giấy bạc trong bao diêm, tôi trở vào trong sân và tôi để bao diêm lên thành cửa sổ mà tôi vừa mới leo qua. Con ngựa đứng ngay nơi cửa sổ. Nhưng bước được vài bước ngoài đường tôi quay trở vào trong sân và lấy lại tờ giấy bạc. Diêm thì tôi để lại, không phải của tôi. Con ngựa vẫn còn đứng ở cửa sổ. Tôi thấy rõ cả cái lưng con ngựa này. Bình minh hơi ló dạng. Tôi không biết tôi đang ở đâu nữa. Tôi theo phía mặt trời mọc đi tới, nhắm chừng qua loa thôi, để mau được sáng rõ. Tôi muốn thấy chân trời ngoài khơi, hay trong sa mạc hơn. Buổi sáng khi tôi ở ngoài trời, tôi ra đón mặt trời, và buổi chiều, khi tôi ở ngoài trời, tôi đi theo nó, và theo đến tận thế giới của người chết. Tôi không hiểu tại sao tôi đã kể câu chuyện này. Tôi cũng có thể kể một chuyện khác được lắm chứ. Có lẽ một lần khác tôi sẽ có thể kể một câu chuyện khác. Hỡi các người sống trên trần gian, các người sẽ thấy là chuyện nào cũng giống nhau cả.

SAMUEL BECKETT
Hoàng Ngọc Biên dịch
« L'expulsé »
(Nouvelle et Textes pour rien)

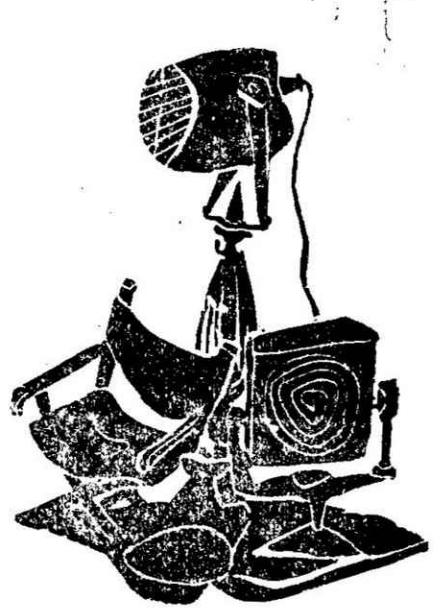

nguyên sa nhìn rõ mặt thơ

● tiếp theo trang 9

một hệ thống ký hiệu tách rời. Các liên hệ giữa thơ và hệ thống ký hiệu tổng quat là ngôn ngữ, có chứ. Ta phải nnấn mạnh vào cái điểm này vì đó la cai chỗ mà Valéry và Sartre đã mơ hồ, đã làm ta không đồng ý mà ta sẽ noi lên. Để nói về chính mình, khi làm thơ tôi vẫn phải dùng đến những từ ngữ như tôi, anh, ta, chàng, trẫm hay bệ hạ. Hơn nữa, sự xử dụng do còn nói lèt, ngoai ý nghĩa chinh mình la vật bị chỉ la những từ ngữ kia la ký hiệu, ngươi lam thơ còn biet rõ và chấp nhận những cái nội dung khiem tốn của tôi, tha thiết của anh, ngang chương của ta, lãng mạn của chàng, cổ kính của trẫm.

Không một nhà thơ nao có thể vứt bỏ được hết toan diện cái hệ thống ký hiệu là ngôn ngữ của quốc gia nó và cũng chẳng the nao đao lộn toàn diện. Không dùng một tiếng nào của ngôn ngữ thông dụng cá nha thơ sẽ trở thành một ngươi câm, hay phat ra, viết lên một số âm thanh u, ơ và dưới mắt đồng loại, thien tài chưa từng co này sẽ trơ thanh một người ngoại quốc, hay ngươi bị nư nống khả năng phát âm. Đao lộn toàn diện cũng khong được. Nna thơ khong thể dùng từ ngữ hýtrô, sữa hay tuần bao để chỉ định ban thân. Sữa chỉ co một tình yeu thư nhứt hay đưa người hýt-rô không đưa qua sông trở thành những câu khôi hai nhạt nhẽo. Ấy. là chưa kể ngoài từ ngữ sữa và hýt-rô được mặc những ý nghĩa mơi, giá trị ký hiệu mới, còn những chữ còn lại của câu vấn là những ký hiệu ước định thông dụng của ngôn ngữ tổng quát. Tình yêu thứ nnat vẫn không phải là ký hiệu đặc biệt để chỉ định mì sào hay thuốc lá, va song vẫn là ký hiệu ước định để chỉ định 1 dòng nươc co 1 kich thước, một điểm đi và điểm tơi, có tính chất trôi chảy nào đó nhờ đấy nó khác với ao, núi hay thác hoặc biển.

Nhưng xây dựng trên những ước định chung của ngôn ngữ tổng quát đo, thơ vẫn có những ước định riêng. Nó co một khả năng tự trị. Nó có một qui chế tiểu bang. Các anh đều biết tiểu bang nằm trong quốc gia và bị chi phối bởi luật lệ của quốc gia. Nhưng nó lại có một luật lệ riêng. Cũng thế, thơ được xây dựng với chất liệu là ngôn ngữ. Chúng tôi không dùng màu v.. cọ, không dùng đàn và sáo. Cái anh họa sĩ kia thì chất liệu của nó là mau đấy. Anh nhạc sĩ này nó đùa với âm thanh. Chúng tôi là ngôn ngữ chứ không phải âm thanh thuần túy như tiếng sáo, tiếng đàn. Cho nen chúng tôi phải chấp nhận, dù nhiều dù ít, cái ngôn ngữ đó mà sự phân tách đã cho thấy là một hệ thống ký hiệu. Nhưng trong việc xử dụng ngôn ngữ chúng tôi chỉ tuân theo giao ước có một phần, chúng tôi đặt ra một số luật lệ riêng, quy ước riêng. Thơ là một hệ thống ký hiệu, mặc dù xây trên hệ thống ký hiệu ước định của ngôn ngữ, còn co những ước định riêng biệt.

Đây nhé, thật xa như Nguyễn Du, gần hơn như Tản Đà và tiền chiến như Huy Cận, lấy của mỗi người một câu nhìn coi: Hoa cười, ngọc thốt đoan trang. Cai anh phê bình văn nghệ hạng bét, sa đích chinh cống sẽ nghiêm khắc lên tiếng : Nguyễn Du là một nhà thơ tồi. Hoa lam sao mà lại cười được, ngọc thì thố. thế nào được. Đó là những tương giao giả tạo, gượng ép. Hoa để nở, ngọc để đeo ở cổ chớ. Ngây ngô quá! Cái anh phê bình giỏi hơn sẽ nói : Nhầm rồi, Tam ơi! Nguyễn Du muốn nói rằng người con gái họ Vương miệng cười giống như hoa, lời hay giọng nói thốt ra giống như ngọc và giọng nói ấy thật đoan trang. Anh này nói thế cũng được. Nhưng cái lối V.ệt văn bình giảng này làm cho thơ chết mất ngáp. Diễn ra cai nghĩa của thơ bằng van xuôi thì thơ chẳng còn là cái quái gì cả· Thơ tình chỉ là một mớ khóc lóc, chỉ là những em đi anh buồ. lắm, anh chẳng thiết sống nữa. Thơ chiến tranh chỉ còn la nước tôi khổ lắm, đánh nhau lâu quá, chết chóc nhiều quá. Thơ có tí triết học chỉ còn là cô đơn quá, tôi cô đơn đây. Cuộc đời này chẳng ra cái ý nghĩa gì cả. Không thể tóm tắt ý nghĩa của thơ như thế được. Nếu chỉ tìm nghĩa như thế thì thơ thua xa tiểu thuyết, tiểu thuyết thua xa triết lý. Cái chứa đựng của thơ, rút lại, mỏng tẻc tẻo thì còn làm thơ làm quái gì nữa. Triết lý đi có hơn không. Ta sẽ trở lại cái vấn đề, trong thơ, không thể giản lược lời vào nghĩa, bây giờ hãy tạm nhìn vào câu thơ của Nguyễn Du, ta thấy rằng cái nhà phê bình Việt văn bình giải kia đã quá chân thật. Trong hoa cười, ngọc thốt đoan trang có cái nghĩa ấy chứ. Nguyễn Du có muốn nói rằng người con gái họ Vương miệng cười giống như hoa, lời thốt ra thì đoan trang và giống như ngọc. Nhưng Nguyễn Du không phải chỉ nói như thế. Không phải ông chỉ muốn nói như thế và vì cái khuôn khổ chật hẹp của lục bát nên phải viết co rút lại thành hoa cười ngọc thốt đoan trang. Nếu chỉ muốn nói như thế thì để trình bày ý tưởng cho rõ rệt, nhà thơ tài ba đó sẽ tìm thấy dễ dàng chiếc xe ngôn ngữ để chuyên chở, sẽ kiếm được chiếc áo vần điệu để mặc vào cho lời ăn với ý. Tại sao ông không làm? Bởi vì hoa cười thơ hơn miệng cười như hoa, ngọc thốt đoan trang mới thơ còn lời nói đoan trang như ngọc chỉ là văn xuôi. Bởi vì hoa cười là một ký hiệu ước định riêng biệt còn miệng cười như hoa là ký hiệu ước định của ngôn ngữ tổng quát. Đúng thế, chúng ta trong đời sống hàng ngày đều có thể nói : cái cô này miệng cười giống như hoa. Người đàn bà được ca ngợi, đã thỏa hiệp với ta về những ước định của ngôn ngữ thông dụng, sẽ hiểu rằng lời khen đó nói về một phần cơ thể của nàng và vẻ đẹp của phần ấy giống như một phần tươi tốt nhất của thảo mộc là hoa. Miệng, trong sự ước định ký hiệu của ta và nang cũng như của mọi người, luôn luôn chỉ định một phần cơ thể và vật bị chỉ của hoa luôn luôn là cái phần tươi tốt của thảo mộc trước khi kết trái đó Chớ nếu chỉ mặt người đàn bà ta cũng dõng dạc nói lên «hoa cười», người được khen ngợi sẽ tưởng rằng mình bị chế riễu hoặc không hiểu gì cả. Cũng vậy, không bao giờ ta nói trong đời sống hằng ngày : « Cái em này ngọc thốt đoan trang ghê».

Cho nên câu thơ ấy vẫn có cái phần liên hệ với hệ thống ký hiệu ước định của ngôn ngữ tổng quát nhưng lại là một số ký hiệu ước định mới tao ra bởi thi sĩ. Hoa cười còn liên hệ với ngôn ngữ thông dụng vì nó cũng có nghĩa miệng cười giống như hoa nhưng đã khác với ngôn ngữ thông dụng vì ngôn ngữ của thơ ở đây không hoàn toàn nói về sự « giống như ». Hoa ít nhiều đã đóng vai trò ký hiệu mới để chỉ định cái mà ta gọi là miệng. Ngọc đã đóng vai trò của ký hiệu để nói về cái mà ta gọi là lời. Thơ đúng là cái hệ thống ký hiệu ước định riêng biệt mà vẫn có liên lạc với hệ thống ký hiệu của ngôn ngữ thông dụng. Dấu tích mối liên lạc ấy chính là lời cắt nghĩa, sự dịch lại được câu thơ hoa cười ngọc thốt đoan trang thành miệng cười giống như hoa, lời đoan trang thốt ra giống như ngọc. Nhưng câu thơ không phải là sự diễn xuôi đó, không phải chỉ là sự dịch nghĩa đó, không phải là sợ [illegible] đó, không phải chỉ là sợi giây liên lạc đó. Bởi vì sợi giây chỉ là 1 conđường vụng về đưa tới thế giới hệ thống Ký hiệu riêng biệt là nó.

■ còn nữa

Samuel Beckett

• tiếp theo trang 11

Nhưng nếu cái hư không nhỏ xíu đó cũng còn mang một ý nghĩa nào đó thì sao ?

Georges Bataille cho rằng như vậy chỉ còn có cách hiểu là chính cái vô nghĩa, le non-sens, theo một tính cách riêng của nó, lại có nghĩa, vô nghĩa là một mô phỏng của cái có nghĩa — và chính cái vô nghĩa đó đã làm tối tăm vũ trụ đầy đủ ý nghĩa mà ta đương sống.

Trở lại với cuốn Molloy, nếu hiểu theo cốt truyện, sự trái ngược rồi cuối cùng đưa đến sự tan biến vào nhau của hai nhân vật cho ta nghĩ rằng nhân vật này (Moran) chỉ là ý thức của nhân vật kia (Molloy). Và thiên hùng ca hư vô l'odyssée nihiliste của Beckett trở thành truyện một gã đi tìm chính hắn. Moran từ chối là một người, cuối cùng tự trộn lẫn vào những nỗi ám ảnh của hắn, (nỗi ám ảnh thể hiện bằng một người : Molloy) và hiểu rằng người ta không thể không là một người.

Nhưng với những tác phẩm sau, Malone meurt hoặc L'innommable, không còn có hai nhân vật hiện diện nữa mà chỉ còn một nhân vật. Gã kể chuyện tự phó mặc câu chuyện cho ngôn từ, và câu chuyện hắn kể để chẳng kể gì hết chỉ làm rõ sự tưởng tượng thuần túy của hắn chẳng có héros mà cũng chẳng có những intrigues nào nữa trong truyện, chỉ còn là những hình ảnh ma quái xuất hiện rồi tan rã theo dòng chữ. Luật lệ đích thực của một cuộc hùng biện ở Beckett, không là sự trái ngược, tương phản mà chính là sự biến dạng (la métamorphose).

Trên bình diện chữ viết, văn tự, người ta có thể thấy trong cuốn Molloy, và nhất là trong những cuốn tiếp theo, một phê bình có tính cách hệ thống về tiểu thuyết. Beckett không phải lý thuyết gia nhưng chắc hẳn đã đọc Joyce và Proust khá đủ để hiểu rằng cách thức tốt nhất để khảo sát sự giả tưởng (la fiction) chính là tạo ra một giả tưởng. Molloy là một giả tưởng, chủ thể là một giả tưởng (Le Sujet est une fiction, Nietzsche). Một gã tự thuật. Điều đó chẳng có gì là kỳ lạ cả : chúng ta hàng ngày vẫn kể chuyện. Nhưng chúng ta không luôn luôn nghĩ đến cái điều ẩn nấp sau những câu chuyện được đem kể, không hàng ngày nghĩ đến những điều mà những câu chuyện đó giả định, chẳng hạn như có những biến chuyển, những cuộc mạo hiểm, những nhân vật... và người ta có thể nói hết được những chuyện đó, nói hết được chân lý, và đời sống được giả định như thế đó, như đã xuất hiện trong những cuốn tiểu thuyết. Nhưng đời sống không phải như vậy, nói rõ hơn, không có một đời sống mà tiểu thuyết có nhiệm vụ phải bắt chước. Đời sống chính là ngôn từ. Như chàng Roquentres trong La Nausée đã nhận xét : «Muốn cho một câu chuyện tầm thường trở nên một phiêu lưu mạo hiểm, điều kiện cần và đủ là kể chuyện đó. (Pour que l'évenement le plus banal devienne une aventure, il fa ut et il suflit qu'on se mette à le raconter). Đó chính là điều lừa bịp : Con người là một gã kể chuyện, hắn sống giữa những câu chuyện của hắn và của những người khác. Hắn ngó tất cả những ì xảy đến với hắn qua những câu chuyện và hắn tìm cách sống đời hắn như là hắn đã kể ». Molloy làm ngược lại : Nó muốn kể một cách trung thực đời sống của nó, nhưng nó chợt nhận ra đời sống không thể kể ra được, bởi vì, vừa mới kể ra, đời sống đã đổi khác. Nói tức là bịa đặt, « Dire c'est inventer » Cố gắng của Molloy, chính là làm sao để đừng phải nói, đừng phải bịa đặt, để được ở phía bên kia của câu chuyện, để khỏi phải kể chuyện. Bởi vì người ta không bao giờ có thể nói hết — «tout dire», luôn luôn người ta quên một điều nào đó. Héraclite đã nói : «Je vais parler de tout» thay vì «Je vais tout dire». Nhưng nếu không nói hết được, cuối cùng cũng vẫn là chẳng nói được gì. Beckett muốn chứng tỏ điều đó, người ta không thể nói chuyện được — ngôn từ luôn phản bội - le langage habit toujours. «Alors, j'entrai dans la maison et j'écrivis. Il est minuit. La pluie fouette les vitres. Il n'était pas minuit. Il ne pleuvait pas. Tôi trở về nhà và viết. Nửa đêm. Mưa đập vào ô kính không phải nửa đêm. Không phải mưa. (Molloy)

«... C'est dans la tranquillité de la décomposition que je me rappelle cette longue émotion confuse que fut ma vie»,, « j'entends murmurer que tout fléchit et ploie, comme sous des faix, mais ici il n'ya pas de faix, et la sol aussi, et le jour aussi, vers une fin qui ne semble devoir jamais être »... «Tout est là, en finir, en finir». (Molloy). Không một trang sách nào của Beckett thiếu cái âm vang của nỗi ám ảnh đó. Nhưng thế nào là hết ? Trong ngữ từ kiểu Beckett, động từ hết, «finir» mang ý nghĩa một động từ hoạt động, một tha động từ : « Người ta muốn chấm dứt, và người ta không thể », on voudrait finir et on ne peut pas. Bởi vì sự tận cùng, nói cho đúng ra, không có. La fin n'existe pas — La fin est le chemin qui conduit à la fin. Sự tận cùng không có, sự tận cùng là con đường đưa đến sự tận cùng. Theo nghĩa đó người ta có thể nói tất cả đều chấm dứt ngay từ lúc khởi đầu. C'est en finissant que le monde commence, trong khi tàn tạ, đời sống bắt đầu.

La fin commence avec la vie même, elle est cachée en elle comme ce qui viendra, cequ'on attend. Sự tận cùng bắt đầu cùng với đời sống, ẩn náu trong đó như một điều sẽ xảy ra, một điều mọi người chờ đợi. Theo nghĩa đó là sự tận cùng cũng là sự không tận cùng. Sự hết cũng chính là sự không hết. (không phải vấn đề nghịch lý ở đây,) la fin est aussi bien et sans paradoxe, la non fin. L'homme est l'être qui tout en étrant condamné à finir, ne peut pas «en finir». Bởi vậy chúng ta không đả động đến sự chết khi bàn về Beckett. Chết khác; hết khác. Người ta không thể trình bày được sự chết, sự chết, cái chết thuộc vào phạm trù «như là», «như thể là», «comme si».

Tiểu thuyết của Beckett không có nhân vật, không có câu chuyện, không có cả sự chết. Thứ tiểu thuyết nhân vật thuộc vào dĩ vãng, nó xác định một thời đại hoàng kim của cá nhân chủ nghĩa. Cũng vậy chỉ có thể khả hữu một ý nghĩa của một sự dấn thân trong tiểu thuyết khi sự dấn thân đó, đối với một nhà văn, chính là ý thức hoàn toàn về những vấn đề hiện tại của ngôn từ, tin tưởng vào sự quan trọng của nó, và ao ước giải quyết

thoả đáng được những vấn đề đó trong phạm vi nội bộ, theo nghĩa « ngôn từ với tính cách là ngôn từ» le langage entant que le langage. Về sự chết, người ta có thể tưởng rằng nếu con người phải chết thì đời sống chẳng đantg sống. La vie ne vaut pas la peine d'être vécue si l'homme doit mourir. Nhưng thực ra vấn đề là ngược lại : chính sự chết mang ý nghĩa cho những hành động của chúng ta. Bất tử là một sự kiện phi nhân bản. Bất tử còn có nghĩa là vô trách nhiệm. Ý nghĩa đời sống ở nơi sự hiểm nguy, ngặt nghèo, đến từ ý thức của con người khi đứng trước một vấn đề khó khăn, khó giải quyết và bắt buộc phải chọn lựa, hoặc cái này, hoặc cái kia, bởi vì người ta biết rằng không thể chọn cả hai cùng một lúc và không thể chơi lại một ván bài đã qua, không thể sống lại một đoạn đời đã sống, trong khi đó chính đời sống, trong vận hành sơ đẳng của nó, đã được sống theo tính cách như một vĩnh viễn, bất tận, «dòng đời chảy hoài...» (bởi vì vậy mà tính chất lãng mạn của đời sống nẩy sinh : «...chỉ nói yêu được một lần...» ...«sẽ nhớ hoài...»...) Molloy đã vẽ cho thấy rõ sự bất tử giả, khập khễnh và ương ngạnh đó.

Nhiều người cho rằng tiểu thuyết của Beckett vượt qua trạng thái bi đát để tiến tới sự tuyệt vọng thực sự. Nhưng trong nhiều đoạn sống Molloy chấp thuận, vui đùa và còn bân hoan sung sướng nữa. Sự thay đổi như Molloy đã diễn tả, rất thầm lặng; hai tiếng bình an, la paix, luôn luôn trở đi trở lại trên môi nhân vật Molloy, chỉ rõ một trạng thái mà người ta ao ước, một hạnh phúc khi sự lang thang vất vưởng chấm dứt. Nhưng Molloy hiểu rằng thứ hạnh phúc đó, hắn sẽ không được hưởng, vì sự sung sướng, hoan lạc chỉ có ở trong lòng sự bất tận. Bình an, hạnh phúc chỉ đến từ sự buông thả hoàn toàn theo với sự thay đổi. Tư tưởng của Beckett không nằm trong hệ thống triết học Tây phương khi bàn về sự tuyệt vọng. (thí dụ tư tưởng của Kierkegaard), nhưng gần với tư tưởng Đông phương, về sự hư vô hóa đời sống, tiêu diệt dục và phủ nhận hiện sinh. Tư tưởng của Beckett là một thứ siêu hình bao hàm sự bất biến. Khổ sở của con người đến từ sự cố gắng để trở nên người, từ ước muốn giải thích sự vật, con người nếu khôn ngoan thì nên sống thuận theo thiên nhiên, không phản kháng và cũng không nổi loạn. Một quan niệm vô vi nơi Beckett, đại khái như vậy.

Như vậy chúng ta hiểu tại sao một câu chuyện dựa theo tư tưởng trên chỉ có thể tàn lụi dần khi tiến sâu, tại sao Lời Nói, khi dứt bỏ được hết những ý nghĩa tức thời, khi được tự do muốn nói gì thì nói lại chiếm chỗ trống do chính câu chuyện đã bị vỡ vụn để lại.

Nhà văn luôn luôn đến sau những biến động, Le romancier vient toujours après les évenements, điều hắn kể chấm dứt khi hắn bắt đầu viết kết cục của một cuốn truyện mà nhà văn muốn dẫn dắt người đọc tới không phải là một kết cục thực sự - cũng như khởi dầu của no là một khởi đầu giả. Mọi tiểu thuyết vì muốn bắt đầu và chấm dứt nên đã mang những giới hạn tùy ý tới bất lận. Nhưng khi gã kể chuyện muon lam sống lại chính đời hắn, muốn khôi phục lại những xao động thực sự của sự biến đổi, muốn khôi phục lại cái «émotion confuse», (C'est dans la tranquillité de la décomposition que je me rappelle cette longue émotion que fut ma vie». Trong sư yên lặng của đổi thay tôi nhớ tới cơn xúc động lộn xộn là đời tôi), khi đó chẳng còn có chuyện chẳng còn có mạo hiểm, chẳng còn có biến động (Il n'y a plus d'histoire, plus d'aventure, plus d'évenement)

Maurice Blanchot, một tác giả có lẽ gần Beckett nhất viết « Không phải bằng sự yên lặng, nhưng mà bằng sự giật lùi của sự yên lặng, bằng sự xé rách cái chiều dầy êm ả, và qua sự rách toang nay, một tiếng động mới xáp lại gần một kỷ nguyên không lời nói xuất hiện» Ce n'est pas par le silence, mais par le recul du silence, par une déchirure de l'épaisseur silencieuse, et à travers cette déchirure, l'approche d'un nouveau bruit, que s'annoncera l'ère sans parole) Tiểu thuyết của Beckett báo hiệu cái kỷ nguyên không lời đó.

SƠ DẠ HƯƠNG

GIỚI THIỆU

Tiếng động mới, tiếng thì thầm không bao giờ ngừng đó, thứ tiếng nói kỳ lạ mới mẻ đó «lạnh lùng, không thân thiết, không sâu xa và không hạnh phúc» froide, sans intimité et sans bonheur» hình như nói một điều gì đó tuy rằng có thể chẳng nói gì «semble dire quelque chose alors que peut-être ne dit rien» — chính là thứ tiếng nói đã bám chặt lấy chúng ta ngay từ trang đầu cuốn Molloy : thứ tiếng nói vô danh, lì lợm, ngoan cố, như chết rồi nhưng lại như không thể tàn lụi — «Chính thứ tiếng nói đó Molloy đã được nghe và đã chỉ dẫn Moran — Molloy : «je ne me disais rien au tout, mais j'entendais une rumeur, quelque chose de changé dans le silence et j y prêtais l'oreille, et alors quelquefois il naissait confusément en moi une sorte de conscience, ce que j'eprime en disant, je me disais.»

Tiếng thì thầm yên lặng đó, chính là thứ không độ của lời đó, không độ của hiện sinh khởi điểm của đời sống vậy (le degré zéro de la parole le degré zéro de l'existence)

Nhiệm vụ của nhà văn chính là xây dựng, bằng phương tiện những từ ngữ, một thế giới khác. Nhà văn chỉ có thể làm được việc đó khi đem đến cho đời sống này một ý nghĩa khác, bằng cách làm cho mọi người tưởng tượng về đời sống khác đi.

Muốn trở nên khuôn mẫu, điều trước tiên văn chương phải là một tấm gương, và bởi vì chỉ có văn chương khi còn có người ta, một tấm gương của con người. Người ta có thể tự hỏi không hiểu văn chương hoàn thành nhiệm vụ của nó chưa khi nhốt con người vào trong cái vũ trụ ám ảnh của sự nhắc đi nhắc lại (l'univers obsédant de la répétition) kiểu vũ trụ của Beckett. Bởi vì thế giới mà người ta kham phá ra trong tiểu thuyết hiện đại là một thế giới bất động, và chúng ta cũng biết rằng thế giới chúng ta đang sống không phải như vậy ; đó là một thế giới ở bên ngoài lịch sử, và lịch sử vẫn tiếp diễn 12 năm sau Molloy, văn chương vẫn tiếp tục bị công kích hoặc vì trung thành với thiên chức giám sát đã tự giam trong cái vỏ chủ thể cứng đờ, khô héo, hoặc ra khỏi nhà giam và đụng đầu với thực tại chối bỏ cái hình ảnh khổ hạnh mà người ta đã gán ghép cho nó. Sẽ ra sao, văn chương, con người kể từ khởi điểm số không ?

Hoàng hôn của văn chương, của con người. Tất cả đều tự hỏi sự khỏi bệnh có thể có được không ? Chính trong khung cảnh đen tối đó mà tiếng nói của Beckett vang lên: Beckett, nhà văn cuối cùng của nhân loại.

S. P. H.

(viết theo B. Pingaud : Beckett le précurseur và những bi báo của G. Picon, R.Kauters,...)

trường hợp của Hy

■ tiếp theo trang 17

Bây giờ tôi đang làm nước Việt Nam bé nhỏ nhiều nhương và đầy khổ đau. Tôi đứng tần ngần mất mấy phút mà chẳng làm được gì. Một vệt sáng lớn quét dài vùng kẽm gai phía ngoài kéo tôi về thực tại. Chúng tôi vội rút trong người ra cuộn giây nhỏ, buộc từng thùng đồ hộp lại với nhau, đoạn cột múi giây ngang thắt lưng, chẳng khác gì lúc nhỏ chúng tôi nối đuôi nhau làm xe lửa. Cũng may tiếng máy điện và tiếng phi cơ lên xuống đã át hẳn những tiếng động chúng tôi gây ra. Thằng Lạp đã trườn mình trở ra trước, tôi theo sau. Một vệt sáng quét dài rồi dừng tại góc kẽm gai thằng Lạp làm dấu. Tôi run bắn người. Bấm khẽ tay thằng Lạp. Nó nói thật nhỏ :

— Bình tĩnh mày, không can gì đâu, nếu có gì thì chui vào trong đống đồ hộp kia là chắc ăn.

Tôi cố bò ra. Bây giờ ngang thắt lưng trở nên đau buốt, tôi đã cố gắng kéo sau người đến tám thùng hay vì sáu thùng như mọi bận. Vệt đèn pha mỗi lúc một rõ sáng, tiến dần, tiến dần về phía chúng tôi. Tôi cố trườn sát người, thằng Lạp đã trở lui. Tôi cũng vội nép mình vào đống đồ hộp như nó. Đèn ắt ngầm. Tiếng súng nổ chát chúa đạn bay vút qua đầu chúng tôi. Tiếng thằng Lạp hổn hển :

— Nguy quá, tao sợ họ phát giác ra chúng mình.

— Ừ. Tôi chẳng biết nói gì hơn. Tôi run cầm cập. Bây giờ tôi đang nằm trước họng súng nguy hiểm rình chờ, chẳng khác gì chúng tôi tham dự chiến trận mà địch đã biết chỗ núp. Một viên đạn ghim vào hộp phía trái. Tôi hoảng hồn. Cuộc chiến là thế này sao. Tôi không còn hăng như lúc mới bò vào nữa.

— Hy ơi tao sợ quá, nếu họ bắt được mình hay bị bắn chết...

— Khỉ, mày chỉ nói gở.

Tôi trấn át tinh thần nó, nhưng rất nhanh tôi nghĩ đến những rủi ro có thể xảy ra ; nếu mà bị bắn; bị bắt, hình ảnh những người thân yêu thoáng nhanh, Dư Tấn, Lý, Sáu Bưởi, Cha mẹ Lạp, căn nhà, con phố, tất cả như quay cuồng. Tôi nắm khẽ tay thằng Lạp. Bây giờ tôi thương nó hơn thương tôi, nó còn cha mẹ, bầy em, làm sao nếu đêm nay nó không trở về. Bàn tay nó nóng hổi trong tay tôi, nó xiết chặt tay tôi, chúng tôi chuyền cho nhau hơi ấm. Thế, dương đứa nào cũng đẫm mồ hôi dù đêm thật lạnh. Súng vẫn nổ vang rền. Đèn pha đã tắt từ lâu. Không đứa này dám xê dịch lấy nửa bước. Như thế một lúc sau thật lâu, tiếng súng im bặt. Tôi chờ đợi năm mười phút trôi qua đêm trở nên yên lặng.

— Yên rồi ; Lạp ; bò ra.

Chúng tôi dò dẫm trong đêm. Bây giờ ngang thắt lưng không còn đau, nên tê cứng. Thật nhanh chúng tôi vượt ra năm lần kẽm gai. Tôi vừa trườn người vừa rên khẽ, những vệt xước kẽm gai xé rách chiếc áo nhà binh, cào cấu trên da thịt nhức buốt. Cũng mặc. Phải vượt qua, tôi lẩm thẩm trong miệng thế. Thỉnh thoảng có tiếng Lạp vọng lại, không biết nó đang ở đâu.

— Ráng lên Hy ơi còn chút nữa mày.

Tôi dường như đã đuối sức, thân xác nặng nề; đau nhừ, gai nhọn chạy rần rần khắp người, tôi muốn lịm người gục xuống. Có tiếng thằng Lạp reo to, thoát rồi Hy ơi.

Nhưng lúc tôi đưa tay nâng lớp kẽm gai cuối cùng lên để chui ra, một bàn tay đầy lông lá níu đầu tôi xách lên. Một ánh đèn xe dọi lại. tôi choáng váng đứng không nổi, trước mặt tôi một người lính Mỹ to lớn trên mũ có chữ MP giữ chặt tay tôi. Thằng Lạp cũng thế. Một tràng tiếng Mỹ dội vào mặt kèm theo một lóe sáng đèn bấm. Tôi chẳng hiểu gì. Chỉ nghe thoang thoảng có tiếng VC. Lạp thúc cùi chỏ vào hông tôi :

— Nó nói chúng mình là VC vào ăn cắp đồ và đặt plastic.

Tôi bàng hoàng cả người. Một chiếc xe có ngôi sao trắng tiến lại phía chúng tôi. Trên xe có cả thằng Du, Tấn, Lý, đứng chung với mấy người Mỹ có mang súng.

Đêm ấy cả năm chúng tôi đều bị bắt, chuyển từ tiểu khu qua quân cảnh ; cảnh sát và bây giờ đến đây với các ông. Trước mặt các ông tôi không còn gì phải nói cả ; những điều gì phải nói tôi đã nói. Một điều duy nhất tôi không phải là VC, nội tuyến. Chúng tôi đói đi kiếm ăn, kiếm sống. Đó cũng là một công việc làm đổ mồ hôi, nước mắt như các ông. Giờ đây quyền tha, nhốt là của các ông. Tôi không còn gì đáng nói ngoài một điều duy nhất ; tôi không phải là VC.

các nhà văn nhà thơ nói về giải...

■ tiếp theo trang 8

LÊ XUYÊN

Tôi cũng đưa Lê Xuyên những câu hỏi như trên, anh cười ruồi :

— Tôi nghe tiếng này tiếng nọ về giải Văn Chương hơn là nghe chính cái Giải Văn Chương. Tôi chả biết khỉ gì ráo, đúng ra chỉ đọc những tác phẩm được giải của Nguyễn Mạnh Côn, Nhật Tiến mà thôi. Mấy câu hỏi khác tôi gà mờ thấy mẹ. Tuy nhiên về câu hỏi chót, tôi nghĩ nên trao một giải duy nhất cho mỗi bộ môn thôi. Nói thế có gì quấy không ?

— Không.

NGUYÊN SA

(1) Có đọc một vài cuốn đã được giải thưởng Văn chương toàn quốc. Nhưng không thể có ý kiến đứng đắn được vì chỉ còn nhớ lờ mờ. Vả lại cái việc phê bình văn nghệ này, không khoái.

(2) Thành phần ban tuyển chọn của Giải thưởng văn chương thế nào cũng được cả. Không phải cứ sáng tác hay là tuyển chọn chính xác và không phải cứ sáng tác tồi là tuyển chọn dở. Giá trị của một ban tuyển chọn sẽ được quy định bởi giá trị của tác phẩm được giải thưởng. Do đó, một ban tuyển chọn ý thức được rằng tác phẩm được giải thưởng sẽ làm danh dự cho họ, đấy là một ban tuyển chọn tốt. Một ban tuyển chọn tự coi mình là đàn anh văn nghệ, là quan trường chấm thi, là kẻ ban phát ân huệ luôn luôn là một ban tuyển chọn tồi.

(2) Không quan tâm, bởi thế vấn đề dự đoán không đặt ra.

(4) Đã đọc cả. Chú thích : câu hỏi này có thể bị hiểu, không biết đúng hay sai, là có ác ý. Nên hỏi : thích đọc ai chớ không nên hỏi : không đọc ai. Vì cái sự không đọc được nói to lên không chứng minh được gì cả, ngoài sự miệt thị đồng loại từ trước khi biết nó.

(5) Chỉ nên trao một giải thưởng duy nhất. Chia các giải nhất, nhì, ba có vẻ thi hoa hậu hay đua xe máy quá. Nói rõ ; tôi rất khoái hai loại đua này. Nhưng trong văn nghệ, một là anh thú, hai là anh không thú. Một là được, hai là không được. Có thế thôi. Tôi không nhớ rõ các giải thưởng văn chương quốc tế như Nobel, Goncourt hay Pulitzer họ có làm giải nhì, giải ba hay giải an ủi không. Hình như không. Theo tôi thì chia như thế không được vì cái tình cảm phước thiện lấn áp tình cảm văn nghệ và cái anh nhận giải nhì, ba như thế cũng là một người lạ lùng lắm.

Chia giải nhất cho hai người thì được.

VIÊN LINH ghi

Nghệ Thuật đóng tập

Thể theo lời bạn đọc, Nghệ Thuật đã cho đóng tập từ số 1 tới số 15, gáy simili, bìa cứng mạ chữ vàng. Số đóng rất có hạn. Bạn nào muốn có Nghệ Thuyật đóng tập hoặc tới tòa soạn, hoặc cho biết địa chỉ chúng tôi sẽ giao tận nhà ; giá 200 đồng mỗi tập cho các bạn ở đô thành

— 200 thêm 30 đồng cước phí gửi bảo đảm cho các bạn ở các tỉnh.

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI

24

viên đạn đồng chì nối

NHƯNG còn gã quận trưởng ? Đó là trở lực tình cảm, nhưng lại là trở lực lớn nhất. Còn gã quận trưởng là còn một đối tượng cho sự mê đắm của Nữ, và như vậy Nữ vẫn sẽ chẳng bao giờ hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của y. Vấn đề trước sau vẫn là thanh toán, không hẳn như thanh toán một kẻ thù mà là thanh toán một tình địch. Làm thế nào ? Nữ là một cây bài. Biết xử dụng Nữ, là đánh thắng được ván bài quyết liệt.

Đầu óc Niệm thẳng căng trong vận dụng suy nghĩ đưa tới tìm kiếm được một âm mưu khoa học đưa người quận trưởng vào tròng.

Một lát sau, mà Nữ cảm thấy lâu dài như một thế kỷ, Niệm xáchđèn mở cửa đi ra.

*

Khu vườn cây hoang vu um tùm, ánh lửa chập chờn hắt lên ba khuôn mặt, mỗi khuôn mặt phản ánh một trạng thái và một bản chất khác biệt. Nét mặt Niệm hiện đầy vẻ lo lắng. Y ngồi xổm, hai tay buông thõng trên đầu gối, cặp mắt mở lớn và y chờ đợi. Y đã trình bày xong. Những lời trình bầy của y được theo dõi và được ghi nhận. Kể từ đêm hạ sát được ông quận trưởng già ở con đường hẻm phía sau khu sếch tơ. Niệm được xem như một cán bộ nằm vùng có khả năng trong những công tác khủng bố gây hoang mang cho đám dân chúng hiền lành sống trong khu vực quản lý. Vậy Niệm đã trình bầy, y đã trình bầy xong, và bây giờ y ngồi đó và y chờ đợi. Sự trình bầy của Niệm rất giản dị. Phải hạ sát quận trưởng.

Người mà Niệm trình bày là thượng cấp của Niệm Đó là một người đứng tuổi, nét mặt trầm ngâm, lạnh lùng, loại người của những suy nghĩ chìm lắng, như một mặt hồ phẳng lặng không có những biểu hiện nổi hình lên bề mặt, loại người của những quyết định âm thầm ghê gớm. Y đứng đầu tổ chức Y là linh hồn; đầu não của vùng không người. Y là tử thần chờ rình trong đêm tối kẻ quyết định tối hậu. Y là đêm tối và sự im lặng hãi hùng của đêm tối. Trong suốt thời gian Niệm trình bày kế hoạch bằng một giọng nói đầy sôi nổi và đằng đằng sát khí, tên thủ lãnh chỉ yên lặng nghe, không nói chen vào một lời nào. Giữa căn vườn hoang vu giữa những đám cỏ hoang um tùm trước ánh lửa chập chờn lay tạt, cặp mắt lặng lờ nham hiểm, làn da mặt phẳng lỳ, bói không thấy một thớ thịt rung động. Tên thủ lãnh hệt như một pho tượng ngồi đó, một pho tượng lạnh, khốc liệt, chứa dấu trong nó một quyền uy rợn người.

Niệm không được biết gì về thủ lãnh thượng cấp của mình ngoài cái điều y có quyền cho Niệm được sống hay bắt Niệm phải chết. Trái lại thủ lãnh biết hết về Niệm. Biết từ quá khứ của Niệm, đến cả cái phần tình cảmẩn dấu gìn giữ mà Niệm tưởng là một bí mật tuyệt đối của đời y. Sau cuộc tấn công đồn tên thủ hạ được cắt cử đi theo Niệm tới xóm lá, đã về báo cáo tường tận cho thủ lãnh về trường hợp gặp đứa con gái từ trong quận trở về, đánh đứa con gái ngất và bắt cóc đứa con gái đem về Xóm Hạ. Thủ lãnh ngồi đo, như một pho tượng lạnh, y nhìn Niệm nghe Niệm trình bày kế hoạch, và y hơi nhếch mép mỉm cười, nghĩ rằng đứa con gái bị bịt miệng và chói chặt tay chân giam nhốt trong căn buồng kia là niềm đau khổ và đam mê thầm kín của Niệm. Niệm, tên cán bộ cuồng tín, đã trở thành chuyên viên đặc trách các công tác khủng bố, nhưng trái tim chưa sắt đá mà còn một kẽ hở, là đàn bà. Còn hiếu sắc, còn rung động trước đàn bà, chưa phải là một cán bộ hoàn toàn. Chưa hoàn toàn bởi sẽ còn bị khuynh đảo, lay chuyển và nghiêng ngả vì đàn bà.

Im lặng một lát. Một im lặng nghe ngóng Chỉ còn nghe thấy lồng lộng trong không gian khoảng khoát, tiếng than vãn rũ rượi của rừng phi lao, tiếng gió lùa trong cỏ dầy như những âm thanh đặc biệt của một mùa đông thê lương bao phủ kín trùm lên những bóng tối không cùng của vùng giới tuyến,

— Theo đồng chí, phải hạ sát ?

— Đúng thế. Không có cách nào khác.

— Tên quận trưởng mới về nhậm chức. Hạ sát ngay có nên không ?

— Nó lợi hại và nguy hiểm gấp trăm lần lão quận trước.

Tên thủ lãnh gật gù :

— Điều đó thì tôi biết.

Hắn bật lên một tiếng cười ngắn, khô khan

— Thành ra, giá đừng thủ tiêu lão quận cũ có lẽ lại là một điều hay. Lão quận cũ chỉ là một ông lão già khiếp nhược, cầu an mà không bao giờ là một địch thủ lợi hại. Nhưng thôi, chuyện đã xong không nên trở lại. Đồng ý là tên quận mới phải chết. Tôi đã nghe đồng chí phát biểu ý kiến Nhưng đồng chí quên một điều. Tên quận mới này ắt hẳn đã đề phòng rất cẩn thận Hạ sát nó không phải là chuyện dễ dàng gì.

Niệm chống tay xuống đất Mắt y sáng quắc. Giọng y cương quyết :

— Khó khăn không có nghĩa là không thực hiện được.

Tên thủ lãnh nhìn Niệm, và cái nhìn như chiếu soi vào đáy cùng tâm tư làm Niệm rùng mình. Y hỏi Niệm, rành rọt từng tiếng một :

— Đồng chí có tử thù với tên quận mới ?

Câu nói như một mũi nhọn đâm trúng điểm hồng tâm, khiến Niệm giật bắn người lên. Y làm bộ kinh ngạc :

— Tôi không hiểu...

Tên thủ lãnh nhếch mép cười vui thú. Y là một con mèo đang vờn một con chuột, và khoái trá thầm vì trò đùa độc ác này :

— Dễ hiểu lắm chứ có gì mà không hiểu. Như thế.. thì phải coi là tử thù thật.

Bỗng nhiên, tên thủ lãnh đổi hẳn nét mặt, đang tươi cười chợt biến thành vô cùng nghiêm khắc :

— Đồng chí coi chừng. Đừng để cho tình cảm làm mù quáng. Tôi đã được báo cáo tường tận. Chung ta đang lén lút công tác trong lòng địch Bất cứ một sơ hở nào cũng có thể đưa đến những hậu quả rất tai hại. Phải tỉnh táo, không được sa ngã, không được mềm yếu, lúc nào cũng phải đặt công tác lên hàng đầu, đó là tâm niệm của người hoạt động trong vùng kiểm soát của đối phương.

Nghe tôi nói chưa.

■ còn nữa

Nghệ Thuật và Bạn Đọc

● tiếp theo trang 20

Ông VÂN TRIỀU (Huế). Chúng tôi sẽ mở rộng trang những người viết mới. Anh nhà văn Duyên Anh đã đăng trong số nói chuyện về tiểu thuyết nhật báo. Ông Duyên Anh đã viết : Thằng Vũ, Luật Hè Phố... Khi có dịp, chúng tôi sẽ phê bình cuốn Điệu Ru Nước Mắt như đã phê bình Đèm Tóc Rối của Dương Nghiễm Mậu. Chúng tôi không được rõ tiểu sử của các ông Sơn Nam, Chu Tử, Lê Xuyên, Vũ khắc Khoan v.v... Tuy nhiên, chúng tôi sẽ liệu trả lời bạn trong một số tới.

TRẦN YÊN THẢO : Anh Cung Trầm Tưởng cám ơn bạn. Cứ gửi tiếp cho sáng tác khác.

Cô TRẦN THỊ NHUNG : Đã nhờ ty tri sự gửi ra cho cô số 1 và số 9. Anh Mai Thảo và Nhã Ca gửi lời cảm ơn cô.

Anh TÔN THẤT NHẬT HUY : (Huế) Tòa soạn đã nhận được mấy bài anh nói, nhưng chưa kịp trả lời. Thường là phải 15 ngày sau. Sau khi tòa soạn trả lời là nhận được rồi mà một tháng sau, tức là qua 4 số báo, mà không thấy bài đăng thì coi như không đăng. Chúng tôi vẫn cố gắng làm những số đặc biệt. Kỳ này là đặc biệt về Samuel Beckett, một cây bút tiền phong trong phong trào tiểu thuyết mới hiện nay. Nhà văn Lý Hoàng Phong độ này ít viết vì bận làm cho Đài Phát Thanh Saigon. Bạn có thể biên thư về đấy. Trong một số tới bạn sẽ đọc một truyện ngắn của tác giả Sau cơn mưa trên Nghệ Thuật.

Ông TRẦN DIỆU HỒNG : (Vĩnh Long) Bài ông đã nhận được. Cao Thoại Châu không phải ở Vĩnh Long mà ở Kontum. Có lẽ trước ông ấy dạy học ở VL. Địa chỉ ông Châu : Trường Trung học Công Lập Kontum.

Anh ĐINH HOÀNG SA : (Quảng Ngãi) Đợi bài và địa chỉ anh. Và Duật. Vẫn có ý mong thư mà không thấy.

V. L

giới thiệu thơ tiền chiến

■ tiếp theo trang 4

lắm, còn là những khuôn mặt thi sỹ tiền chiến phải đẩy ra khỏi vùng mờ sương của những ngộ nhận sai lầm. Những nhà phê bình, những sử gia tiền chiến thấy sai nói sai về đồng thời của họ rất nhiều. Chúng ta nhìn lại, nói lại, Cho thật. Cho đúng. Lấy một thí dụ Tập hợp tuyển Thi Nhân Việt Nam của Hoài Thanh Hoài Chân đến nay vẫn được nhiều người coi như một đánh giá có thẩm quyền về thơ tiền chiến, thực ra là một công trình đồ sộ của những nhận định sai lạc, không ý thức không văn học chút nào. Nghệ Thuật, bằng giới thiệu lại thơ tiền chiến, và rồi đây bằng giới thiệu lại những áng văn suôi đáng giới thiệu lại của văn suôi và tiểu thuyết tiền chiến, nhằm thực hiện hai mục đích : 1 giúp bạn đọc thưởng thức lại những hạt ngọc còn vùi lấp, 2— góp một phần tài liệu và nhận định bé nhỏ vào dựng xây văn học hiện cận đại và hiện đại Việt Nam,

những bước chân buồn

Tiếp theo trang 16

khung cảnh buồn thảm nầy một vẻ hắt hiu xa vắng. Tiềm thức bị xoáy động khơi nguồn cho niềm nhung nhớ cố hương. Dĩ vãng chập chờn ẩn hiện như bóng ma trơi. Nhẹ nhàng như một thoáng nhớ mà cũng diệu vợi như một ẩn uất tiềm tàng đục rũa mảng hồn mất quê hương. Bây giờ, còn một mình với cảm giác trống trải cô liêu.

Như thoáng buồn của một lữ khách trong căn gác một đêm ngủ đỗ ? Như xa xăm ướt mộng của cô gái dậy thì bâng khuâng nhè nhẹ mỗi lúc tâm tư phiêu du vào vùng tình yêu ? Không, nó tiềm tàng trong tâm thức, nó sâu đậm trong hồn, nó luân lưu trong huyết quản. Nó ám ảnh mãi, nó trườ ng miên đeo đẳng, nó chất chứa ấp đầy tâm tư. Nó kéo lôi dĩ vãng trở về, và những đay nghiến, những ân hận, những nhức nhối bắt đầu. Buồn, thấy cay cay ở mắt,

Nó đó, từ Bảo Lộc, lên Đalat, xuống Nhatrang. Thời gian bất lực không gian càng vô nghĩa, chẳng giải quyết được gì cả. Chỉ một chuỗi thinh không u tối ngày càng loang lổ tâm hồn. Tất cả đều nằm ngoài tầm tay, muốn hét lên thật to để biết mình hiện hữu, nhưng cổ họng mình nghẹn lại « Thủy Tiên ơi ! Huệ ơi ! Tuyết ơi ! anh sắp từ bỏ tất cả, adieu ! Adieu pour la dernière fois, bây giờ, anh muốn sống cho anh vì chưa một lần nào anh « được » sống cho anh cả. Adieu ! »

VIÊN MINH

Vì sao người PNVN mau già

Vì sao người Phụ nữ Tây phương 40 tuổi mà vẫn trẻ đẹp như người Phụ nữ Việt Nam tuổi chưa đầy 30 ?

Vì Tây phương là xứ lạnh, còn Việt Nam là xứ nóng ; nắng hạ thiêu đốt làm cho làn da khô khan, cằn cỗi, người phụ nữ V.N. do đó mau già.

Trong những năm gần đây ở V.N. đã sản xuất được thứ kem nuôi da gồm nhiều chất thuốc mát, có khả năng tiếp nước và bồi bổ sinh lực cho làn da luôn luôn mát mẻ tươi mịn hồng hào đó là CRÈME THORAKAO

Với tính chất mát này, CRÈME THORAKAO còn ngừa và trị được những chứng tàn nhang vết nám, mụn, sần, quầng đỏ, nhăn, nhờn v.v do khí hậu tạo nên.

Cũng với tính chất mát này CRÈME THORAKAO có khả năng chống nắng làm da khỏi bị đen nám.

Nhà sản xuất CRÈME THORAKAO lại còn có sáng kiến chế cho kem này có phấn để khi dùng vừa nuôi dưỡng vừa điều trị lại vừa trang điểm đẹp để giản dị... rất thích hợp cho mọi người phụ nữ Việt Nam.

Kem này có bán ở nhà thuốc tây và tiệm hóa phẩm từ thành thị đến thôn quê nên rất tiện dụng cho người P N Việt Nam

đón đọc trong số tới
NGHỆ THUẬT
Với một tùy bút mới nhất của
Mai Thảo
LỮY CÁ NHÂN

NHÀ XUẤT BẢN

Antiêm

hộp thơ 1510 — Saigon

Đã phát hành tác phẩm thứ ba

CÕI NGƯỜI TA

TERRE DES HOMMES

của Saint-Exupéry

Câu chuyện kể, là chuyện phi công và phi cơ.
Nhưng giọng người là giọng trần gian đi tìm linh hồn mình giữa non nước quạnh.
Saint-Exupéry đã đi mất từ lâu, nhưng tiếng ngân dài trong suốt vẫn xuyên vào trong giấc chiêm bao thương nhớ của những người ở lại.

bản đặc biệt để bán tại :

SAIGON : nhà sách Tự Lực, đường Lê Lợi
QUI NHƠN : nhà sách Khánh Hưng 309 Gia Long
ĐÀ NẴNG : nhà sách Sông Đà, Lam Sơn và Văn Hóa
HUẾ : nhà sách Tân Hoa

việt nam kỹ nghệ

CƠ KHÍ CÔNG TY (S. O. V. I. M. I.)

11, Công Trường Mê Linh — Saigon

sản xuất

- Giây sên xe gắn máy và xe đạp « N.V.D. »
- Các loại niền nhôm cho xe gắn máy, xe đạp, xe trẻ em « DURALUX »

NHÀ XUẤT BẢN

TIA SÁNG

ĐÃ XUẤT BẢN :

NẮNG SỚM MƯA CHIỀU	*Ngọc-Linh*
CHO MƯỢN CUỘC ĐỜI	*Thanh-Nam*
BƠ VƠ	*An-Khê*
NHỮNG KẺ NGOẠI TÌNH	*Văn-Quang*
TUỔI TÌNH YÊU	*Hoài-điệp-Tử*
YÊU TRONG HOÀNG HÔN	*Ngọc-Linh*
ĐỪNG HỎI TẠI SAO	*Truyện dài của Bình nguyên Lộc*
DANH GIÁ	*Truyện dài của bà Tú Hoa*

SẮP PHÁT HÀNH :

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN

ĐANG IN :

MƯA ĐÊM TỈNH NHỎ	*Thanh-Nam*
GIÒNG ĐỜI	*bà Tùng-Long*

nghệ thuật

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

Mỗi số	8 đồng
Sáu tháng	180 đồng
Một năm	300 đồng

Công sở giá gấp đôi
Thư từ bài vở gửi **THANH NAM**
Tiền bạc, ngân phiếu xin đề Ông TỪ **NGOC TOẢN**